

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
NGÀNH KẾ TOÁN**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Đề tài:
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH
DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
DEVEL**

Giảng viên hướng dẫn	: Ths. Nguyễn Xuân Hiệp
Sinh viên thực hiện	: Nguyễn Thị Hồng Thương
Mã số sinh viên	: 2254010073
Khóa học	: 2022 - 2026
Lớp	: 22KH2

Đà Nẵng, tháng 06 năm 2026

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
NGÀNH KẾ TOÁN**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đề tài:

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH
DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
DEVEL**

Giảng viên hướng dẫn	: Ths. Nguyễn Xuân Hiệp
Sinh viên thực hiện	: Nguyễn Thị Hồng Thương
Mã số sinh viên	: 2254010073
Khóa học	: 2022 - 2026
Lớp	: 22KH2

Đà Nẵng, tháng 06 năm 2026

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

GIAO NHIỆM VỤ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Năm học: 2025 – 2026

1. Thông tin tác giả thực hiện

- Họ và tên sinh viên: Nguyễn Thị Hồng Thương
- Chuyên ngành: Kế toán
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Khóa học: 2022 – 2026

2. Tên đề tài Khóa luận tốt nghiệp

Đề tài: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel

3. Nội dung

Chương I: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel.

Chương III: Nhận xét và một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

4. Ngày giao nhiệm vụ làm khóa luận tốt nghiệp: 02/03/2026

5. Ngày sinh viên phải hoàn thành khóa luận: 01/06/2026

6. Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Xuân Hiệp

Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC

DANH MỤC SƠ ĐỒ	7
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	9
LỜI CẢM ƠN	10
LỜI MỞ ĐẦU	11
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.	13
1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	13
1.1.1 Các khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	13
1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ..	14
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	14
1.1.4. Yêu cầu của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	15
1.2. Kế toán doanh thu, thu nhập	16
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu	16
<i>1.2.1.1. Khái niệm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu.....</i>	<i>16</i>
<i>1.2.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.</i>	<i>17</i>
<i>1.2.1.3. Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.</i>	<i>17</i>
<i>1.2.1.4. Chứng từ, tài khoản sử dụng</i>	<i>18</i>
<i>1.2.1.5. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.....</i>	<i>19</i>
1.2.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	21
1.2.2.1. Khái niệm.	21
1.2.2.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng.	22
1.2.2.3. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.	23
1.2.3. Kế toán thu nhập khác.	23
1.2.3.1. Khái niệm.	23
1.2.3.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng.	24
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.	25
1.3. Kế toán chi phí	25
1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán	25
1.3.1.1. Khái niệm	25

1.3.1.2. Các phương pháp xác định giá vốn.....	26
1.3.1.3. Chứng từ, tài khoản sử dụng.....	26
1.3.1.4. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.....	27
1.3.2. Kế toán chi phí tài chính.....	28
1.3.2.1. Khái niệm.....	28
1.3.2.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng.....	28
1.3.2.3. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.....	29
1.3.3. Chi phí quản lý kinh doanh.....	30
1.3.3.1. Khái niệm.....	30
1.3.3.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng.....	31
1.3.3.3. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.....	32
1.3.4. Kế toán chi phí khác.....	33
1.3.4.1. Khái niệm.....	33
1.3.4.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng.....	33
1.3.4.3. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.....	34
1.3.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	34
1.3.5.1. Khái niệm.....	34
1.3.5.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng.....	36
1.3.5.3. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.....	37
1.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	38
1.4.1. Khái niệm.....	38
1.4.2. Phương pháp xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	38
1.4.3. Tài khoản sử dụng.....	39
1.4.4. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.....	40
1.5. Những cập nhật mới của chế độ kế toán theo Thông tư 99/2025/TT-BTC....	41
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL.....	42
2.1. Tổng quan về Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel.....	42
2.1.1 Thông tin khái quát về Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel.....	42
2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Devel.....	42
2.1.3 Lĩnh vực hoạt động, chức năng và nhiệm vụ công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel.....	43

2.1.3.1. Lĩnh vực hoạt động.	43
2.1.3.2. Chức năng.	43
2.1.3.3. Nhiệm vụ.	44
2.1.4 Đặc điểm tổ chức quản lý tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel.	44
2.1.4.1. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel.	44
2.1.4.2. Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban.	44
2.1.5 Đặc điểm tổ chức kế toán tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel.	45
2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel.	45
2.1.5.2. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng.	46
2.1.5.3. Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty.	47
2.1.5.4. Phần mềm kế toán sử dụng tại công ty.	48
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel.	50
2.2.1. Đặc điểm bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel.	50
2.2.1.1. Đặc điểm bán hàng và cung cấp dịch vụ.	50
2.2.1.2. Phương thức bán hàng.	50
2.2.1.3. Phương thức thanh toán.	50
2.2.2. Kế toán doanh thu, thu nhập tại Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Devel.	50
2.2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	50
2.2.2.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.	61
2.2.2.3. Kế toán thu nhập khác.	65
2.2.3. Kế toán chi phí tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel.	68
2.2.3.1 Kế toán giá vốn hàng bán.	68
2.2.3.2. Kế toán chi phí tài chính.	74
2.2.3.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.	79
2.2.3.4. Kế toán chi phí khác.	97
2.2.3.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.	101
2.2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	106

CHƯƠNG 3: NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	115
3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel.	115
3.1.1. Ưu điểm.	115
3.1.2. Hạn chế.....	116
3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel.....	117
KẾT LUẬN	122
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	123

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1. 1. Hạch toán trường hợp bán hàng trực tiếp và chuyển hàng theo hợp đồng	19
Sơ đồ 1. 2. Hạch toán trường hợp bán hàng trả chậm, trả góp	20
Sơ đồ 1. 3. Hạch toán trường hợp bán hàng thông qua đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng	21
Sơ đồ 1. 4. Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	21
Sơ đồ 1. 5. Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.....	23
Sơ đồ 1. 6. Hạch toán thu nhập khác.....	25
Sơ đồ 1. 7. Hạch toán giá vốn hàng bán	28
Sơ đồ 1. 8. Hạch toán chi phí tài chính.....	30
Sơ đồ 1. 9. Hạch toán chi phí quản lý kinh doanh	33
Sơ đồ 1. 10. Hạch toán chi phí khác	34
Sơ đồ 1. 11. Hạch toán chi phí thuế TNDN.....	37
Sơ đồ 1. 12. Hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh	41
Sơ đồ 2. 1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Devel	44
Sơ đồ 2. 2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel	46
Sơ đồ 2. 3. Sơ đồ ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel	47
Sơ đồ 2. 4. Sơ đồ ghi sổ theo hình thức kế toán máy tại công ty.....	49

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Sổ cái TK 511(Trích sổ cái TK 511)	59
Bảng 2. Sổ chi tiết TK 511(Trích sổ chi tiết TK 511).....	61
Bảng 3. Sổ Cái TK 515 (Trích sổ cái TK 515)	64
Bảng 4. Sổ chi tiết TK 515 (Trích sổ chi tiết TK 515).....	65
Bảng 5. Sổ cái TK 711	67
Bảng 6. Sổ chi tiết TK 711	67
Bảng 7. Sổ cái TK 632 (Trích sổ cái TK 632)	72
Bảng 8. Sổ chi tiết TK 632 (Trích sổ chi tiết TK 632).....	74
Bảng 9. Sổ cái TK 635 (Trích sổ cái TK 635)	77
Bảng 10. Sổ chi tiết TK 635 (Trích sổ chi tiết TK 635).....	79

Bảng 11. Bảng thanh toán tiền lương	81
Bảng 12. Sổ TSCĐ	84
Bảng 13. Sổ CCDC	85
Bảng 14. Sổ cái TK 642 (Trích sổ cái TK 642)	92
Bảng 15. Sổ chi tiết TK 6422 (Trích sổ chi tiết TK 6422).....	97
Bảng 16. Sổ cái TK 811 (Trích sổ cái TK 811)	100
Bảng 17. Sổ chi tiết TK 811 (Trích sổ chi tiết TK 811).....	101
Bảng 18. Sổ cái TK 911 (Trích sổ cái TK 911)	108
Bảng 19 : Sổ nhật ký chung.....	114

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình ảnh 1. Giao diện phần mềm kế toán Việt Đà	49
Hình ảnh 2. Hóa đơn GTGT số 401.....	57
Hình ảnh 3. Giao diện phần mềm khi đã nhập hóa đơn	57
Hình ảnh 4. Sao kê sổ phụ ngân hàng Sacombank	62
Hình ảnh 5. Giao diện nhập lãi tiền gửi ngân hàng	63
Hình ảnh 6. Giao diện hạch toán thu nhập khác trên phần mềm	66
Hình ảnh 7. Giao diện phần mềm tự hạch toán giá vốn	69
Hình ảnh 8. Phiếu xuất kho theo hóa đơn 401.....	69
Hình ảnh 9. Sao kê sổ phụ ngân hàng Sacombank (lãi vay)	75
Hình ảnh 10. Giao diện phần mềm nhập thanh toán lãi vay	76
Hình ảnh 11. Giao diện phần mềm nhập tiền lương.....	81
Hình ảnh 12. Hóa đơn GTGT số 21861.....	82
Hình ảnh 13. Phiếu chi số CM003 /01	82
Hình ảnh 14. Giao diện phần mềm nhập chi tiền mua xăng.....	83
Hình ảnh 15. Giao diện phần mềm phân bổ TSCĐ ‘ xe ô tô Mec’	84
Hình ảnh 16. Phần mềm phân bổ CCDC ‘Chữ ký số FPT 4 năm’.....	87
Hình ảnh 17. Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước	98
Hình ảnh 18. Giao diện nhập nộp tiền chậm nộp.....	99
Hình ảnh 19. Tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2025	105
Hình ảnh 20. Giao diện phần mềm khi kết chuyển.....	107
Hình ảnh 21. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	109

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Tên viết tắt	Diễn giải
1	GTGT	Giá trị gia tăng
2	CKTM	Chiết khấu thương mại
3	CK	Chiết khấu
4	TSCĐ	Tài sản cố định
5	QLDN	Quản lý doanh nghiệp
6	CP	Chi phí
7	GTCL	Giá trị còn lại
8	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
9	NSNN	Ngân sách Nhà nước
10	TNCN	Thu nhập cá nhân
11	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
12	BHXH	Bảo hiểm xã hội
13	CCDC	Công cụ dụng cụ

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành bài báo cáo khóa luận tốt nghiệp với đề tài “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Devel”, tôi xin chân thành cảm ơn đến Ban Giám hiệu Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng đã tạo cơ hội để tôi thực hiện. Trong suốt thời gian làm bài, tôi đã nhận được rất nhiều sự hỗ trợ, động viên cũng như tạo điều kiện từ phía nhà trường và các thầy cô của khoa Kinh tế. Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành vì sự giúp đỡ đó.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến giảng viên ThS. Nguyễn Xuân Hiệp vì đã trực tiếp hướng dẫn và giúp đỡ tận tình, hỗ trợ tôi hoàn thành bài báo cáo thực tập tốt nghiệp này.

Tôi cũng xin cảm ơn Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Devel đồng thời tôi xin cảm ơn chị Thái Thị Mỹ Hạnh- Kế toán trưởng, là cán bộ quản lý của tôi tại nơi thực tập, chị là người đã đồng hành, chỉ dẫn và giúp đỡ tôi trong suốt quá trình thực tập tại đây. Bên cạnh đó, tôi cũng xin cảm ơn tất cả các anh chị tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Devel trong thời gian qua đã chia sẻ cho tôi rất nhiều kiến thức bổ ích. Môi trường làm việc hòa đồng, thân thiện nơi đây đã giúp tôi tự tin hơn để tiếp tục học tập, trau dồi kiến thức vững vàng, đã cho tôi có cơ hội được làm việc và hoàn thành được bài báo cáo này.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn đến người thân, bạn bè đã động viên tinh thần tôi trong khoảng thời gian vừa qua.

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Thị Hồng Thương

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Ngày nay xã hội với sự bùng nổ của nền công nghệ số, công nghiệp hóa hiện đại hóa, với sự ảnh hưởng đó thì nền kinh tế của nước ta cũng chịu sự tác động rõ rệt. Để một doanh nghiệp tồn tại và phát triển trong thị trường kinh doanh một phần yếu tố quyết định chính là kết quả cả quá trình kinh doanh, cụ thể là dựa trên các chỉ tiêu doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.

Mục tiêu chung của tất cả các doanh nghiệp là tối đa hóa lợi nhuận, để đạt được mục tiêu đó thì doanh thu bán hàng phải lớn hơn chi phí bỏ ra. Bên cạnh những phương thức xúc tiến thương mại, thì doanh nghiệp còn phải nắm bắt các thông tin chính xác từ bộ phận kế toán, để từ đó giúp các nhà quản trị có cái nhìn đúng đắn về tình hình hoạt động của doanh nghiệp từ đó đưa ra quyết định quản lý phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Với tầm quan trọng đó đòi hỏi kế toán trong doanh nghiệp phải tập hợp, phản ánh, hạch toán chính xác, kịp thời để cung cấp thông tin hữu ích cho việc ra quyết định. Vì vậy, việc tổ chức tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều cấp thiết, thiết yếu trong quá trình phát triển của doanh nghiệp.

Nhận thức tầm quan trọng của vấn đề trên, với kiến thức được học tại trường, để có thể hiểu biết sâu sắc hơn về phần hành này, nên trong quá trình thực tập tại Công ty em đã tìm hiểu, nghiên cứu và đi đến chọn đề tài cho khóa luận tốt nghiệp của mình là: “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel”.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu:

- Tìm hiểu và phân tích doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel .
- Phân tích báo cáo hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel.
- Qua quá trình thực hiện đề tài trong môi trường thực tế của công ty, đề xuất ưu điểm, nhược điểm và đưa ra các nhận xét, đề xuất một số kiến nghị để công ty xem xét và nhằm định hướng góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel

- Phạm vi nghiên cứu:

- Phạm vi không gian: Tại phòng Kế toán của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel.

- Phạm vi thời gian: Các số liệu được trình bày và phân tích trong bài báo cáo này được lấy từ sổ sách, chứng từ và Báo cáo tài chính năm 2025
- Về nội dung: Tập trung vào các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh, chi phí tài chính, thuế thu nhập doanh nghiệp, chi phí khác và việc xác định kết quả kinh doanh cuối kỳ.

3. Phương pháp nghiên cứu của đề tài

Để hoàn thành bài báo cáo này em đã sử dụng những phương pháp:

- Phương pháp nghiên cứu, tham khảo tài liệu
- Phương pháp phỏng vấn
- Phương pháp thu thập, phân tích và xử lý số liệu
- Phương pháp thống kê

4. Cấu trúc của đề tài

Bộ cục bài khóa luận gồm có 3 chương:

Chương I: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel.

Chương III: Nhận xét và một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Với kiến thức còn hạn chế của bản thân, em mong nhận được sự góp ý và chỉ dẫn của các thầy cô giáo trong Khoa Kinh Tế Trường Đại Học Kiến Trúc Đà Nẵng, cùng các chị trong phòng kế toán tại công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel để em hoàn thành khóa luận của mình một cách hoàn thiện nhất.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.

1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

(Nội dung này được viết theo thông tư 133/2016/TT-BTC).

1.1.1 Các khái niệm về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Doanh thu

Theo điều 57, Thông tư 133/2016/TT-BTC: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là khoản doanh thu mà doanh nghiệp thu được từ các hoạt động kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất hoặc các dịch vụ doanh nghiệp mua vào sau đó bán ra. Trong đó:

Doanh thu bán hàng: là bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: là doanh thu thực hiện công việc đã thỏa mãn theo hợp đồng trong một hay nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê tài sản cố định theo phương thức cho thuê hoạt động, doanh thu hợp đồng xây dựng...

- Chi phí

Theo Điều 59 Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015, chi phí "là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa."

- Kết quả hoạt động kinh doanh.

Theo Khoản 1 Điều 68 Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015, kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Trong đó:

- Kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh được xác định trên cơ sở phần chênh lệch giữa doanh thu thuần và tổng chi phí phát sinh, bao gồm: giá vốn của hàng bán (đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất sản phẩm xây lắp; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như khấu hao, sửa chữa, cải tạo, chi phí cho thuê, cũng như chi phí thanh lý hoặc chuyển nhượng), cùng với chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập và chi phí của hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

➤ **Mối quan hệ giữa doanh thu, chi phí kết quả kinh doanh.**

Mối quan hệ giữa doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh là mối quan hệ cơ bản phản ánh hiệu quả hoạt động của một doanh nghiệp. Doanh thu là toàn bộ số tiền thu được từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ, trong khi chi phí là các khoản doanh nghiệp phải bỏ ra để tạo ra doanh thu như chi phí nguyên vật liệu, nhân công và vận hành. Kết quả hoạt động kinh doanh, thường được thể hiện qua lợi nhuận hoặc lỗ, được xác định bằng công thức: lợi nhuận bằng doanh thu trừ chi phí. Khi doanh thu lớn hơn chi phí, doanh nghiệp có lãi; khi doanh thu bằng chi phí, doanh nghiệp hòa vốn; còn khi doanh thu nhỏ hơn chi phí thì doanh nghiệp bị lỗ. Do đó có thể nói giữa doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có quan hệ mật thiết, để đạt được hiệu quả cao, doanh nghiệp cần đồng thời tăng doanh thu và kiểm soát tốt chi phí nhằm tối đa hóa lợi nhuận.

1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò vô cùng quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Doanh thu là nguồn tạo ra lợi ích kinh tế, phản ánh quy mô và khả năng tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ. Chi phí thể hiện mức độ hao phí các nguồn lực, là cơ sở để kiểm soát và tiết kiệm trong quá trình hoạt động. Việc xác định kết quả kinh doanh (lợi nhuận hoặc lỗ) giúp đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ, làm căn cứ để nhà quản lý đưa ra quyết định điều hành, đồng thời là cơ sở để thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước và cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm. Hơn nữa, đối với bản thân doanh nghiệp, có doanh thu mới có thu nhập để bù đắp những chi phí bỏ ra, có điều kiện để mở rộng hoạt động kinh doanh, nâng cao đời sống của người lao động.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Nhiệm vụ của kế toán doanh thu

- + Xác định đúng phạm vi và thời điểm ghi nhận doanh thu, đảm bảo yếu tố đúng kỳ của doanh thu nhất là trong hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp. Tuân thủ những nguyên tắc ghi nhận doanh thu.
- + Xuất hóa đơn bán hàng dựa theo hợp đồng, hay là theo tiến độ bàn giao hàng hóa.
- + Hạch toán theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành, đảm bảo sự phù hợp với yêu cầu quản lý doanh thu trong doanh nghiệp.
- + Tổ chức luân chuyển chứng từ hợp lý, khoa học, đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời.

- + Phản ánh kịp thời, đầy đủ, chính xác tình hình doanh thu bán hàng trong kỳ, phản ánh doanh thu trên sổ kế toán tổng hợp. Ngoài ra kế toán doanh thu bán hàng cần phải theo dõi ghi chép chi tiết về số lượng và giá trị hàng bán trên tổng số và theo từng nhóm mặt hàng, từng khách hàng, phương thức bán hàng...
- + Giải quyết công việc liên quan đến kế toán doanh thu như: Sai sót trong quá trình xuất hóa đơn, điều chỉnh hóa đơn, khiếu nại nếu có...

- *Nhiệm vụ của kế toán chi phí*

- + Phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong doanh nghiệp
- + Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán chi phí, theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán trong doanh nghiệp.
- + Theo dõi chi tiết chi phí theo từng yếu tố, từng khoản mục chi phí trong doanh nghiệp.
- + Lập báo cáo chi phí theo yêu cầu quản lý của DN, tổ chức phân tích báo cáo, lập dự toán chi phí, tư vấn cho chủ DN lựa chọn phương án tiết kiệm chi phí và có hiệu quả nhất...
- + Kiểm tra giám sát các khoản chi phí trong doanh nghiệp nếu có.

- *Nhiệm vụ của kế toán kết quả kinh doanh*

- + Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp liên quan đến hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp.
- + Tính toán chính xác kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp liên quan đến hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp.
- + Cung cấp thông tin theo yêu cầu quản trị nội bộ của doanh nghiệp, tổ chức phân tích thông tin phục vụ cho yêu cầu lập kế hoạch và ra quyết định của Ban lãnh đạo trong doanh nghiệp liên quan đến hoạt động trong doanh nghiệp.

1.1.4. Yêu cầu của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- *Yêu cầu của kế toán doanh thu*

- + Phản ánh và ghi chép đầy đủ, chính xác các nghiệp vụ phát sinh doanh thu vào chứng từ kế toán, sổ kế toán và báo cáo tài chính.
- + Phản ánh rõ ràng, kịp thời, dễ hiểu, đúng thời gian quy định về thông tin, số liệu kế toán đối với các khoản doanh thu phát sinh.
- + Quản lý về số lượng: giá trị hàng hóa xuất bán bao gồm việc quản lý từng người mua, từng lần gửi hàng, từng nhóm hàng.
- + Quản lý về giá cả bao gồm: việc lập dự định về theo dõi, việc thực hiện giá đưa ra kế hoạch của kỳ tiếp theo.

+ Quản lý việc thu hồi tiền bán hàng và xác định kết quả kinh doanh: quản lý tiêu thụ hàng hóa tốt sẽ tạo điều kiện cho quản lý kết quả kinh doanh tốt.

- Yêu cầu của kế toán chi phí

+ Kế toán chi phí cần được theo dõi chặt chẽ cho từng bộ phận trong doanh nghiệp. Mỗi bộ phận cần được phân công cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn.

+ Tiến hành kiểm tra thường xuyên một cách toàn diện về tình hình thực hiện kế hoạch chi phí liên quan, đặc biệt với các khoản mục chi phí chủ yếu chiếm tỷ trọng lớn.

+ Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác các nghiệp vụ chi phí phát sinh vào chứng từ, sổ sách kế toán.

+ Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ đối với từng khoản mục chi phí.

+ Mở sổ theo dõi chi tiết từng khoản mục chi phí.

+ Phân loại, sắp xếp thông tin, số liệu kế toán các khoản chi phí theo trình tự, có hệ thống và phải được phản ánh liên tục hàng kỳ, trung thực và khách quan các nghiệp vụ chi phí phát sinh.

- Yêu cầu của kế toán kết quả kinh doanh

+ Phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời, trung thực kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

+ Cần phải đảm bảo tính xác minh có thể kiểm chứng, kịp thời và dễ hiểu.

+ Cần phải đầy đủ nội dung của kế toán kết quả kinh doanh để người đọc hiểu được bản chất, hình thức và rủi ro của các giao dịch và sự kiện.

1.2. Kế toán doanh thu, thu nhập

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1. Khái niệm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu

- *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ* là toàn bộ số tiền sẽ thu được từ các hoạt động giao dịch từ các hoạt động giao dịch như bán sản phẩm hàng hóa cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- *Các khoản giảm trừ doanh thu:*

➤ *Chiết khấu thương mại:* Là số tiền doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho khách hàng do mua hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên các hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết về mua bán.

➤ *Giảm giá hàng bán:* Giảm giá hàng bán là số tiền giảm trừ cho khách hàng trên giá bán đã thỏa thuận do nguyên nhân thuộc về người bán như kém chất lượng,

không đúng quy cách, lỗi thời, giao hàng không đúng thời gian, địa điểm trong hợp đồng...

- *Hàng bán bị trả lại*: Hàng bán bị trả lại là giá trị của số thành phẩm, hàng hóa đã xác định tiêu thụ nhưng bị người mua trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế như: hàng kém phẩm chất, hàng không đúng kỹ thuật, sai chủng loại. Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hóa đơn (nếu trả lại một phần hàng), và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.
- Ngoài ra các doanh nghiệp có thể phải nộp các khoản thuế làm giảm doanh thu như: Thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu.

1.2.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn năm điều kiện sau:
 - + Người bán đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua.
 - + Người bán không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc kiểm soát hàng hóa.
 - + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
 - + Người bán đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
 - + Xác định được chi phí liên quan đến việc bán hàng.
- Doanh thu chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:
 - + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
 - + Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
 - + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
 - + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.2.1.3. Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Đối với cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, khi viết hóa đơn giá trị bán hàng phải ghi rõ giá bán chưa có thuế GTGT, các khoản phụ thu,

thuế GTGT phải nộp và tổng giá thanh toán. Doanh thu bán hàng được phản ánh theo số tiền bán hàng chưa có thuế GTGT.

- Đối với hàng hóa chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu được phản ánh trên tổng giá thanh toán.
- Đối với hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu thì doanh thu tính trên tổng giá mua bán.
- Doanh thu bán hàng (kể cả doanh thu nội bộ) phải được theo dõi chi tiết theo từng loại sản phẩm nhằm xác định chính xác, đầy đủ kết quả kinh doanh của từng mặt hàng khác nhau.

1.2.1.4. Chứng từ, tài khoản sử dụng

➤ Chứng từ sử dụng

Chứng từ kế toán được sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm:

- Hoá đơn GTGT (đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ).
- Hoá đơn bán hàng (đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc kinh doanh những mặt hàng không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT).
- Bảng kê bán lẻ hàng hoá, dịch vụ.
- Các biên bản giảm giá hàng bán, biên bản hàng bán bị trả lại...
- Phiếu thu, giấy báo có...và các chứng từ liên quan.

➤ Tài khoản sử dụng

Đề hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ sử dụng tài khoản 511 - “Doanh thu bán hàng hóa”

Kết cấu TK 511

Nợ	TK 511	Có
- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT theo phương pháp trực tiếp, TTĐB, XK, BVMT). - Các khoản giảm trừ doanh thu - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	✕	- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh

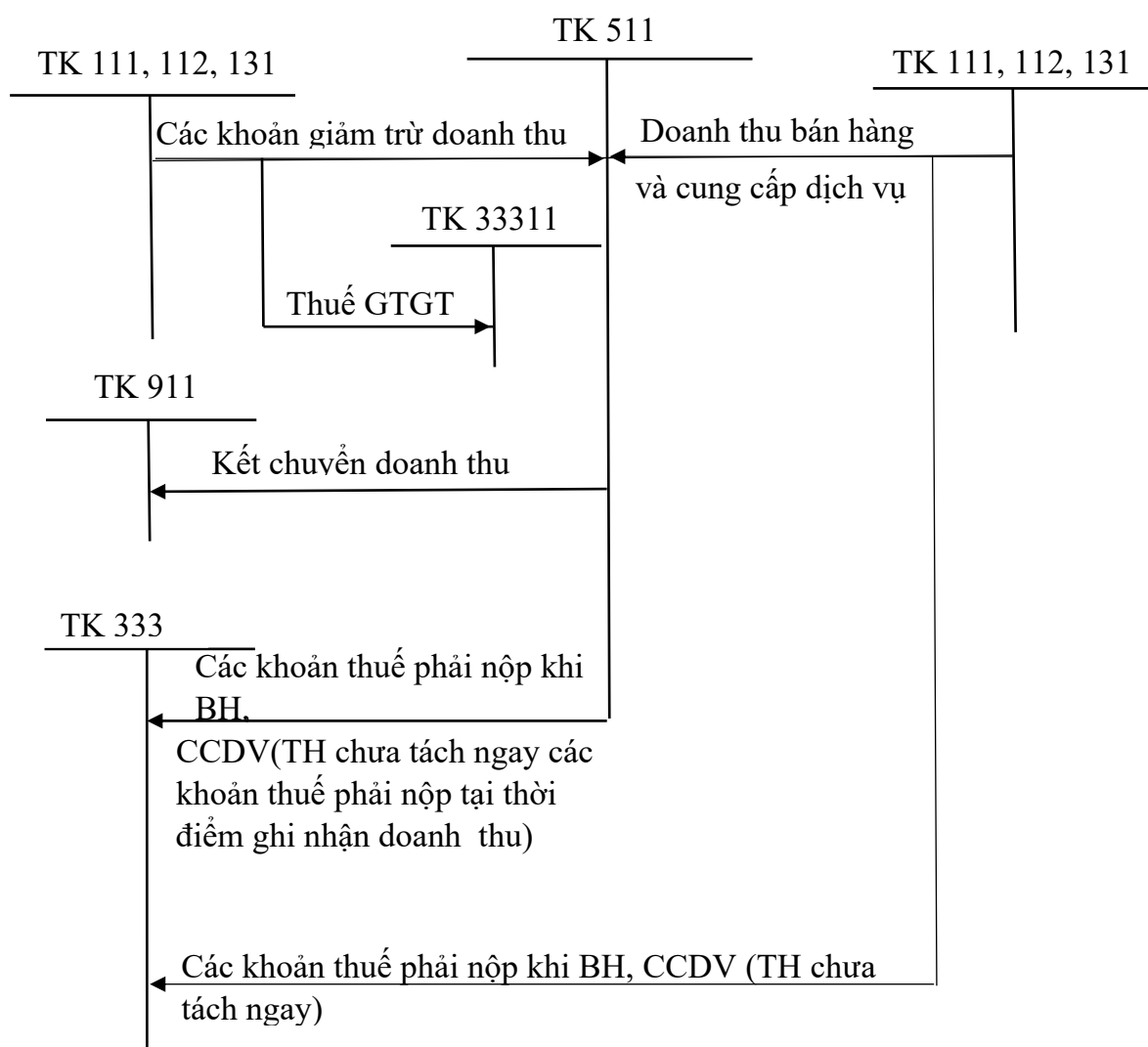
thu và doanh thu thuần của khối lượng hàng hóa được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp.

+ Tài khoản 5112 - Doanh thu bán thành phẩm: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm (thành phẩm, bán thành phẩm) được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp.

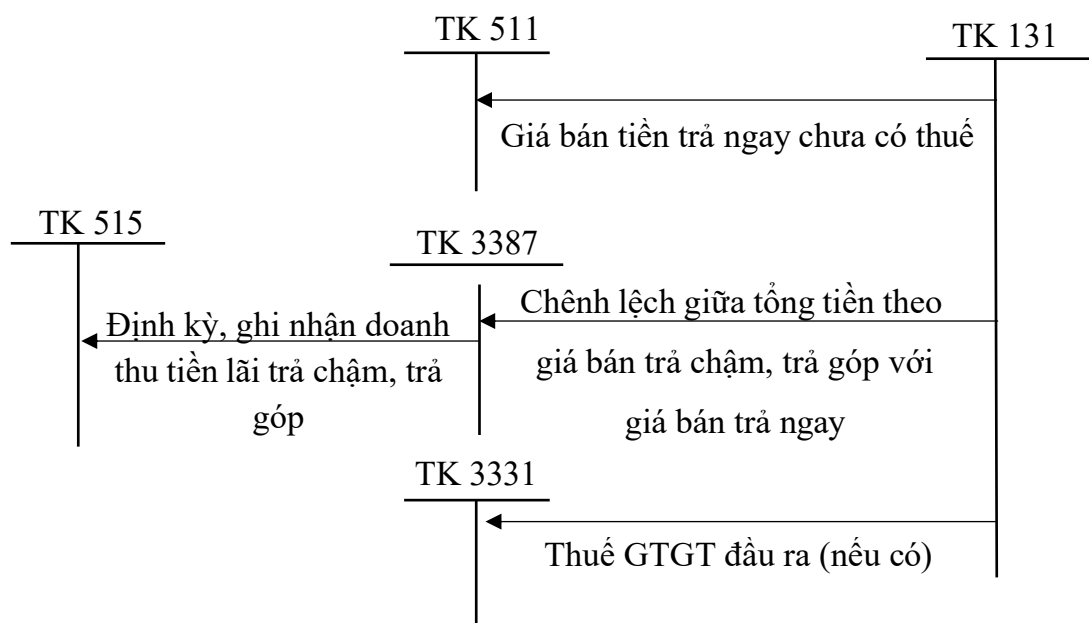
+ Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu và doanh thu thuần của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong một kỳ kế toán.

+ Tài khoản 5118 - Doanh thu khác: Tài khoản này dùng để phản ánh về doanh thu nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, các khoản trợ cấp, trợ giá của Nhà nước.

1.2.1.5. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

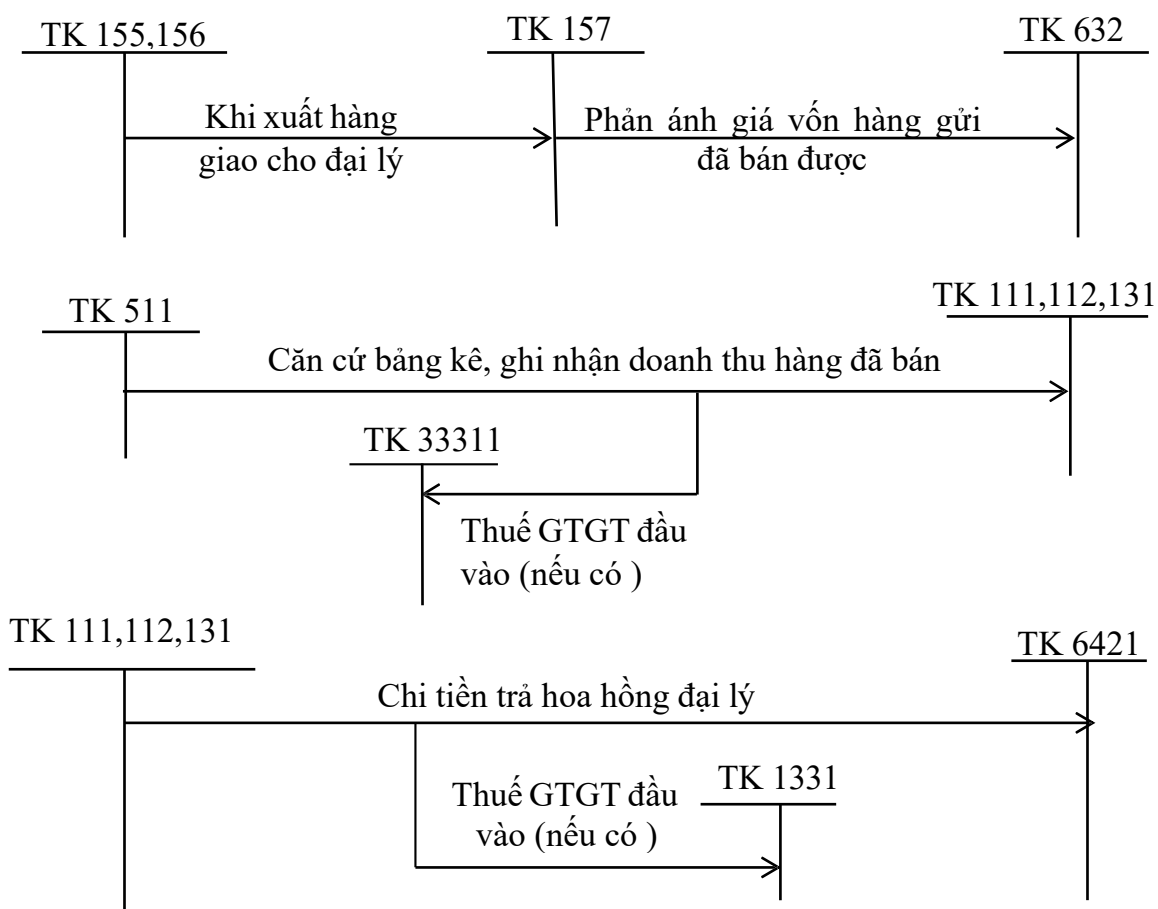


Sơ đồ 1. 1. Hạch toán trường hợp bán hàng trực tiếp và chuyển hàng theo hợp đồng

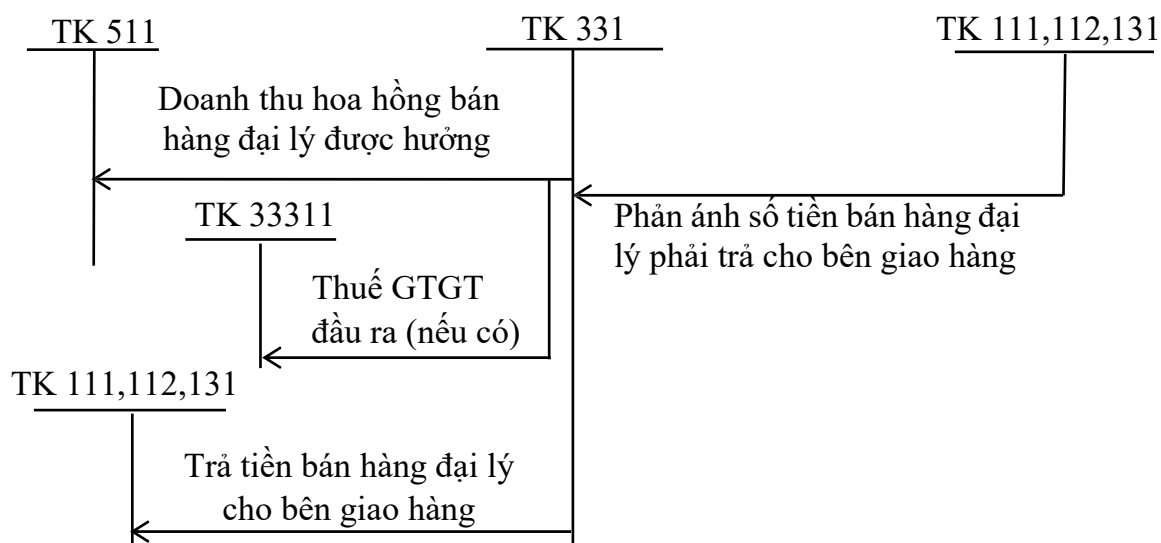


Sơ đồ 1. 2. Hạch toán trường hợp bán hàng trả chậm, trả góp

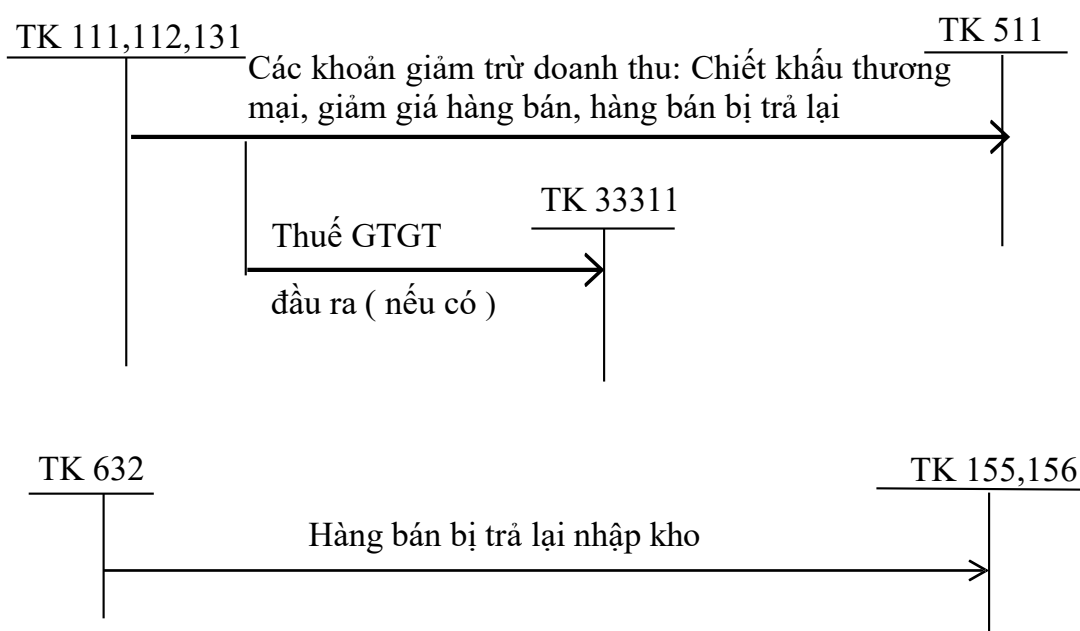
✚ Ở đơn vị giao hàng đại lý:



✚ Ở đơn vị nhận làm đại lý, bán đúng giá hưởng hoa hồng



Sơ đồ 1. 3. Hạch toán trường hợp bán hàng thông qua đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng



Sơ đồ 1. 4. Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.2.1. Khái niệm.

Theo quy định tại điều 58, Thông tư 133/2016/TT-BTC:

Doanh thu tài chính là khoản thu nhập mà doanh nghiệp nhận được từ các hoạt động tài chính bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ;...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác;
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ; lãi do bán ngoại tệ;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

1.2.2.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng.

- Chứng từ sử dụng
 - + Giấy báo có.
 - + Phiếu thu.
 - + Các chứng từ liên quan khác.
- Tài khoản sử dụng.

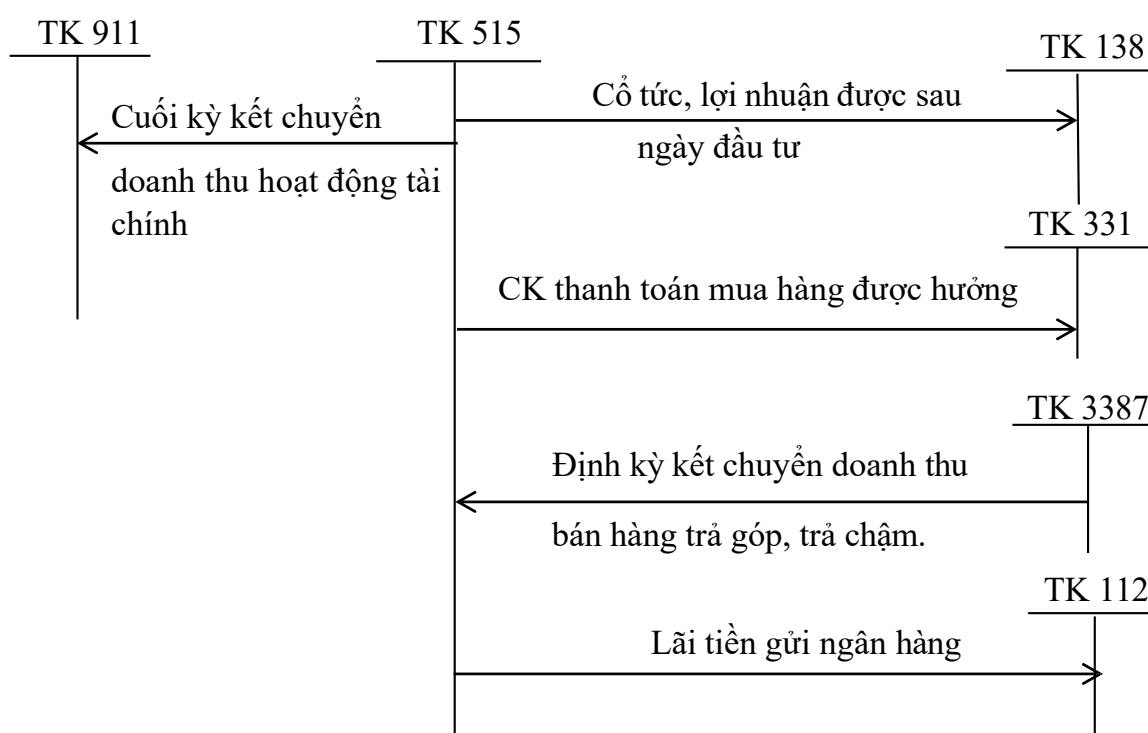
Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, lãi chứng khoán, lãi tiền gửi, lãi cho vay, tiền lãi trả chậm, cho thuê tài sản ...tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

❖ Kết cấu tài khoản.

Nợ	TK 515	Có
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp,... - Cổ tức lợi nhuận được chia - Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn - Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chuyển nhượng vốn,...	
	✕	

Tài khoản 515 không có số dư

1.2.2.3. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.



Sơ đồ 1. 5. Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.3. Kế toán thu nhập khác.

1.2.3.1. Khái niệm.

Thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;

- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại nhà sản xuất;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

1.2.3.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng.

- *Chứng từ sử dụng:*

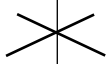
Hóa đơn, phiếu thu, giấy báo có, quyết định thanh lý tài sản, biên bản thanh lý tài sản cố định, hợp đồng thanh lý,...

- *Tài khoản sử dụng:*

Tài khoản 711 “Thu nhập khác”: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

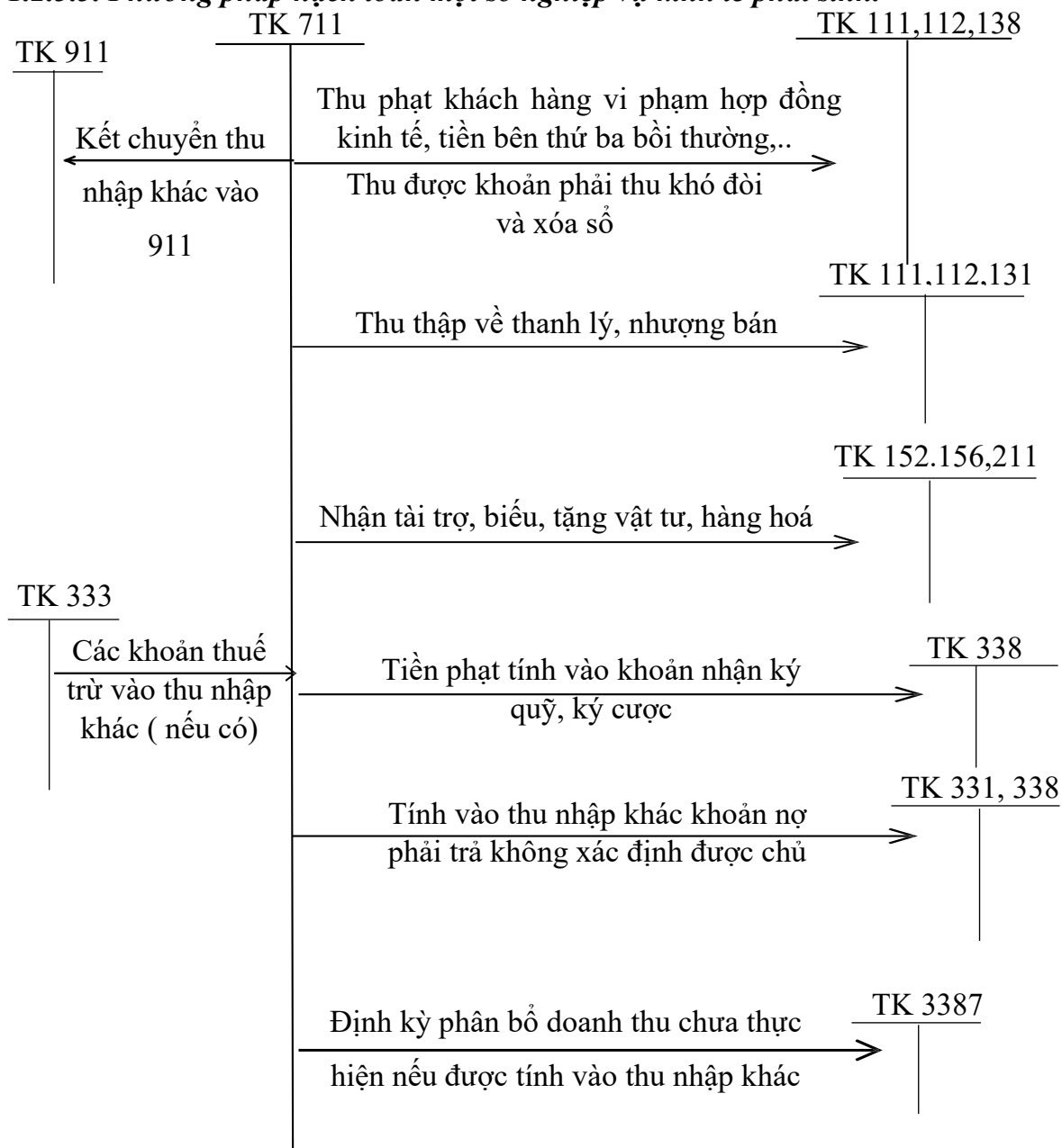
❖ Kết cấu tài khoản.

Nợ	TK 711	Có
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ



TK 711 không có số dư cuối kỳ

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.



Sơ đồ 1. 6. Hạch toán thu nhập khác

1.3. Kế toán chi phí

1.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán

1.3.1.1. Khái niệm

Theo quy định tại điều 62, Thông tư 133/2016/TT-BTC: Giá vốn hàng bán là tổng trị giá của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí cho thuê bất động sản đầu tư

theo phương thức cho thuê hoạt động; chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

1.3.1.2. Các phương pháp xác định giá vốn.

- *Xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh.*

Theo phương pháp này hàng xuất kho thuộc lô nào thì lấy đúng đơn giá mua của lô hàng đó để tính giá mua của hàng xuất kho, kế toán nhận diện được từng lô hàng, từng loại hàng tồn kho, từng lần mua vào và đơn giá theo từng hóa đơn của chúng. Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp hàng tồn kho có giá trị lớn, số lần nhập, xuất ít.

- *Xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước.*

Với phương pháp này thì lô hàng nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước rồi mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng lần nhập. Do vậy hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số vật liệu mua vào trong kỳ. Việc tính giá mua của hàng xuất kho theo phương pháp này có ưu điểm là giá mua của hàng tồn kho trên báo cáo kế toán sát với giá thị trường tại thời điểm lập báo cáo.

- *Xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền*

Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Cụ thể:

+ Bình quân gia quyền cuối kỳ:

Đơn giá bình quân cả kỳ	=	$\frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$
-------------------------	---	---

+ Bình quân sau mỗi lần nhập:

Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập i	=	$\frac{\text{Trị giá vật tư hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vật tư hàng hóa nhập trước lần xuất thứ i}}{\text{Số lượng vật tư hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng vật tư hàng hóa nhập trước lần xuất thứ i}}$
--------------------------------------	---	---

1.3.1.3. Chứng từ, tài khoản sử dụng.

➤ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho.
- Phiếu nhập kho.
- Các chứng từ khác có liên quan.

➤ Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 632-“ Giá vốn hàng bán”: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn

của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ. Phản ánh khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát,...

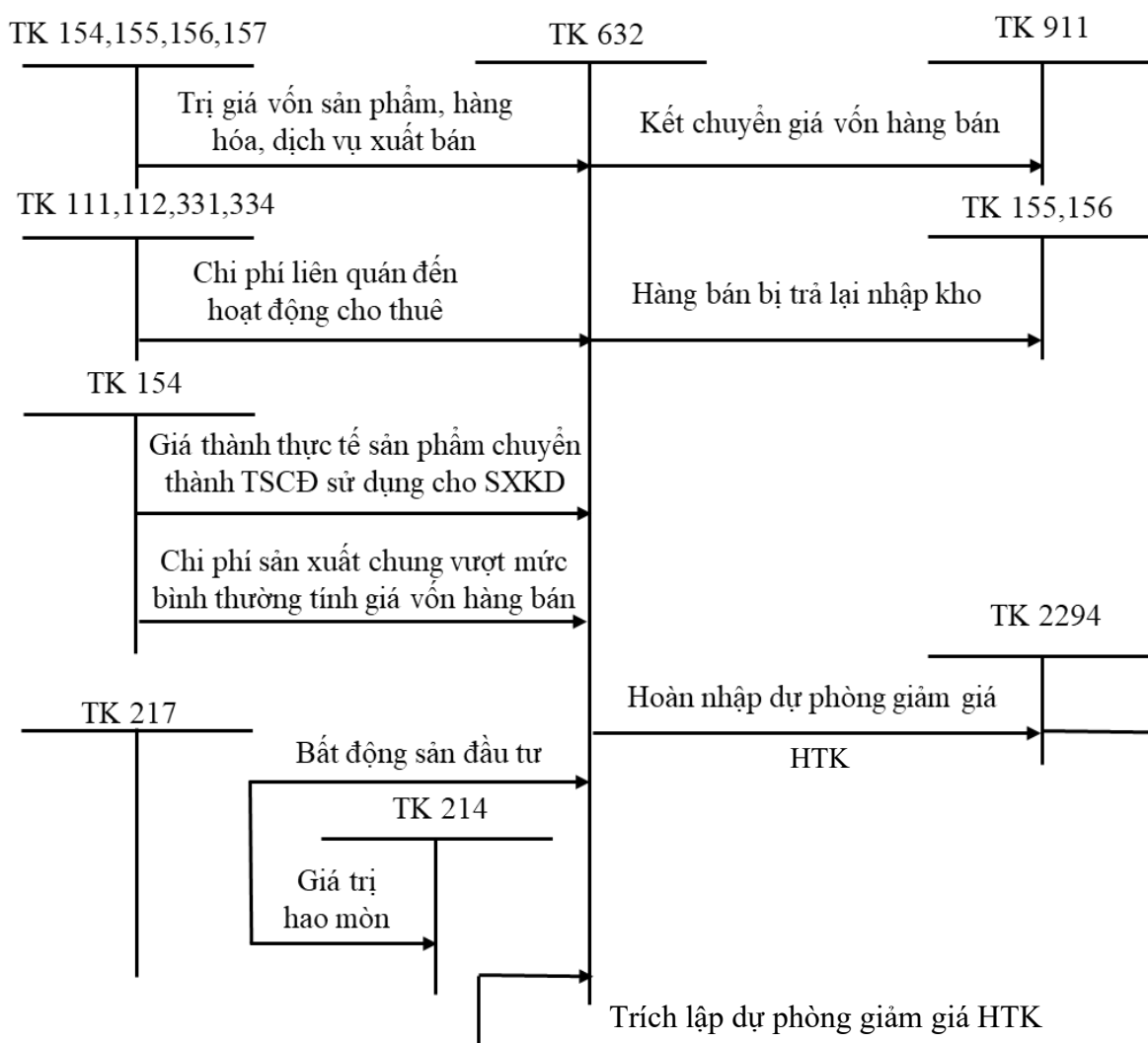
❖ **Kết cấu tài khoản.**

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước). - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.



Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

1.3.1.4. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.



Sơ đồ 1. 7. Hạch toán giá vốn hàng bán

1.3.2. Kế toán chi phí tài chính.

1.3.2.1. Khái niệm.

Chi phí tài chính là các khoản chi phí đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý các nguồn vốn, tăng thêm thu nhập. Chi phí tài chính bao gồm: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán,...

1.3.2.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng.

❖ *Chứng từ sử dụng:*

- Giấy báo nợ.
- Phiếu chi.
- Các chứng khác liên quan.

❖ *Tài khoản sử dụng:*

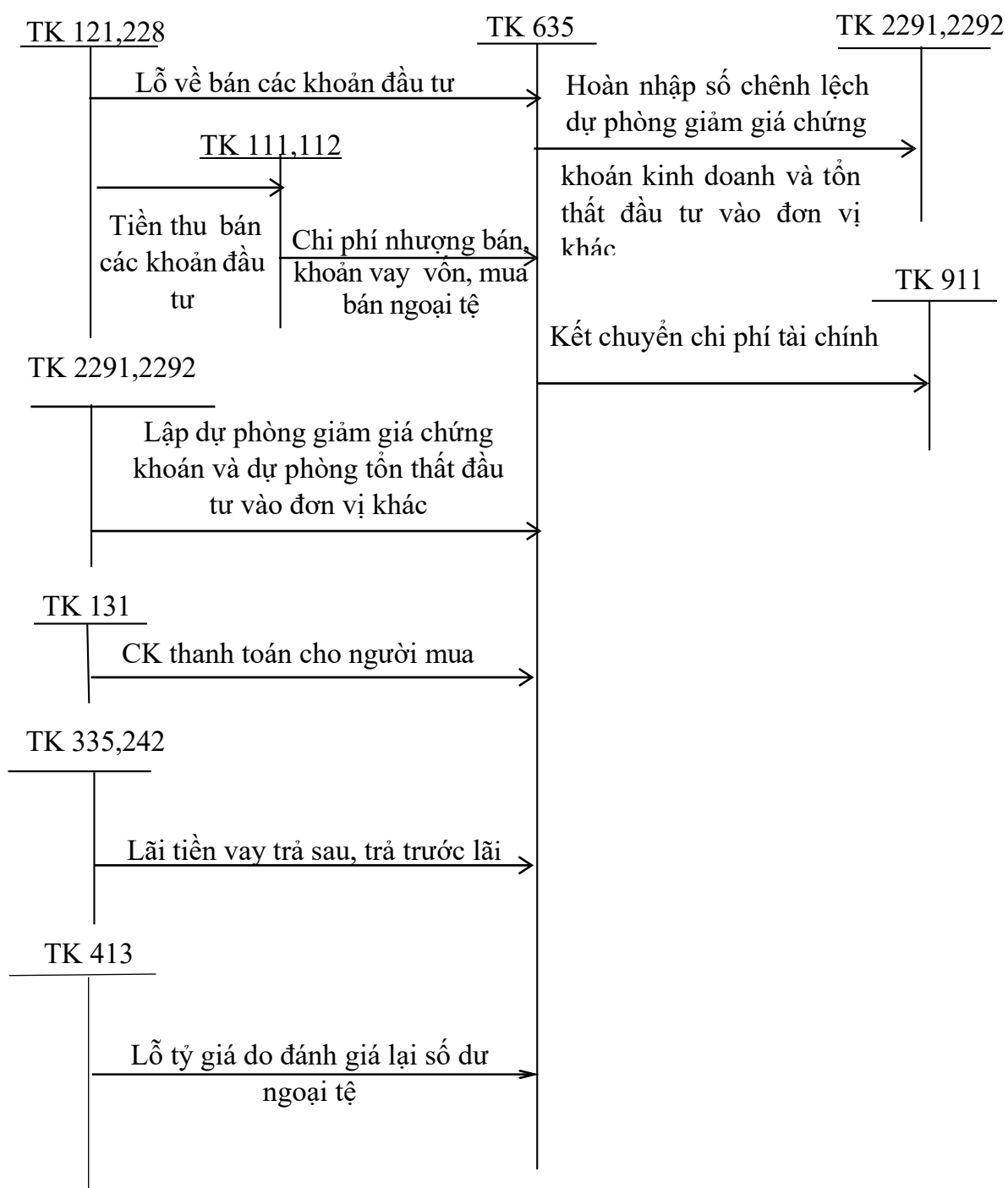
Tài khoản 635 “Chi phí tài chính”: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ.

❖ *Kết cấu tài khoản.*

Nợ	TK 635	Có
- Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kỳ. - Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước).		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết). - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

1.3.2.3. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh



Sơ đồ 1. 8. Hạch toán chi phí tài chính

1.3.3. Chi phí quản lý kinh doanh

1.3.3.1. Khái niệm.

Theo quy định tại điều 64, Thông tư 133/2016/TT-BTC: Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

- **Chi phí bán hàng** bao gồm các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản

phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác.

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp** bao gồm các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

1.3.3.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng.

➤ *Chứng từ sử dụng:*

- Hóa đơn
- Phiếu chi
- Bảng thanh toán lương
- Bảng phân bổ công cụ dụng cụ, TSCĐ
- Các chứng từ liên quan khác.

➤ *Tài khoản sử dụng*

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:

- **Tài khoản 6421 - Chi phí bán hàng:** Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp và tình hình kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- **Tài khoản 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ và tình hình kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Kết cấu tài khoản.

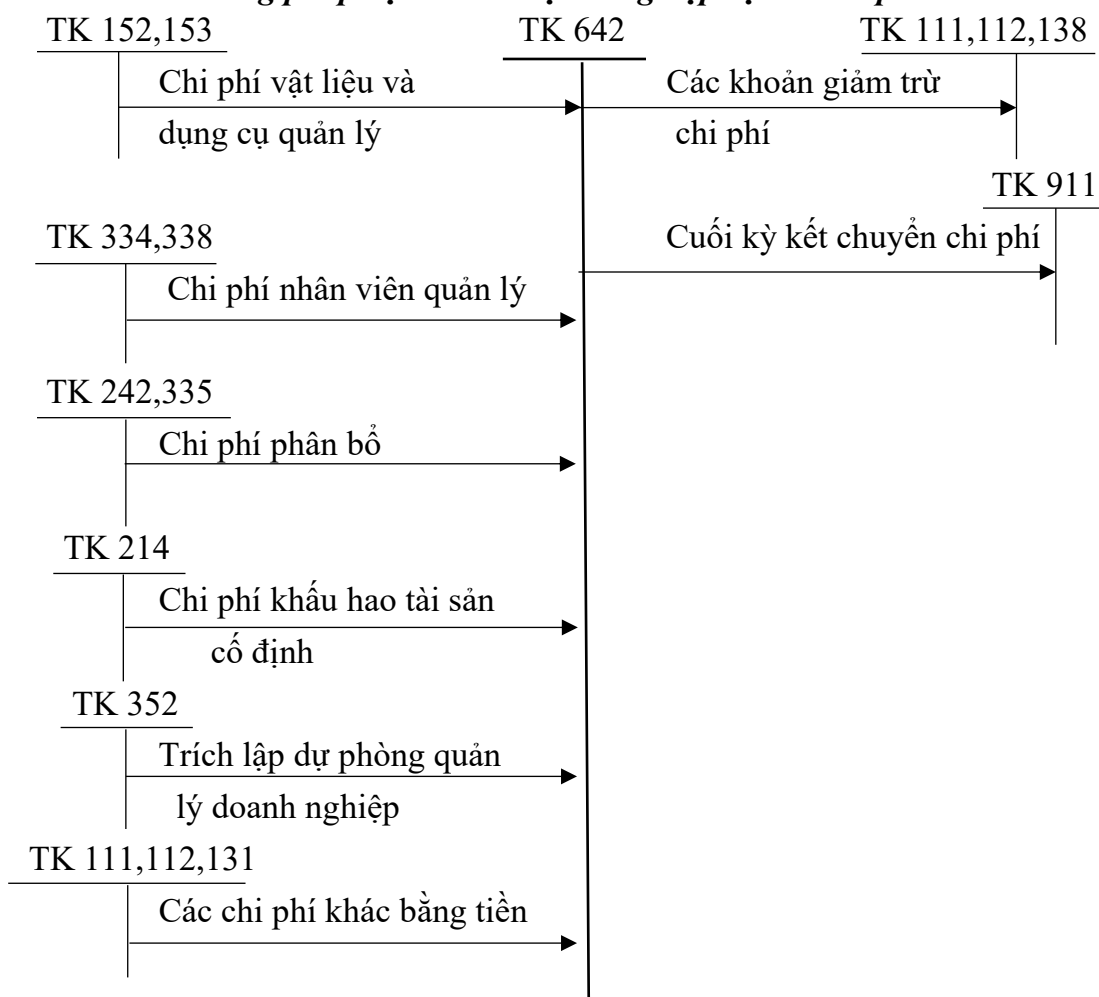
- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.
 - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).

- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh.
 - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng lập kỳ trước chưa sử dụng hết).
 - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 "Xác định kết quả hoạt động kinh doanh".



Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

1.3.3.3. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.



Sơ đồ 1. 9. Hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.3.4. Kế toán chi phí khác.

1.3.4.1. Khái niệm.

Theo quy định tại điều 66, Thông tư 133/2016/TT-BTC: Chi phí khác là chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ;
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác;
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính;
- Các khoản chi phí khác.

1.3.4.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng.

❖ *Chứng từ sử dụng:*

- Giấy báo Nợ.
- Phiếu chi.
- Biên bản thanh lý, nhượng bán.
- Các chứng từ liên quan khác.

❖ *Tài khoản sử dụng:*

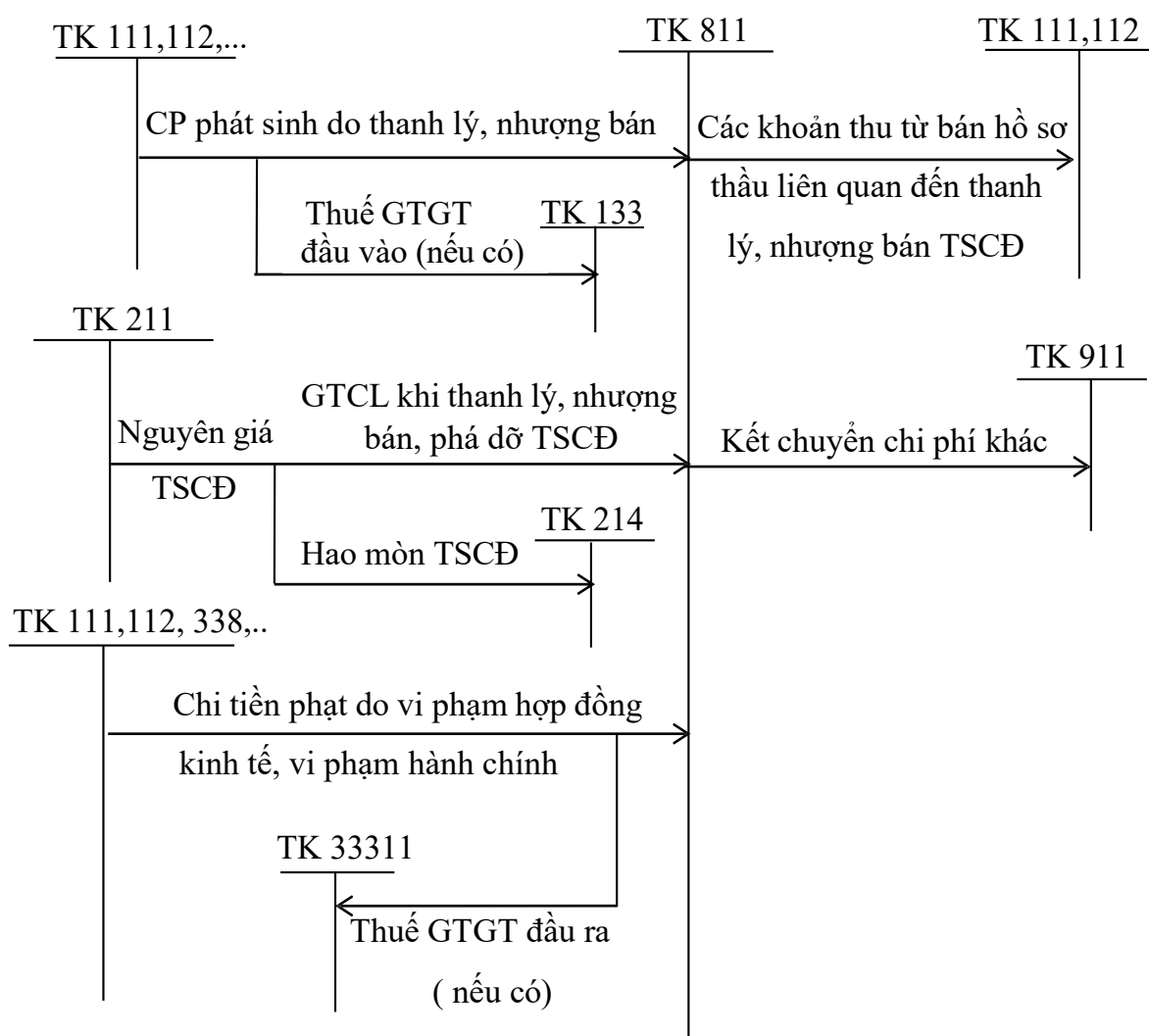
Tài khoản 811 “Chi phí khác”: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh chính tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

❖ **Kết cấu tài khoản.**

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí phát sinh.		- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911.

Tài khoản 811 không có số dư

1.3.4.3. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.



Sơ đồ 1. 10. Hạch toán chi phí khác

1.3.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.3.5.1. Khái niệm.

Thuế TNDN là loại thuế trực thu, đánh trực tiếp vào thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ sau khi đã trừ các khoản chi phí liên quan đến việc tạo ra doanh thu và thu nhập chịu thuế của cơ sở sản xuất kinh doanh.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào tài khoản này là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

- Thu nhập chịu thuế là khoản thu nhập sau khi lấy tổng doanh thu trừ đi các khoản chi phí được trừ, rồi cộng thêm các khoản thu nhập khác

Thuế TNDN hiện hành	=	Thu nhập chịu thuế	x	Thuế suất thuế TNDN
---------------------	---	--------------------	---	---------------------

Trong đó:

Thu nhập chịu thuế	=	Doanh thu	-	Các khoản chi được trừ	+	Các khoản thu nhập khác
-----------------------	---	-----------	---	---------------------------	---	-------------------------

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	=	(Thu nhập tính thuế - Phần trích lập khoa học công nghệ (nếu có))	x	Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp
---	---	---	---	---

Theo điều 10 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025, quy định về mức thuế TNDN áp dụng từ 01/10/2025 cụ thể như sau

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, trừ trường hợp trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 10 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 và đối tượng được ưu đãi về thuế suất quy định tại Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025.

- Thuế suất 15% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng.

- Thuế suất 17% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ trên 03 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng.

Doanh thu làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất 15% và 17% quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này là tổng doanh thu của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp trước liền kề. Việc xác định tổng doanh thu làm căn cứ áp dụng thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với một số trường hợp khác được quy định như sau:

- Từ 25% đến 50% đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí. Căn cứ vào vị trí, điều kiện khai thác và trữ lượng mỏ, Thủ tướng Chính phủ quyết định mức thuế suất cụ thể phù hợp với từng hợp đồng dầu khí;

- 50% đối với hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên quý hiếm (bao gồm: bạch kim, vàng, bạc, thiếc, vonfram, antimoan, đá quý, đất hiếm và tài nguyên quý hiếm khác theo quy định của pháp luật). Trường hợp các mô có từ 70% diện tích được giao trở lên ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuế suất là 40%.

1.3.5.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng.

❖ *Chứng từ sử dụng:* Giấy báo nợ, tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (03/TNDN) (TT 80/2021).

❖ *Tài khoản sử dụng:*

Tài khoản 821 “ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” : Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

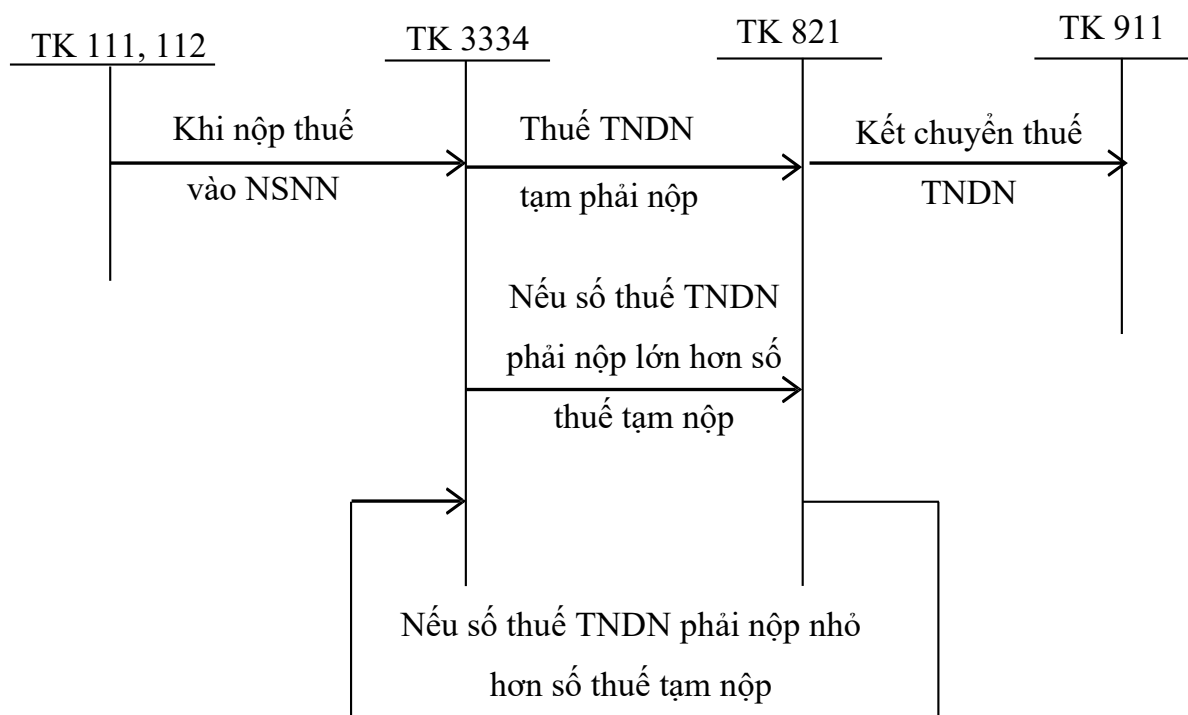
❖ *Kết cấu tài khoản.*

Nợ	TK 821	Có
- Chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm. - Thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại.		- Số thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN đã ghi nhận trong năm. - Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại. - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN trong năm vào TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.



Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

1.3.5.3. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.



Sơ đồ 1. 11. Hạch toán chi phí thuế TNDN

1.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

1.4.1. Khái niệm.

Theo quy định tại điều 68 , Thông tư 133/2016/TT-BTC:

- Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.
- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.
- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.4.2. Phương pháp xác định kết quả hoạt động kinh doanh

- Kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo công thức:

Lợi nhuận sau thuế TNDN	=	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	Chi phí thuế TNDN
-------------------------	---	-----------------------------------	---	-------------------

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN được xác định theo công thức sau:

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	=	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	+	Lợi nhuận khác
--	---	---	---	----------------

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh được xác định theo công thức:

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	=	Doanh thu thuần BH và CCDV	-	Giá vốn hàng bán	+	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính	-	Chi phí quản lý kinh doanh
---	---	----------------------------	---	------------------	---	-------------------------------	---	-------------------	---	----------------------------

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo công thức:

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Các khoản giảm trừ doanh thu
---	---	--	---	------------------------------

- Lợi nhuận khác được xác định theo công thức:

Lợi nhuận khác	=	Thu nhập khác	-	Chi phí khác
----------------	---	---------------	---	--------------

1.4.3. Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”: Tài khoản này dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

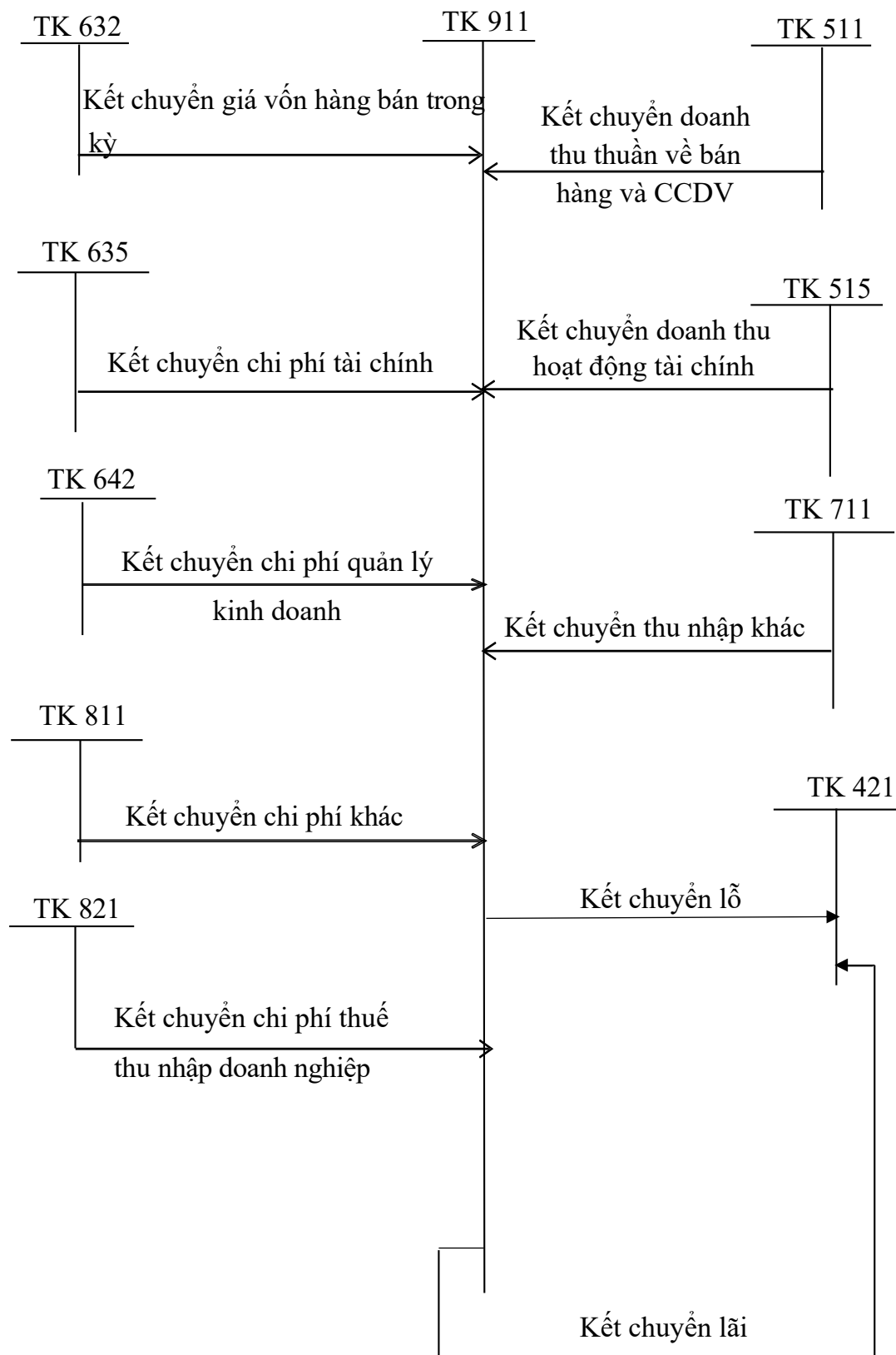
❖ Kết cấu tài khoản.

Nợ	TK 911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp; - Kết chuyển lãi.		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ.



Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

1.4.4. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.



Sơ đồ 1. 12. Hạch toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh

1.5. Những cập nhật mới của chế độ kế toán theo Thông tư 99/2025/TT-BTC

Trong chương này, bài đã trình bày các nội dung lý luận về tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp theo chế độ kế toán hiện hành áp dụng đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Thông tư 133. Tuy nhiên, những doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng có thể sử dụng thông tư 99 để quản lý doanh nghiệp chặt chẽ hơn, vì vậy đây là phần trình bày thêm về những thay đổi của Thông tư 99. Dưới đây là tổng hợp điểm mới Thông tư 99/2025/TT-BTC thay thế Thông tư 200/2014/TT-BTC chế độ kế toán doanh nghiệp như sau:

- Đổi tên các tài khoản
- Bổ sung các tài khoản kế toán
- Loại bỏ khỏi danh mục hệ thống tài khoản kế toán
- Bổ sung nội dung công tác quản trị và kiểm soát nội bộ trong kế toán doanh nghiệp
- Bổ sung nguyên tắc lập Báo cáo tài chính khi thay đổi đơn vị tiền tệ trong kế toán
- Công tác kế toán khi doanh nghiệp lựa chọn đơn vị tiền tệ trong kế toán không phải là Đồng Việt Nam
- Bỏ cơ chế “xin phép Bộ Tài chính”, chuyển sang trao quyền tự chủ cho doanh nghiệp trong việc mở, sửa, bổ sung hệ thống tài khoản kế toán.
- Không còn Bảng cân đối kế toán mà thay vào đó là Báo cáo tình hình tài chính
- Quy định mới về sử dụng phần mềm kế toán từ ngày 01/01/2026
- Thống nhất và thay thế toàn bộ các Thông tư cũ
- Quy định mới về doanh nghiệp có trách nhiệm ban hành Quy chế hạch toán kế toán

Như vậy, việc ban hành Thông tư 99 đánh dấu sự thay đổi quan trọng trong chế độ kế toán doanh nghiệp tại Việt Nam. Tuy nhiên, trong phạm vi khóa luận này, doanh nghiệp nghiên cứu áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 133, vì vậy nội dung Thông tư 99 chỉ được giới thiệu khái quát nhằm cập nhật bối cảnh pháp lý mới, không làm thay đổi phương pháp hạch toán được trình bày trong các chương tiếp theo.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL

2.1. Tổng quan về Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel.

2.1.1 Thông tin khái quát về Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel.

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài: DEVEL DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên doanh nghiệp viết tắt: DEVEL., JSC

Mã số doanh nghiệp: 0401971753

Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VND

Địa chỉ trụ sở chính: 398 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng

Cơ quan thuế quản lý: Thuế cơ sở 4 thành phố Đà Nẵng.

Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần ngoài Nhà nước.

Ngành nghề kinh doanh chính: Bán buôn dung môi ngành sơn (nguyên liệu ngành sơn).

Các sản phẩm kinh doanh chính của công ty: Sơn, xăng PU, kẽm, kính, thủy tinh, kim loại,...

2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Devel.

Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Devel bắt đầu hoạt động từ ngày 19/04/2019 và có người đại diện trước pháp luật là bà Hồ Thị Kim Ngân.

Tầm nhìn và sứ mệnh, giá trị cốt lõi của công ty:

- Tầm nhìn

Phấn đấu trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực xuất khẩu dung môi ngành sơn, khẳng định vị thế vững chắc trên thị trường quốc tế.

Tập trung tái cấu trúc hoạt động kinh doanh theo hướng hiện đại, không ngừng mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng sản phẩm. Devel đã và đang đẩy mạnh đầu tư vào sản xuất bền vững, thân thiện với môi trường và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về phát triển xanh.

Tích cực thiết lập quan hệ với các khách hàng uy tín, đồng thời không ngừng mở rộng mạng lưới đối tác trong nước và quốc tế. Để làm được điều này, cần phải đặt ra các quy định nội bộ và chính sách quản lý chất lượng nghiêm ngặt tại từng khâu sản xuất để kiểm soát chặt chẽ chất lượng. Điều này không chỉ giúp đảm bảo tiêu chuẩn sản phẩm đầu ra mà còn là nền tảng để duy trì mối quan hệ lâu dài và bền vững với các đối tác chiến lược.

Mở rộng kênh phân phối và kinh doanh trực tuyến, chủ động đưa sản phẩm lên các nền tảng thương mại điện tử, nhằm mang đến cho khách hàng trải nghiệm mua sắm nhanh chóng, tiện lợi và tiết kiệm thời gian.

- *Sứ mệnh:*

Trở thành đối tác được lựa chọn và đáng tin cậy nhất của khách hàng nhờ khả năng cung cấp đầy đủ các sản phẩm và dịch vụ đa dạng và dựa trên cơ sở luôn coi khách hàng làm trọng tâm.

- Tạo dựng cho cán bộ nhân viên một môi trường làm việc tốt nhất với nhiều cơ hội để phát triển năng lực, đóng góp giá trị và tạo dựng sự nghiệp thành đạt.
- Mang lại cho cổ đông những lợi ích hấp dẫn, lâu dài thông qua việc triển khai một chiến lược phát triển kinh doanh nhanh mạnh song song với việc áp dụng các thông lệ quản trị doanh nghiệp và quản lý rủi ro chặt chẽ theo tiêu chuẩn quốc tế.

- *Giá trị cốt lõi của công ty:*

+ *Khách hàng là trọng tâm:* Devel luôn coi khách hàng là trọng tâm trong mọi suy nghĩ và hành động. Chúng tôi bảo vệ lợi ích khách hàng thông qua việc luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật. Tạo điều kiện cho khách hàng thành công bền vững lâu dài.

+ *Đổi mới và sáng tạo:* Toàn thể cán bộ nhân viên luôn sẵn sàng đón nhận và dẫn dắt sự thay đổi, tìm tòi học hỏi và không sợ thất bại, luôn cải tiến, sáng tạo trong mọi việc và tạo sự đột phá vì lợi ích của khách hàng.

+ *Cộng tác hiệu quả:* Chúng tôi luôn hiểu và đặt lợi ích của Công ty lên trên lợi ích cá nhân, sẵn sàng lắng nghe ý kiến trái chiều, đề nghị hỗ trợ khi cần, cùng làm việc với nhau và tạo giá trị cao nhất cho Devel và cho khách hàng.

+ *Nhân sự xuất sắc:* Devel tạo điều kiện và cơ hội để cán bộ nhân viên có thể phát triển và thành công. Ngược lại, các Cán bộ nhân viên cũng luôn chủ động học hỏi, nâng cao năng lực và luôn đặt mục tiêu cao cho bản thân.

+ *Cam kết hành động:* Tại Devel cam kết không chỉ dừng ở suy nghĩ mà cần chủ động chịu trách nhiệm, hành động để đem lại kết quả. Chúng tôi luôn hành động có kỷ luật và tuân thủ, chính trực và dũng cảm lên tiếng khi thấy hành vi sai.

2.1.3 Lĩnh vực hoạt động, chức năng và nhiệm vụ công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel.

2.1.3.1. Lĩnh vực hoạt động.

Nhà phân phối sơn, buôn bán nguyên liệu ngành sơn, đá, thủy tinh,...

2.1.3.2. Chức năng.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel là công ty hoạt động trong lĩnh vực buôn bán dung môi sơn, phân phối sơn. Trong quá trình hình thành và phát triển

luôn phần đầu đáp ứng sự hài lòng của khách hàng với hiệu quả kinh tế là mục tiêu hàng đầu. Công ty có những chức năng sau:

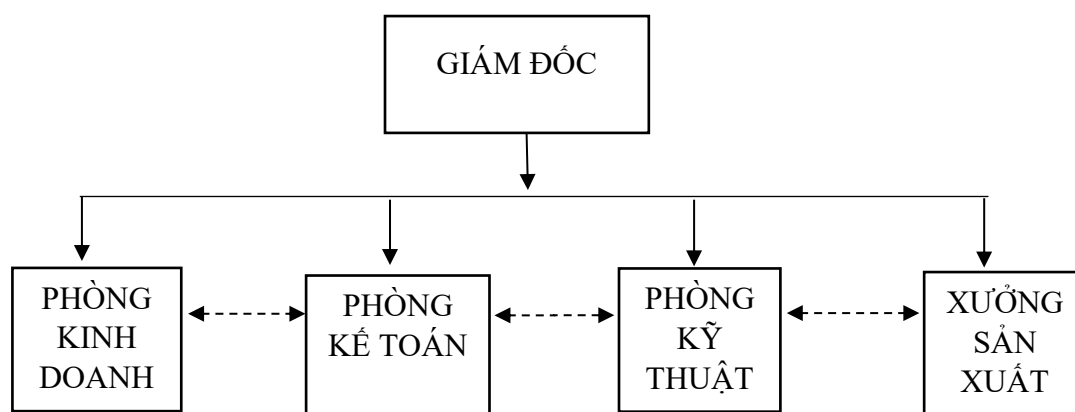
- Góp phần thúc đẩy nền kinh tế thị trường.
- Đảm bảo cung cấp những sản phẩm sơn, dung môi sơn chất lượng và dịch vụ khách hàng tốt nhất đến quý khách hàng và đối tác.
- Tạo cơ hội việc làm, đảm bảo đời sống cho nhân viên trong công ty.

2.1.3.3. Nhiệm vụ.

- Kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký, đúng với mục đích thành lập doanh nghiệp.
- Tuân thủ chính sách, chế độ pháp luật, tuân thủ những quy định trong các hợp đồng đã đăng ký với đối tác.
- Thực hiện về những quy định về bảo vệ quyền lợi của người lao động, vệ sinh an toàn lao động, bảo vệ môi trường.

2.1.4 Đặc điểm tổ chức quản lý tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel.

2.1.4.1. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel.



Sơ đồ 2. 1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Devel

Ghi chú: Quan hệ trực tiếp —————>
 Quan hệ phối hợp <----->

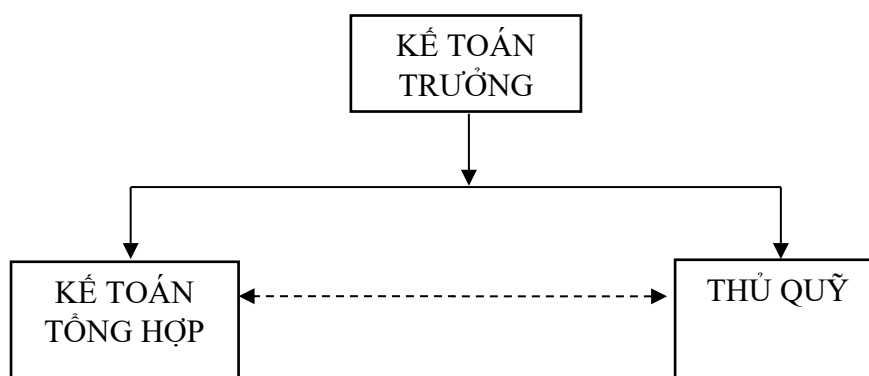
2.1.4.2. Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban.

- *Giám đốc:*
 - + Xây dựng các mục tiêu và phương hướng chiến lược.
 - + Xây dựng đội ngũ lãnh đạo cấp cao.
 - + Theo dõi hoạt động của công ty.
- *Phòng kinh doanh:*

- + Thực hiện xây dựng chiến lược, kế hoạch ngân sách hàng năm, kế hoạch công việc của phòng để trình giám đốc phê duyệt.
- + Tổ chức bộ máy nhân sự, phân công công việc trong phòng.
- + Xây dựng các quy trình, quy định nghiệp vụ thuộc lĩnh vực của phòng; đánh giá hiệu quả các quy trình, giúp nâng cao hoạt động của công ty.
- *Phòng kế toán:*
 - + Quản lý các khoản thu chi.
 - + Tính lương.
 - + Ghi chép, sắp xếp, tính toán, báo cáo tình hình tài chính hiện tại của doanh nghiệp. Việc ghi chép bao gồm tình hình luân chuyển, sử dụng tài sản, tiền vốn, quá trình sử dụng vốn của doanh nghiệp.
 - + Kiểm tra thường xuyên kế hoạch sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, kế hoạch thu chi tài chính, quá trình sử dụng tài sản, vật tư có hư hỏng, hao mòn không.
 - + Báo cáo tình hình kinh doanh cho ban lãnh đạo trong doanh nghiệp.
- *Phòng kỹ thuật:*
 - + Quản lý vận hành hệ thống máy móc, thiết bị.
 - + Quản lý, giám sát kỹ thuật các dự án máy móc, thiết bị mới.
 - + Theo dõi, kiểm tra và giám sát quá trình thực hiện dự án, đảm bảo vấn đề kỹ thuật, tiến độ, thiết bị,... trong dự án.
 - + Nghiên cứu, xây dựng phương án thi công, phương án kỹ thuật cho các dự án kỹ thuật cho doanh nghiệp.
- *Xưởng sản xuất:*
 - + Quản lý sử dụng trang thiết bị, tổ chức sản xuất, an toàn lao động.
 - + Nhận đơn đặt hàng từ bộ phận kinh doanh, phân tích số liệu, lập kế hoạch, lịch trình sản xuất.
 - + Quản lý sản xuất, phát hiện, đánh giá, khắc phục các lỗi sản phẩm hàng hóa.
 - + Vận hành thiết bị, máy móc, làm việc trên dây chuyền lắp ráp.

2.1.5 Đặc điểm tổ chức kế toán tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel.

2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel.



Sơ đồ 2. 2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel

Ghi chú: Quan hệ trực tuyến —————>
 Quan hệ chức năng <----->

➤ **Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận.**

- *Kế toán trưởng:*

- + Quản lý chung bộ phận kế toán.
- + Đảm bảo tính hợp pháp của sổ sách kế toán.
- + Giám sát việc quyết toán.
- + Lập báo cáo tài chính.
- + Phân tích và dự báo nguồn tài chính.

- *Kế toán tổng hợp:*

- + Thu thập, kiểm tra, xử lý thông tin kế toán, các chứng từ kế toán hay các nghiệp vụ khác phát sinh.
- + Hạch toán chi phí, doanh thu, khấu hao,... theo dõi và quản lý công nợ.
- + Giám sát việc luân chuyển hàng hóa trong kho.
- + Hạch toán lương cho cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp.
- + Theo dõi và kiểm tra việc lập bảng kê hóa đơn GTGT đầu vào, đầu ra, thuế TNCN.
- + Lập các báo cáo thuế theo quy định.

- *Thủ quỹ*

Thủ quỹ có nhiệm vụ là thu và chi tiền, mọi khoản thu và chi đều phải thông báo qua Giám đốc hoặc kế toán trưởng.

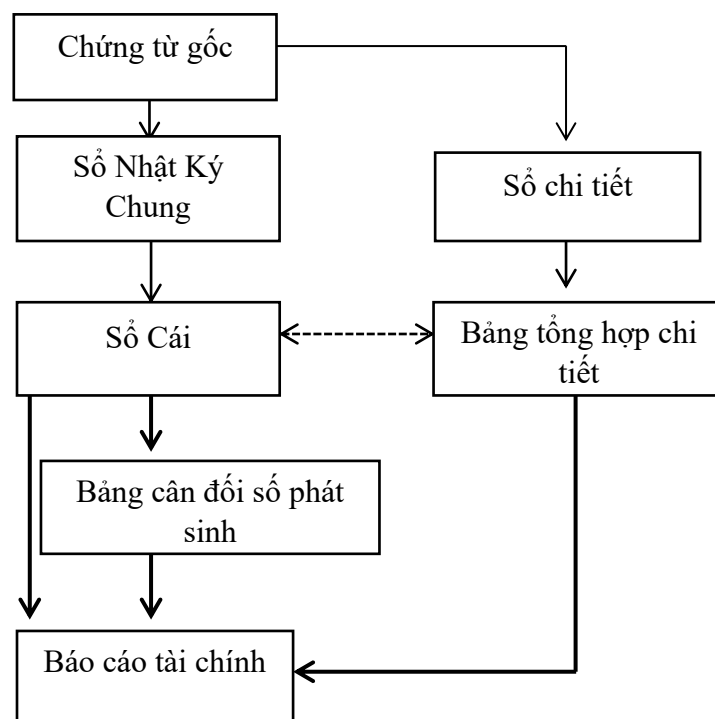
2.1.5.2. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng.

- Kỳ kế toán: Theo năm bắt đầu từ ngày 01/01/2025 và kết thúc vào ngày 31/12/2025
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)
- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT/BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 26/08/2016

- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ
- Phương pháp tính giá xuất kho: Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO)

2.1.5.3. Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty.

Công ty sử dụng phần mềm kế toán Vietda, hình thức ghi sổ Nhật ký chung.



Sơ đồ 2. 3. Sơ đồ ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel

Ghi chú:

Ghi hằng ngày : —————→

Ghi cuối kỳ : —————→

Đối chiếu, kiểm tra: <----->

Diễn giải:

- Ghi hằng ngày: căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Ghi cuối kỳ: Cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối tài khoản.

- Đối chiếu, kiểm tra: Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên Bảng cân đối tài khoản phải bằng tổng số phát sinh nợ và tổng số

phát sinh có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

- Hình thức ghi sổ Nhật ký chung tại công ty được tổ chức trên phần mềm Kế toán Vietda, là phần mềm sử dụng hiện nay tại công ty.

2.1.5.4. Phần mềm kế toán sử dụng tại công ty.

Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Devel sử dụng phần mềm kế toán Vietda để hạch toán tại đơn vị.

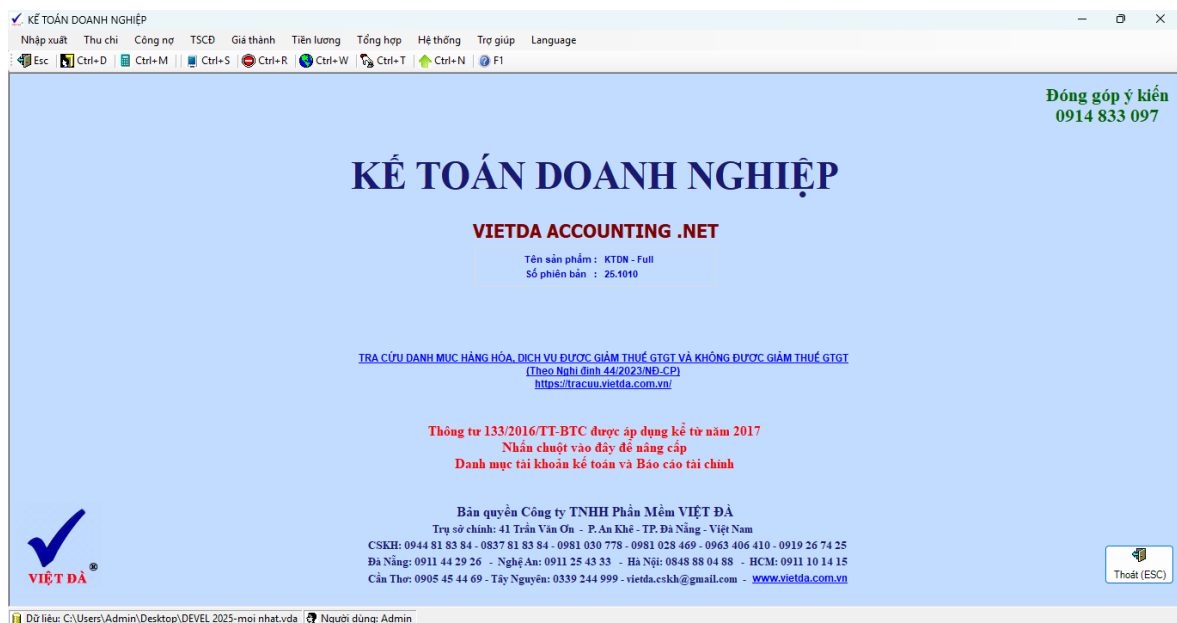
VIETDA ACCOUNTING là phần mềm kế toán được xây dựng trên nền công nghệ .NET của Microsoft đáp ứng nhu cầu cho các doanh nghiệp với quy mô vừa phải, hoạt động trong các lĩnh vực của nền kinh tế, phần mềm chú trọng đến việc tích hợp với các tính năng mở rộng như giá thành sản phẩm, tiền lương nhân công quản lý các số liệu nội bộ theo từng bộ phận lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp.

Phần mềm kế toán VIETDA ACCOUNTING có 3 phân hệ đó là phân hệ nhập xuất, phân hệ thu chi và phân hệ công nợ.

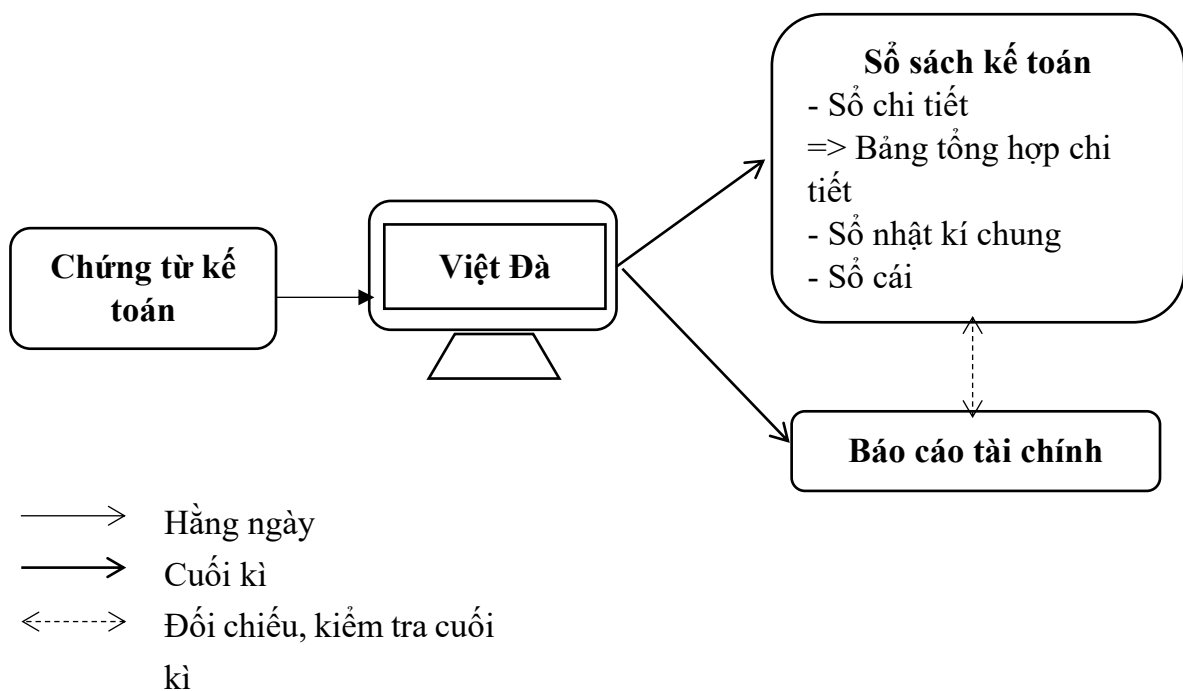
+ Phân hệ nhập xuất: theo dõi quá trình nhập xuất dữ liệu các vật tư hàng hóa trong kho và đưa ra thống kê chi tiết về số liệu chi tiết, từ đó đưa ra các chứng từ, hóa đơn cho các loại hình dịch vụ như dịch vụ tư vấn quốc tế, dịch vụ xây lắp công trình, dịch vụ vận chuyển. Phần mềm theo dõi số liệu về hàng hóa, đưa ra báo cáo doanh thu chi tiết cho từng mặt hàng, tổng hợp doanh thu chi tiết của từng mặt hàng, doanh thu theo khách hàng.

+ Phân hệ thu chi: quản lý các số liệu liên quan đến tiền mặt như tiền vốn đưa vào mua hàng hóa, tiền gửi ngân hàng, người quản lý có thể nắm rõ tình hình tài chính một cách chính xác nhất, theo dõi sổ thu chi, tiền gửi ngân hàng, thống kê chi tiết về các chứng từ thu chi trong ngày, lập nên sổ thu chi và đưa ra báo cáo cụ thể về số quỹ tiền mặt, số tiền gửi ngân hàng.

+ Phân hệ công nợ: theo dõi chi tiết công nợ phát sinh từ việc mua hàng, bán hàng, tập hợp bảng công nợ theo từng lĩnh vực và đưa ra báo cáo cụ thể về tình hình công nợ của doanh nghiệp.



Hình ảnh 1. Giao diện phần mềm kế toán Việt Đà



Sơ đồ 2. 4. Sơ đồ ghi sổ theo hình thức kế toán máy tại công ty

Hàng ngày kế toán in hóa đơn, căn cứ vào chứng từ gốc để nhập số liệu vào phần mềm kế toán sau khi đảm bảo được tính hợp lệ, hợp lý của chứng từ. Phần mềm sẽ tự động lưu và cập nhật vào sổ kế toán có liên quan. Cuối kì, kế toán thực hiện các bút toán phân bổ, kết chuyển và lập báo cáo tài chính. Cuối năm kế toán in sổ sách theo hình thức Nhật ký chung để lưu trữ theo quy định.

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel.

2.2.1. Đặc điểm bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel.

2.2.1.1. Đặc điểm bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel là công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, bán hàng hóa: là bán dung môi sơn, sơn bóng, các nguyên liệu dùng trong xây dựng và nội thất,...nên doanh thu chính của công ty là doanh thu bán hàng. Cụ thể là các loại sơn, dung môi sơn là hai mặt hàng chính. Ngoài ra còn kinh doanh kẽm, thủy tinh, gia công cơ khí, bán buôn kim loại,...

2.2.1.2. Phương thức bán hàng.

Quá trình bán hàng của công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Devel được thực hiện qua phương thức:

Bán hàng trực tiếp: bên mua cử đại diện đến kho hoặc các phân xưởng của doanh nghiệp để nhận hàng. Doanh nghiệp xuất kho hàng hóa giao trực tiếp cho đại diện bên mua. Sau khi đại diện bên mua nhận đủ hàng, thanh toán tiền hoặc chấp nhận nợ, hàng hóa được xác định là tiêu thụ.

2.2.1.3. Phương thức thanh toán.

- Trường hợp thanh toán nhanh: bán hàng xong khách hàng thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.
- Trường hợp thanh toán chậm: theo dõi công nợ. Kế toán sẽ theo dõi trên sổ công nợ phải thu khách hàng xem công ty nào chưa thanh toán nợ, công ty nào thanh toán rồi và bắt đầu thu hồi công nợ những công ty chưa thanh toán tiền hàng cho công ty.

2.2.2. Kế toán doanh thu, thu nhập tại Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Devel

2.2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

a. Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng mua bán hàng hóa.
- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu thu (khi khách hàng thanh toán bằng tiền mặt).
- Phiếu xuất kho.
- Giấy báo có của ngân hàng (khi khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản).

b. Sổ sách sử dụng tại công ty:

- Sổ tổng hợp:
 - + Sổ nhật ký chung: ghi chép lại toàn bộ các nghiệp vụ phát sinh trong doanh nghiệp theo trình tự thời gian.

+ Sổ cái tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Sổ chi tiết:

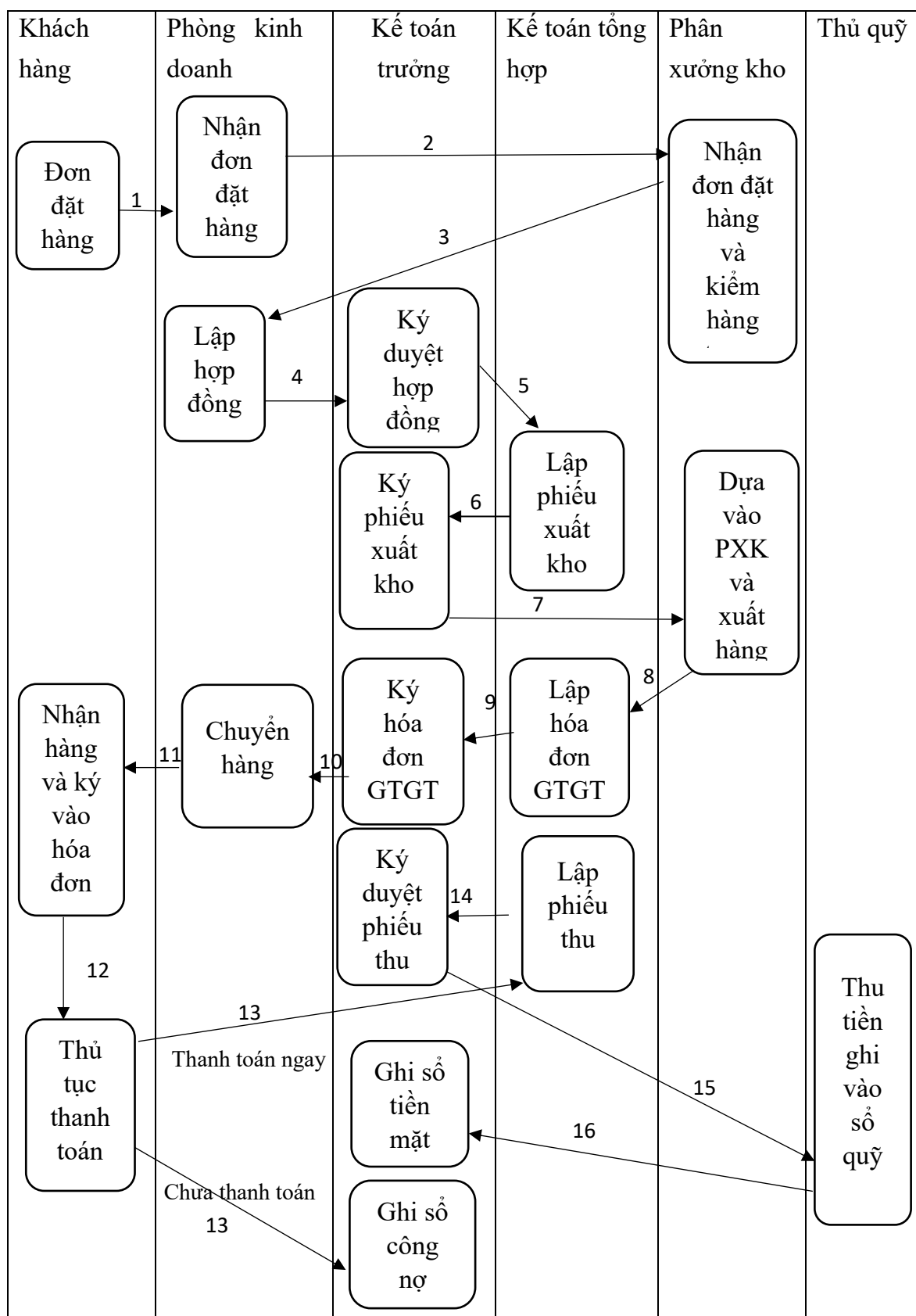
Sổ chi tiết tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa.

c. Tài khoản sử dụng:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel sử dụng tài khoản 511 để theo dõi doanh thu phát sinh từ các hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, các hoạt động khác. Tài khoản 511 được chi tiết thành tài khoản cấp 2 như sau:

TK 5111 – Doanh thu bán hàng hóa.

d. Quy trình luân chuyển chứng từ tại công ty.



Mô tả quá trình luân chuyển chứng từ:

Khi công ty phát sinh nghiệp vụ bán hàng:

Khi khách hàng mua hàng sẽ gửi đơn đặt hàng đến phòng kinh doanh, phòng kinh doanh sẽ báo đến phân xưởng kho. Dựa vào đơn đặt hàng phân xưởng kho sẽ kiểm tra xem còn có đủ số lượng hàng như khách hàng yêu cầu không. Khi đó bên phòng kinh doanh sẽ lập hợp đồng mua bán hàng hóa rồi đưa lên cho kế toán trưởng ký duyệt, sau khi ký duyệt xong kế toán tổng hợp sẽ căn cứ vào hợp đồng để lập phiếu xuất kho. Sau đó được sự ký duyệt của kế toán trưởng thì phiếu xuất kho sẽ được đưa đến phân xưởng kho và căn cứ vào phiếu xuất đó để xuất hàng.

Kế toán tổng hợp sẽ lập hóa đơn GTGT rồi gửi lên kế toán trưởng ký duyệt và nhân viên bán hàng sẽ chuyển hàng đến khách hàng. Khi khách hàng nhận hàng sẽ ký vào hóa đơn GTGT và khách hàng làm thủ tục thanh toán.

+ Đối với khách hàng thanh toán theo hình thức trả tiền mặt: Kế toán tổng hợp sẽ lập phiếu thu và kế toán trưởng ký duyệt, sau đó khách hàng gửi tiền cho thủ quỹ, thủ quỹ thu tiền và ghi vào sổ quỹ. Kế toán tổng hợp sẽ ghi vào sổ tiền mặt.

+ Đối với khách hàng chưa thanh toán: Kế toán bán hàng sẽ ghi vào sổ công nợ và cho phép khách hàng nợ trong một khoảng thời gian nhất định.

e. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty.

Để hiểu rõ hơn về phần hành kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty, kế toán sẽ tiến hành hạch toán theo ví dụ sau:

Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT kế toán tiến hành nhập dữ liệu vào phần mềm, phần mềm tự động lên sổ chi tiết doanh thu bán hàng hóa và sổ tổng hợp doanh thu bán hàng. Khi hàng hóa đã giao cho khách hàng, khách hàng thanh toán hay chấp nhận hàng hóa, phòng kế toán sẽ lập hóa đơn GTGT.

Nghiệp vụ :

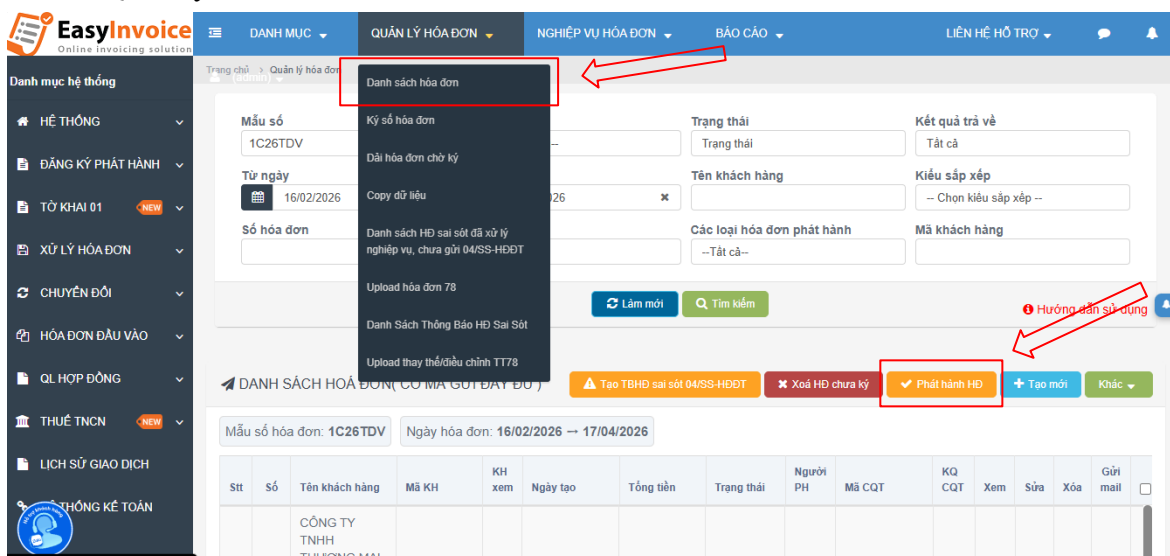
Ngày 31/12/2025 công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Devel xuất bán hàng hóa có trong hóa đơn cho Công ty TNHH xây dựng Nhật Minh Nguyên theo số hóa đơn 401, giá bán chưa thuế GTGT là 4.445.000 đồng, thuế GTGT 10%. Khách hàng chưa thanh toán. Chứng từ gồm có: hóa đơn GTGT và phiếu xuất kho.

Khi khách hàng mua hàng, nhân viên bán hàng sẽ báo đơn đặt hàng của khách hàng cho phòng kế toán. Kế toán sẽ lập phiếu xuất kho và chuyển cho thủ kho để ghi số lượng hàng thực tế xuất bán, ký và chuyển lại cho kế toán. Sau đó, kế toán xuất hóa đơn GTGT theo số lượng như trên phiếu xuất bán. Nội dung cụ thể của nghiệp vụ được thể hiện trên chứng từ gốc như sau:

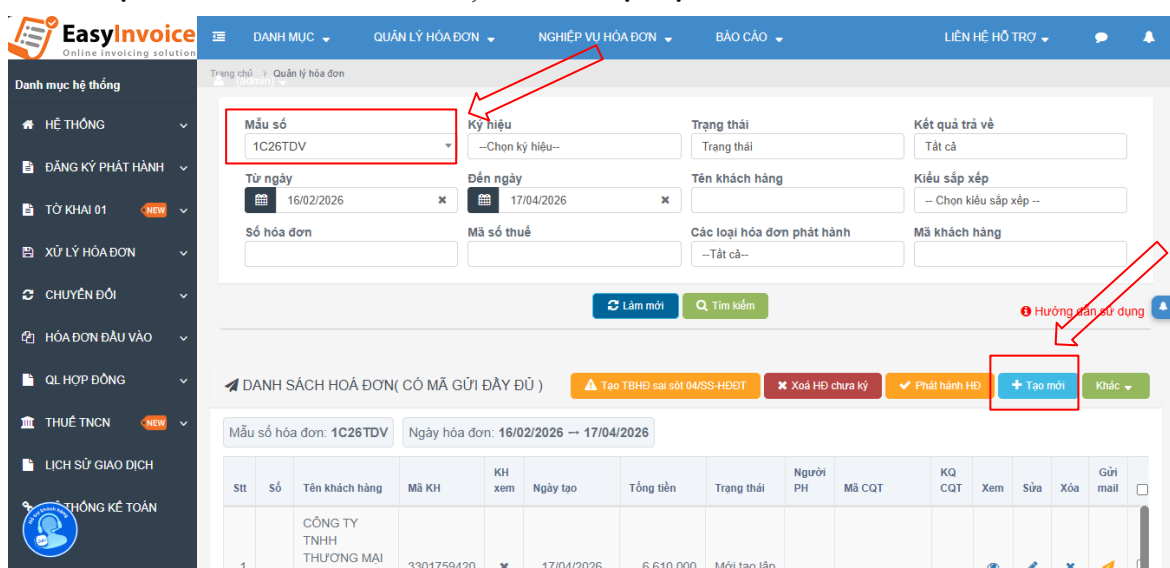
Cách thức phát hành hóa đơn điện tử:

Bước 1: Doanh nghiệp truy cập vào hệ thống trang hóa đơn điện tử EasyInvoice.

+ Màn hình hiển thị giao diện trang chủ của hệ thống trang EasyInvoice, kế toán chọn “Quản lý hóa đơn” → “Danh sách hóa đơn” → “Phát hành hóa đơn”.



+ Chọn mẫu số hóa đơn có mã, sau đó chọn tạo mới hóa đơn.



Bước 2: Điền thông tin còn thiếu trên hóa đơn điện tử.

Hóa đơn giá trị gia tăng

Mã số thuế: 0 4 0 1 9 7 1 7 5 3

Ký hiệu mẫu số hóa đơn: 1C26TDV

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL

Số: <Chưa cấp số>

Địa chỉ: 398 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày tạo lập: 17/04/2026

Điện thoại: 0236.3688969 FAX: Website:

Mã khách hàng: Tạo KH

Tên người mua hàng:

Đơn vị mua:

Mã số thuế: Lấy thông tin

Địa chỉ:

Số tài khoản:

+ Kế toán điền đầy đủ thông tin về người mua hàng, phương thức thanh toán, hàng hóa dịch vụ...vào hóa đơn. Điền thông tin về hàng hóa và dịch vụ bán (Tên hàng hóa, đơn vị tính, số lượng và đơn giá).

+ Chọn thuế giá trị gia tăng, rồi chọn lưu dữ liệu hóa đơn.

Xóa nhiều: ☐ Tính ngược: ☐

Chiết khấu: Không có chiết khấu

Xóa	STT	Mã hàng hóa (Code)	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Price)	Thành tiền (Total) VND	Tinh chất
☒	1		Son PAKA 1K - Thùng 10Kg - Trắng	Thùng	1	800,000	800,000	HH, DV
☒	2		Son PAKA 1K - Thùng 18Kg - Vàng	Thùng	1	1,100,000	1,100,000	HH, DV
☒	3		Son PAKA 1K - Xám Ghi - Thùng 18Kg	Thùng	1	1,020,000	1,020,000	HH, DV
☒	4		Dung môi công nghiệp	Kg	100	14,250	1,425,000	HH, DV

Thuế GTGT (VAT Rate): 8%

Tỷ giá (Exchange Rate):

Tiền tệ (Currency): VND

Số tiền viết bằng chữ (Amount in word): Bốn triệu tám trăm nghìn sáu trăm đồng

Tổng tiền trước thuế (Total): 4,445,000

Tổng tiền thuế (VAT Amount): 355,800

Tổng tiền dịch vụ (Amount): 4,800,800

Lưu dữ liệu Mẫu đơn hóa đơn COT Quay lại Làm mới

Bước 3: Phát hành hóa đơn và chờ mã cấp từ cơ quan thuế

+ Trạng thái hóa đơn ở dạng mới tạo lập nhưng chưa phát hành. Kế toán có thể thao tác xem, sửa hoặc xóa hóa đơn.

+ Kế toán chọn phát hành hóa đơn. Cùng lúc đó, hệ thống EasyInvoice sẽ tự động gửi hóa đơn đến cơ quan Thuế. Trạng thái kết quả trả về của cơ quan Thuế lúc này là đang kiểm tra.

+ Trong vòng 5 phút cơ quan Thuế gửi lại mã hóa đơn cho doanh nghiệp.

+ Xem chi tiết hóa đơn có dòng mã được cấp bởi cơ quan Thuế.

Bước 4: Gửi hóa đơn điện tử qua gmail khách hàng mua hàng hóa dịch vụ của doanh nghiệp.

Hình ảnh 2. Hóa đơn GTGT số 401

Khi khách hàng nhận được hàng và hóa đơn GTGT, khách hàng có thể thanh toán theo 2 hình thức: chuyển khoản và tiền mặt. Trường hợp này bên khách hàng chưa thanh toán tiền ngay, nên kế toán hạch toán vào tài khoản 131.

Cách hạch toán bán hàng trên phần mềm kế toán Vietda:

Căn cứ vào hóa đơn số 401, ký hiệu 1C25TDV, kế toán công ty đã hạch toán nghiệp vụ này vào phần mềm. Trình tự nhập liệu: Vào “Nhập xuất” sau đó chọn “Hóa đơn bán và phiếu xuất kho”. Kích chọn “Xuất bán hàng”.

The screenshot shows the 'Xuất bán hàng' (Sell Invoice) form in the Vietda accounting software. The form is titled 'KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP' and includes various fields for invoice details, tax information, and a table of items. The 'Đơn giá' (Unit Price) and 'Thành tiền' (Amount) columns are highlighted in blue.

Mã hàng	Tên hàng hóa - vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tiền hàng	TK Nợ	TK Có	%CK	Tiền CK	Nợ CK	Có CK	ĐG vốn	Tiền vốn	Nợ GV	Có GV	Giá đar
1	SKP11P-16...	Thùng	1,00	900.000,00	900.000	900.000	131	5111	0,00	0			855.117,90	855.118	632	155	
2	SKP11P-18-Ye	Thùng	1,00	1.100.000,00	1.100.000	1.100.000	131	5111	0,00	0			1.042.791,64	1.042.792	632	155	
3	SKP11P-1-X...	Thùng	1,00	1.020.000,00	1.020.000	1.020.000	131	5111	0,00	0			964.633,30	964.633	632	155	
4	DMCN	kg	100,00	14.250,00	1.425.000	1.425.000	131	5111	0,00	0			13.700,00	1.370.000	632	156	

Hình ảnh 3. Giao diện phần mềm khi đã nhập hóa đơn

Nhập số liệu đầy đủ vào phần mềm và nhấn nút “Lưu”, thì phần mềm sẽ hiển thị như Hình ảnh 3.

Trong trường hợp này khách hàng chưa thanh toán, do đó kế toán sẽ không lập phiếu thu nên ngay tại thời điểm đó phần mềm sẽ tự động cập nhật thông tin đồng thời vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK 511, 131, sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết TK 131,...

Để mở sổ nhật ký chung kế toán thực hiện những thao tác sau: Kích chọn “Tổng hợp” → “Hình thức nhật ký chung” → “Nhật ký chung” → tích chọn thời gian “Định kỳ” → “NAM” → Kích chọn “Excel” để xuất báo cáo như Hình 19.

Để mở sổ cái trên phần mềm VIETDA thì kế toán thực hiện những thao tác sau: Kích chọn “Tổng hợp” → “Hình thức Nhật ký chung” → “Sổ cái” (Theo hình thức Nhật ký chung) → chọn thời gian báo cáo định kỳ “NAM” → Chọn “TK 511” → Kích chọn “Excel” để xuất báo cáo như Bảng 1.

Đơn vị : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL				Mẫu số S03b-DNN		
Địa chỉ : 398 CMT8, P Hòa Thọ Đông, Q Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC		
				ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ CÁI						
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)						
Năm 2025						
Tài khoản: 511 (Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ)						
				Đơn vị tính : Đồng		
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
1	XH1001/01	06/01	Xuất hàng - HĐ 00000001 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SƠN TIỀN)	131		14.012.000
2	XH1002/01	06/01	Xuất hàng - HĐ 00000002 (CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG THẾ VINH)	131		4.550.000
...	...	...	...	...	...	...
13	XH1015/01	21/01	Xuất hàng - HĐ 00000013 (CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH PHÙ SA ĐỎ)	131		2.288.000
14	XH1016/01	22/01	Xuất hàng - HĐ 00000014 (CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ QUANG NGUYỄN)	131		18.110.000
15	XH1017/01	23/01	Xuất hàng - HĐ 00000015 (Trường Mẫu Giáo Đại Chánh)	131		6.490.000
16	XH1011/01	25/01	Xuất hàng - HĐ 00000016 (CÔNG TY TNHH SONGOD)	131		1.454.545
17	KC001/01	31/01	K.c doanh thu bán hàng hoá	911	160.037.956	
Cộng phát sinh tháng 01					160.037.956	160.037.956
Số dư cuối tháng 01						
...	...	...	...	...	...	...
345	XH1026/11	27/11	Xuất hàng - HĐ 00000335 (CÔNG TY TNHH 2TV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ THỊNH)	131		18.534.250
346	XH1020/11	29/11	Xuất hàng - HĐ 00000340 (CÔNG TY TNHH TIỀN PHONG VŨ)	131		28.800.000
347	XH1027/11	29/11	Xuất hàng - HĐ 00000336 (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÀNH HOÀNG CHÂU)	131		3.320.000
348	XH1028/11	29/11	Xuất hàng - HĐ 00000337 (Khách hàng không cung cấp thông tin)	131		1.690.480
349	XH1029/11	29/11	Xuất hàng - HĐ 00000338 (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HK)	131		486.400.000
350	XH1030/11	29/11	Xuất hàng - HĐ 00000339 (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HK)	131		641.820.000
351	KC001/11	30/11	K.c doanh thu bán hàng hoá	911	2.754.245.711	
Cộng phát sinh tháng 11					2.754.245.711	2.754.245.711
Số dư cuối tháng 11						
352	XH1001/12	01/12	Xuất hàng - HĐ 00000341 (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HK)	131		397.900.000
353	XH1002/12	01/12	Xuất hàng - HĐ 00000342 (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HK)	131		431.300.000
...	...	...	...	...	...	...
409	XH1050/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 00000399 (CÔNG TY TNHH THÀNH PHÁT QUẢNG BÌNH)	131		4.556.250
410	XH1056/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 00000403 (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VINH PHÚ HOA)	131		7.500.000
411	XH1060/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 00000400 (NGUYỄN ĐÌNH PHÚC)	131		9.259.259
412	XH1061/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 00000401 (CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NHẬT MINH NGUYỄN)	131		4.445.000
413	XH1062/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 00000402 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP NAM HẢI ĐĂNG)	131		18.518.518
414	KC001/12	31/12	K.c doanh thu bán hàng hoá	911	2.597.640.159	
Cộng phát sinh tháng 12					2.597.640.159	2.597.640.159
Số dư cuối tháng 12						
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					8.440.432.980	8.440.432.980
Cộng lũy kế từ đầu năm					33.338.400.570	33.338.400.570
Số dư cuối kỳ				x		
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người ghi sổ			Kế toán trưởng		Giám đốc	
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)	

Bảng 1. Sổ cái TK 511(Trích sổ cái TK 511)

Để mở sổ chi tiết kế toán thực hiện những thao tác sau: Kích chọn “Tổng hợp” → “Sổ chi tiết tài khoản” → chọn kỳ báo cáo “NAM” → chọn loại doanh thu “TK 511” → Chọn “Excel” để xuất báo cáo như bảng 2.

Đơn vị : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL					Mẫu số S19-DNN			
Địa chỉ : 398 CMT8, P Hòa Thọ Đông, Q Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng					(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC			
					ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)			
SỐ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Năm 2025								
Tài khoản: 511 (Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ)								
							Đơn vị tính : Đồng	
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ								
1	XH1001/01	06/01	Xuất hàng - HD 00000001 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SƠN TIỀN)	131		14.012.000		14.012.000
2	XH1002/01	06/01	Xuất hàng - HD 00000002 (CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG THỂ VINH)	131		4.550.000		18.562.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
10	XH1012/01	21/01	Xuất hàng - HD 00000010 (CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - TỔNG HỢP HOÀNG ANH)	131		13.191.000		112.297.411
11	XH1013/01	21/01	Xuất hàng - HD 00000012 (Trường mẫu giáo ánh Hồng)	131		1.300.000		113.597.411
12	XH1014/01	21/01	Xuất hàng - HD 00000011 (CÔNG TY TNHH NGÀ PHÚC)	131		18.098.000		131.695.411
13	XH1015/01	21/01	Xuất hàng - HD 00000013 (CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH PHÚ SA ĐỎ)	131		2.288.000		133.983.411
14	XH1016/01	22/01	Xuất hàng - HD 00000014 (CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ QUANG NGUYỄN)	131		18.110.000		152.093.411
15	XH1017/01	23/01	Xuất hàng - HD 00000015 (Trường Mẫu Giáo Đại Chánh)	131		6.490.000		158.583.411
16	XH1011/01	25/01	Xuất hàng - HD 00000016 (CÔNG TY TNHH SONGOD)	131		1.454.545		160.037.956
17	KC001/01	31/01	K.c doanh thu bán hàng hoá	911	160.037.956			
Cộng phát sinh tháng 01					160.037.956	160.037.956		
Số dư cuối tháng 01								
...	...	...	...	...	...	...	...	...
345	XH1026/11	27/11	Xuất hàng - HD 00000335 (CÔNG TY TNHH 2TV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ THỊNH)	131		18.534.250		1.592.215.231
346	XH1020/11	29/11	Xuất hàng - HD 00000340 (CÔNG TY TNHH TIẾN PHONG VŨ)	131		28.800.000		1.621.015.231
347	XH1027/11	29/11	Xuất hàng - HD 00000336 (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÀNH HOÀNG CHÂU)	131		3.320.000		1.624.335.231
348	XH1028/11	29/11	Xuất hàng - HD 00000337 (Khách hàng không cung cấp thông tin)	131		1.690.480		1.626.025.711
349	XH1029/11	29/11	Xuất hàng - HD 00000338 (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HK)	131		486.400.000		2.112.425.711
350	XH1030/11	29/11	Xuất hàng - HD 00000339 (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HK)	131		641.820.000		2.754.245.711
351	KC001/11	30/11	K.c doanh thu bán hàng hoá	911	2.754.245.711			
Cộng phát sinh tháng 11					2.754.245.711	2.754.245.711		
Số dư cuối tháng 11								
352	XH1001/12	01/12	Xuất hàng - HD 00000341 (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HK)	131		397.900.000		397.900.000
353	XH1002/12	01/12	Xuất hàng - HD 00000342 (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HK)	131		431.300.000		829.200.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
409	XH1050/12	31/12	Xuất hàng - HD 00000399 (CÔNG TY TNHH THÀNH PHÁT QUẢNG BÌNH)	131		4.556.250		2.557.917.382
410	XH1056/12	31/12	Xuất hàng - HD 00000403 (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VINH PHÚ HOA)	131		7.500.000		2.565.417.382
411	XH1060/12	31/12	Xuất hàng - HD 00000400 (NGUYỄN ĐÌNH PHÚC)	131		9.259.259		2.574.676.641
412	XH1061/12	31/12	Xuất hàng - HD 00000401 (CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NHẬT MINH NGUYỄN)	131		4.445.000		2.579.121.641
413	XH1062/12	31/12	Xuất hàng - HD 00000402 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP NAM HẢI ĐĂNG)	131		18.518.518		2.597.640.159
414	KC001/12	31/12	K.c doanh thu bán hàng hoá	911	2.597.640.159			
Cộng phát sinh tháng 12					2.597.640.159	2.597.640.159		
Số dư cuối tháng 12								
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					8.440.432.980	8.440.432.980		
Cộng lũy kế từ đầu năm					33.338.400.570	33.338.400.570		
Số dư cuối kỳ								
Ngày mở sổ: 01/01/2025					Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Người ghi sổ			Kế toán trưởng		Giám đốc			
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)			

Bảng 2. Sổ chi tiết TK 511(Trích sổ chi tiết TK 511)

2.2.2.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

a. Tài khoản sử dụng.

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng.

Để phản ánh chi tiết Doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Devel, công ty sử dụng TK 515.

b. Chứng từ, sổ sách sử dụng.

- Chứng từ sử dụng: Giấy báo có hoặc sao kê ngân hàng.

- Sổ sách sử dụng:

+ Sổ nhật ký chung

+ Sổ cái TK 515

+ Sổ chi tiết TK 515

c. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Cuối tháng, nhận được chứng từ giao dịch / Giấy báo Có của ngân hàng về khoản tiền lãi gửi của ngân hàng. Bộ phận Kế toán tổng hợp, kiểm tra, tập hợp số liệu vào phần mềm kế toán.

Hàng tháng doanh nghiệp phát sinh doanh thu tài chính tiền lãi gửi ngân hàng từ ngân hàng Sacombank, được thể hiện trên chứng từ sau:

Nghiệp vụ:

Ngày 30/09/2025 công ty nhận được thông báo tiền lãi của ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) về số tiền lãi là 644 đồng.

SỔ PHỤ TÀI KHOẢN

Ngày: 03-10-2025
Số Tài khoản: 040081955559
Tên chủ tài khoản: CTY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL
Ngày giao dịch từ: 29-09-2025
Ngày giao dịch đến: 03-10-2025
Loại tiền: VND
Số dư đầu kỳ: 11.014.335
Số dư cuối kỳ: 1.351.386

Chi tiết lịch sử giao dịch

ST T	Số giao dịch	Ngày giao dịch	Ngày hiệu lực	Nội dung	Số tiền rút	Số tiền gửi	Số dư hiện tại
1	FEE C250925040081955559	29-09-2025 07:53:06	29-09-2025	PHI T09/2025-040081955559-ALERT(31)IB_Q&TK	132.000		10.882.335
2	FT252725HJ54	29-09-2025 10:00:28	29-09-2025	CTY CP TM-XNK AM THANH AS ANH TAI chuyển tiền CKN 532739 - CTCPTM XNK AM THANH AS ANH TAI - Ngân hàng TMCP Ky Thuong Viet Nam		11.000.000	21.882.335
3	040081955559-20250930	30-09-2025 23:21:53	30-09-2025	CHI LẠI TK TIỀN GỬI 040081955559		644	21.882.979
4	FT25274LXFHC	01-10-2025 11:41:31	01-10-2025	CP0021000672 ATM CREDIT PAYMENT TO 111111 - 1452	531.593		21.351.386
5	FT25274TC0DK	01-10-2025 21:25:51	01-10-2025	Ri-	20.000.000		1.351.386
Cộng phát sinh trong kỳ					20.663.593	11.000.644	

Phần dành cho Sacombank



Ký bởi: NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN THƯƠNG TÍN
Ký ngày: 18/04/2026

Hình ảnh 4. Sao kê sổ phụ ngân hàng Sacombank

Căn cứ giấy báo có của ngân hàng ngày 30/09/2025 về tiền lãi mà công ty thu được, kế toán tiến hành nhập số liệu vào phần mềm. Trình tự nhập liệu: Vào “**Thu chi**” sau đó chọn “**Phiếu thu tiền gửi (báo có)**”. Sau khi nhập đầy đủ dữ liệu vào phần mềm và nhấn “**Lưu**” thì phần mềm sẽ tự động cập nhật lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 515, sổ chi tiết TK 515.

Đơn vị : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL				Mẫu số S03b-DNN		
Địa chỉ : 398 CMT8, P Hòa Thọ Đông, Q Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC		
				ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỐ CÁI						
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)						
Năm 2025						
Tài khoản: 515 (Doanh thu hoạt động tài chính)						
Đơn vị tính : Đồng						
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
1	TG012/01	25/01	Lãi TK (NH ACB - CN Đà Nẵng)	1121ACB1		214
2	TG023/01	25/01	Lãi TK (NH TPBANK)	1121TPB1		117
3	TG020/01	31/01	Lãi TK (NH Sacombank)	1121SAC1		624
4	TG021/01	31/01	Lãi TK (Ngân hàng Agribank - CN Cẩm Lệ)	1121AG		700
5	TG022/01	31/01	Lãi TK (Ngân hàng MSB - CN Đà Nẵng)	1121MSB		574
6	KC002/01	31/01	k.c doanh thu hoạt động tài chính	911	2.229	
			Cộng phát sinh tháng 01		2.229	2.229
			Số dư cuối tháng 01			
...	...	...	...	...	...	...
49	TG012/09	25/09	Lãi TK (NH ACB - CN Đà Nẵng)	1121ACB1		143
50	TG022/09	25/09	Lãi TK (NH TPBANK)	1121TPB1		81
51	TG010/09	30/09	Lãi TK (NH Sacombank)	1121SAC1		644
52	TG019/09	30/09	Lãi TK (NH Techcombank)	1121TCB		140
53	TG020/09	30/09	Lãi TK (Ngân hàng Agribank - CN Cẩm Lệ)	1121AG		100
54	TG021/09	30/09	Lãi TK (Ngân hàng MSB - CN Đà Nẵng)	1121MSB		277
55	KC002/09	30/09	k.c doanh thu hoạt động tài chính	911	1.385	
			Cộng phát sinh tháng 09		1.385	1.385
			Số dư cuối tháng 09			
			Cộng lũy kế từ đầu quý 3		3.429	3.429
...	...	...	...	...	...	...
64	TG006/11	25/11	Lãi TK (NH ACB - CN Đà Nẵng)	1121ACB1		55
65	TG016/11	25/11	Lãi TK (NH TPBANK)	1121TPB1		218
66	TG013/11	29/11	Lãi TK (NH Techcombank)	1121TCB		168
67	TG011/11	30/11	Lãi TK (NH Sacombank)	1121SAC1		518
68	TG014/11	30/11	Lãi TK (Ngân hàng Agribank - CN Cẩm Lệ)	1121AG		100
69	TG015/11	30/11	Lãi TK (Ngân hàng MSB - CN Đà Nẵng)	1121MSB		20
70	KC002/11	30/11	k.c doanh thu hoạt động tài chính	911	1.079	
			Cộng phát sinh tháng 11		1.079	1.079
			Số dư cuối tháng 11			
71	TG029/12	25/12	Lãi TK (NH ACB - CN Đà Nẵng)	1121ACB1		159
72	TG053/12	25/12	Lãi TK (NH TPBANK)	1121TPB1		216
73	TG046/12	31/12	Lãi TK (NH Sacombank)	1121SAC1		4.212
74	TG051/12	31/12	Lãi TK (NH Techcombank)	1121TCB		6.147
75	TG052/12	31/12	Lãi TK (Ngân hàng MSB - CN Đà Nẵng)	1121MSB		13
76	KC002/12	31/12	k.c doanh thu hoạt động tài chính	911	10.747	
			Cộng phát sinh tháng 12		10.747	10.747
			Số dư cuối tháng 12			
			Cộng lũy kế từ đầu quý 4		214.966	214.966
			Cộng lũy kế từ đầu năm		271.029	271.029
			Số dư cuối kỳ	x		
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người ghi sổ			Kế toán trưởng		Giám đốc	
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)	

Bảng 3. Sổ Cái TK 515 (Trích sổ cái TK 515)

Đơn vị : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL					Mẫu số S19-DNN			
Địa chỉ : 398 CMT8, P Hòa Thọ Đông, Q Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng					(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC			
					ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)			
SỐ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Năm 2025								
Tài khoản: 515 (Doanh thu hoạt động tài chính)								
Đơn vị tính : Đồng								
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ								
1	TG012/01	25/01	Lãi TK (NH ACB - CN Đà Nẵng)	1121ACB1		214		214
2	TG023/01	25/01	Lãi TK (NH TPBANK)	1121TPB1		117		331
3	TG020/01	31/01	Lãi TK (NH Sacombank)	1121SAC1		624		955
4	TG021/01	31/01	Lãi TK (Ngân hàng Agribank - CN Cẩm Lệ)	1121AG		700		1.655
5	TG022/01	31/01	Lãi TK (Ngân hàng MSB - CN Đà Nẵng)	1121MSB		574		2.229
6	KC002/01	31/01	k.c doanh thu hoạt động tài chính	911	2.229			
Cộng phát sinh tháng 01					2.229	2.229		
Số dư cuối tháng 01								
...	...	...	...	...	...	...	...	
49	TG012/09	25/09	Lãi TK (NH ACB - CN Đà Nẵng)	1121ACB1		143		143
50	TG022/09	25/09	Lãi TK (NH TPBANK)	1121TPB1		81		224
51	TG010/09	30/09	Lãi TK (NH Sacombank)	1121SAC1		644		868
52	TG019/09	30/09	Lãi TK (NH Techcombank)	1121TCB		140		1.008
53	TG020/09	30/09	Lãi TK (Ngân hàng Agribank - CN Cẩm Lệ)	1121AG		100		1.108
54	TG021/09	30/09	Lãi TK (Ngân hàng MSB - CN Đà Nẵng)	1121MSB		277		1.385
55	KC002/09	30/09	k.c doanh thu hoạt động tài chính	911	1.385			
Cộng phát sinh tháng 09					1.385	1.385		
Số dư cuối tháng 09								
Cộng lũy kế từ đầu quý 3					3.429	3.429		
...	...	...	...	...	...	...	...	...
64	TG006/11	25/11	Lãi TK (NH ACB - CN Đà Nẵng)	1121ACB1		55		55
65	TG016/11	25/11	Lãi TK (NH TPBANK)	1121TPB1		218		273
66	TG013/11	29/11	Lãi TK (NH Techcombank)	1121TCB		168		441
67	TG011/11	30/11	Lãi TK (NH Sacombank)	1121SAC1		518		959
68	TG014/11	30/11	Lãi TK (Ngân hàng Agribank - CN Cẩm Lệ)	1121AG		100		1.059
69	TG015/11	30/11	Lãi TK (Ngân hàng MSB - CN Đà Nẵng)	1121MSB		20		1.079
70	KC002/11	30/11	k.c doanh thu hoạt động tài chính	911	1.079			
Cộng phát sinh tháng 11					1.079	1.079		
Số dư cuối tháng 11								
71	TG029/12	25/12	Lãi TK (NH ACB - CN Đà Nẵng)	1121ACB1		159		159
72	TG053/12	25/12	Lãi TK (NH TPBANK)	1121TPB1		216		375
73	TG046/12	31/12	Lãi TK (NH Sacombank)	1121SAC1		4.212		4.587
74	TG051/12	31/12	Lãi TK (NH Techcombank)	1121TCB		6.147		10.734
75	TG052/12	31/12	Lãi TK (Ngân hàng MSB - CN Đà Nẵng)	1121MSB		13		10.747
76	KC002/12	31/12	k.c doanh thu hoạt động tài chính	911	10.747			
Cộng phát sinh tháng 12					10.747	10.747		
Số dư cuối tháng 12								
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					214.966	214.966		
Cộng lũy kế từ đầu năm					271.029	271.029		
Số dư cuối kỳ								
Ngày mở sổ: 01/01/2025					Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Bảng 4. Sổ chi tiết TK 515 (Trích sổ chi tiết TK 515)

2.2.2.3. Kế toán thu nhập khác.

a. Tài khoản sử dụng.

Tài khoản sử dụng: TK 711 – “Thu nhập khác” dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

b. Chứng từ, sổ sách sử dụng.

Chứng từ sử dụng: Hợp đồng kinh tế, biên bản thanh lý bàn giao, giấy báo có và các chứng từ có liên quan,...

Sổ sách sử dụng:

- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ cái TK 711
- + Sổ chi tiết TK 711

c. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Trong hoạt động thu hồi công nợ qua ngân hàng tại Công ty Đầu tư và Phát Triển Devel, thực tế thường phát sinh các khoản chênh lệch nhỏ do khách hàng có thói quen chuyển khoản tròn số dư trong tài khoản. Điển hình như nghiệp vụ ngày 26/08/2025, khách hàng thanh toán 1.674.100 đồng, dư 100 đồng so với giá trị hóa đơn gốc 1.674.000 đồng.

Đảm bảo sổ chi tiết công nợ được tắt toán dứt điểm, không bị treo số dư lẻ gây khó khăn cho việc đối soát cuối kỳ, kế toán đơn vị đã chủ động hạch toán phần chênh lệch này trên phần mềm như sau:

The screenshot shows the 'KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP' software interface. The main window displays a transaction entry for 'Thu nhập khác' (Other Income) on 26/08/2025. The interface includes fields for account numbers, amounts, and a table for journal entries.

Điền giá	Số tiền	TK Nợ	TK Có	Mã KMP	Tên hàng	Vụ việc	Tên Vụ việc	Đơn hàng	Ngày đến hạn	Lưu trữ (L)	Ký hiệu (K)
1	1.674.000	1121ACB1	131								
2	100	131	711								
3											

The interface also shows a 'Thuế GTGT' (VAT) section with a table for VAT entries. The total amount is 1.674.100 and the total VAT is 0.

Hình ảnh 6. Giao diện hạch toán thu nhập khác trên phần mềm

Đơn vị : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL				Mẫu số S03b-DNN		
Địa chỉ : 398 CMT8, P Hòa Thọ Đông, Q Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC		
				ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ CÁI						
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)						
Năm 2025						
Tài khoản: 711 (Thu nhập khác)						
				Đơn vị tính : Đồng		
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
1	TG002/09	26/08	KH TT (CÔNG TY TNHH XÂY LẮP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRƯỜNG LONG)	131		100
2	KC003/08	31/08	K.c doanh thu nghiệp vụ tài chính	911	100	
			Cộng phát sinh tháng 08		100	100
			Cộng lũy kế từ đầu quý 3		100	100
			Cộng lũy kế từ đầu năm		100	100
			Số dư cuối kỳ	x		
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người ghi sổ			Kế toán trưởng	Giám đốc		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Bảng 5. Sổ cái TK 711

Đơn vị : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL					Mẫu số S19-DNN			
Địa chỉ : 398 CMT8, P Hòa Thọ Đông, Q Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng					(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC			
					ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)			
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Năm 2025								
Tài khoản: 711 (Thu nhập khác)								
Đơn vị tính : Đồng								
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ								
1	TG002/09	26/08	KH TT (CÔNG TY TNHH XÂY LẬP SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRƯỜNG LONG)	131		100		100
2	KC003/08	31/08	K.c doanh thu nghiệp vụ tài chính	911	100			
Cộng phát sinh tháng 08					100	100		
Cộng lũy kế từ đầu quý 3					100	100		
Cộng lũy kế từ đầu năm					100	100		
Số dư cuối kỳ								
Ngày mở sổ: 01/01/2025					Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Người ghi sổ			Kế toán trưởng		Giám đốc			
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)			

Bảng 6. Sổ chi tiết TK 711

2.2.3. Kế toán chi phí tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel

2.2.3.1 Kế toán giá vốn hàng bán.

a. Tài khoản sử dụng.

Để phản ánh chi tiết Giá vốn hàng hóa tại Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel, công ty sử dụng tài khoản 632.

b. Chứng từ, sổ sách sử dụng.

- Chứng từ sử dụng: Hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu xuất kho.
- Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ Nhật ký chung
 - + Sổ Cái TK 632
 - + Sổ Chi tiết TK 632

c. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận đồng thời với doanh thu bán hàng hóa theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho theo phương pháp nhập trước – xuất trước. Khách hàng có nhu cầu mua hàng sẽ liên hệ với bộ phận kinh doanh, sau đó bộ phận kinh doanh sẽ liên hệ với bộ phận kho để kiểm tra xem hàng trong kho có đủ hay không. Sau đó bộ phận kho tiến hành xuất hàng hóa và lập phiếu xuất kho, phần giá xuất kho sẽ được cập nhật trên phần mềm kế toán, sau đó được ghi trên phiếu xuất kho.

Cuối kỳ kết chuyển TK 632 – giá vốn hàng bán vào TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh để xác định kết quả kinh doanh.

Nghiệp vụ:

Ngày 31/12/2025 công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Devel xuất bán hàng hóa có trong hóa đơn cho Công ty TNHH xây dựng Nhật Minh Nguyên theo số hóa đơn 401, giá bán chưa thuế GTGT là 4.445.000 đồng, thuế GTGT 10%. Khách hàng chưa thanh toán

Kế toán sẽ lập phiếu xuất kho. Để lập được phiếu xuất kho thì sau khi hạch toán doanh thu xong kế toán bấm “Lưu” thì phần mềm sẽ tự hạch toán giá vốn và lập phiếu xuất kho.

- Căn cứ vào phiếu xuất kho kế toán công ty đã hạch toán nghiệp vụ này vào phần mềm, phần mềm sẽ tự động cập nhật thông tin vào sổ nhật ký chung (bảng 19), sổ chi tiết của tài khoản 632, sổ cái tài khoản 632.

Đơn vị : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL				Mẫu số S03b-DNN		
Địa chỉ : 398 CMT8, P Hòa Thọ Đông, Q Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC		
				ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỐ CÁI						
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)						
Năm 2025						
Tài khoản: 632 (Giá vốn hàng bán)						
Đơn vị tính : Đồng						
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
1	XH1001/01	06/01	Xuất hàng - HĐ 00000001 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SƠN TIỀN)	155	11.369.884	
2	XH1001/01	06/01	Xuất hàng - HĐ 00000001 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SƠN TIỀN)	156	2.168.400	
3	XH1002/01	06/01	Xuất hàng - HĐ 00000002 (CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG THẾ VINH)	155	3.326.034	
4	XH1002/01	06/01	Xuất hàng - HĐ 00000002 (CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG THẾ VINH)	156	781.200	
...	...	...	...	...	...	...
12	XH1012/01	21/01	Xuất hàng - HĐ 00000010 (CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - TỔNG HỢP HOÀNG ANH)	155	11.904.789	
13	XH1013/01	21/01	Xuất hàng - HĐ 00000012 (Trường mẫu giáo ánh Hồng)	155	1.210.741	
14	XH1014/01	21/01	Xuất hàng - HĐ 00000011 (CÔNG TY TNHH NGÀ PHÚC)	155	17.803.245	
15	XH1015/01	21/01	Xuất hàng - HĐ 00000013 (CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH PHÙ SA ĐỎ)	155	2.252.001	
16	XH1016/01	22/01	Xuất hàng - HĐ 00000014 (CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ QUANG NGUYỄN)	155	17.851.803	
17	XH1017/01	23/01	Xuất hàng - HĐ 00000015 (Trường Mẫu Giáo Đại Chánh)	155	6.395.561	
18	XH1011/01	25/01	Xuất hàng - HĐ 00000016 (CÔNG TY TNHH SONGOD)	155	888.611	
19	KC003/01	31/01	K.c giá vốn hàng bán	911		150.728.837
Cộng phát sinh tháng 01					150.728.837	150.728.837
Số dư cuối tháng 01						
...	...	...	...	...	...	...
442	XH1026/11	27/11	Xuất hàng - HĐ 00000335 (CÔNG TY TNHH 2TV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ THỊNH)	155	17.889.252	
443	XH1020/11	29/11	Xuất hàng - HĐ 00000340 (CÔNG TY TNHH TIỀN PHONG VŨ)	155	19.297.220	
444	XH1027/11	29/11	Xuất hàng - HĐ 00000336 (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÀNH HOÀNG CHÂU)	156	3.300.000	
445	XH1028/11	29/11	Xuất hàng - HĐ 00000337 (Khách hàng không cung cấp thông tin)	156	1.628.761	
446	XH1029/11	29/11	Xuất hàng - HĐ 00000338 (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HK)	156	483.700.000	
447	XH1030/11	29/11	Xuất hàng - HĐ 00000339 (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HK)	156	640.057.680	
448	KC003/11	30/11	K.c giá vốn hàng bán	911		2.656.017.907
Cộng phát sinh tháng 11					2.656.017.907	2.656.017.907
Số dư cuối tháng 11						

449	XH1001/12	01/12	Xuất hàng - HĐ 00000341 (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HK)	156	394.064.300	
450	XH1002/12	01/12	Xuất hàng - HĐ 00000342 (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HK)	155	314.441.200	
451	XH1002/12	01/12	Xuất hàng - HĐ 00000342 (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HK)	156	103.750.000	
...	...	...	...	...	...	...
525	XH1050/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 00000399 (CÔNG TY TNHH THÀNH PHÁT QUẢNG BÌNH)	155	2.893.900	
526	XH1050/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 00000399 (CÔNG TY TNHH THÀNH PHÁT QUẢNG BÌNH)	156	1.438.500	
527	XH1056/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 00000403 (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VINH PHÚ HOA)	155	6.717.514	
528	XH1060/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 00000400 (NGUYỄN ĐÌNH PHÚC)	155	3.707.649	
529	XH1060/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 00000400 (NGUYỄN ĐÌNH PHÚC)	156	5.123.800	
530	XH1061/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 00000401 (CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NHẬT MINH NGUYỄN)	155	2.862.543	
531	XH1061/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 00000401 (CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NHẬT MINH NGUYỄN)	156	1.370.000	
532	XH1062/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 00000402 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP NAM HẢI ĐĂNG)	155	13.158.826	
533	XH1062/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 00000402 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP NAM HẢI ĐĂNG)	156	4.110.000	
534	KC003/12	31/12	K.c giá vốn hàng bán	911		2.502.323.614
Cộng phát sinh tháng 12					2.502.323.614	2.502.323.614
Số dư cuối tháng 12						
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					8.139.896.539	8.139.896.539
Cộng lũy kế từ đầu năm					32.605.415.659	32.605.415.659
Số dư cuối kỳ				x		
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người ghi sổ		Kế toán trưởng		Giám đốc		
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Bảng 7. Sổ cái TK 632 (Trích sổ cái TK 632)

Đơn vị : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL					Mẫu số S19-DNN			
Địa chỉ : 398 CMT8, P Hòa Thọ Đông, Q Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng					(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC			
					ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)			
SỐ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Năm 2025								
Tài khoản: 632 (Giá vốn hàng bán)								
Đơn vị tính : Đồng								
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ								
1	XH1001/01	06/01	Xuất hàng - HĐ 00000001 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SƠN TIẾN)	155	11.369.884		11.369.884	
2	XH1001/01	06/01	Xuất hàng - HĐ 00000001 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SƠN TIẾN)	156	2.168.400		13.538.284	
...	...			...	...	...	...	...
12	XH1012/01	21/01	Xuất hàng - HĐ 00000010 (CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - TỔNG HỢP HOÀNG ANH)	155	11.904.789		104.326.875	
13	XH1013/01	21/01	Xuất hàng - HĐ 00000012 (Trường mẫu giáo ánh Hồng)	155	1.210.741		105.537.616	
14	XH1014/01	21/01	Xuất hàng - HĐ 00000011 (CÔNG TY TNHH NGÀ PHÚC)	155	17.803.245		123.340.861	
15	XH1015/01	21/01	Xuất hàng - HĐ 00000013 (CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH PHÙ SA ĐỎ)	155	2.252.001		125.592.862	
16	XH1016/01	22/01	Xuất hàng - HĐ 00000014 (CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ QUANG NGUYỄN)	155	17.851.803		143.444.665	
17	XH1017/01	23/01	Xuất hàng - HĐ 00000015 (Trường Mẫu Giáo Đại Chánh)	155	6.395.561		149.840.226	
18	XH1011/01	25/01	Xuất hàng - HĐ 00000016 (CÔNG TY TNHH SONGOD)	155	888.611		150.728.837	
19	KC003/01	31/01	K.c giá vốn hàng bán	911		150.728.837		
Cộng phát sinh tháng 01					150.728.837	150.728.837		
Số dư cuối tháng 01								
...	...	...	...	...	...	...	...	...
442	XH1026/11	27/11	Xuất hàng - HĐ 00000335 (CÔNG TY TNHH 2TV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ PHÚ THỊNH)	155	18.014.733		1.507.606.413	
443	XH1020/11	29/11	Xuất hàng - HĐ 00000340 (CÔNG TY TNHH TIẾN PHONG VŨ)	155	19.371.550		1.526.977.963	
444	XH1027/11	29/11	Xuất hàng - HĐ 00000336 (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÀNH HOÀNG CHÂU)	156	3.300.000		1.530.277.963	
445	XH1028/11	29/11	Xuất hàng - HĐ 00000337 (Khách hàng không cung cấp thông tin)	156	1.628.761		1.531.906.724	
446	XH1029/11	29/11	Xuất hàng - HĐ 00000338 (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HK)	156	483.700.000		2.015.606.724	
447	XH1030/11	29/11	Xuất hàng - HĐ 00000339 (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HK)	156	640.057.680		2.655.664.404	
448	KC003/11	30/11	K.c giá vốn hàng bán	911		2.655.664.404		
Cộng phát sinh tháng 11					2.655.664.404	2.655.664.404		
Số dư cuối tháng 11								

449	XH1001/12	01/12	Xuất hàng - HĐ 00000341 (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HK)	156	394.064.300		394.064.300	
450	XH1002/12	01/12	Xuất hàng - HĐ 00000342 (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HK)	155	314.441.200		708.505.500	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
525	XH1050/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 00000399 (CÔNG TY TNHH THÀNH PHÁT QUANG BÌNH)	155	2.841.457		2.466.075.207	
526	XH1050/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 00000399 (CÔNG TY TNHH THÀNH PHÁT QUANG BÌNH)	156	1.438.500		2.467.513.707	
527	XH1056/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 00000403 (CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VINH PHÚ HOA)	155	6.489.429		2.474.003.136	
528	XH1060/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 00000400 (NGUYỄN ĐÌNH PHÚC)	155	3.640.167		2.477.643.303	
529	XH1060/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 00000400 (NGUYỄN ĐÌNH PHÚC)	156	5.123.800		2.482.767.103	
530	XH1061/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 00000401 (CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NHẬT MINH NGUYỄN)	155	2.811.048		2.485.578.151	
531	XH1061/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 00000401 (CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NHẬT MINH NGUYỄN)	156	1.370.000		2.486.948.151	
532	XH1062/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 00000402 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP NAM HẢI ĐĂNG)	155	12.911.150		2.499.859.301	
533	XH1062/12	31/12	Xuất hàng - HĐ 00000402 (CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP NAM HẢI ĐĂNG)	156	4.110.000		2.503.969.301	
534	KC003/12	31/12	K.c giá vốn hàng bán	911		2.503.969.301		
Cộng phát sinh tháng 12					2.503.969.301	2.503.969.301		
Số dư cuối tháng 12								
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					8.126.503.975	8.126.503.975		
Cộng lũy kế từ đầu năm					32.483.404.374	32.483.404.374		
Số dư cuối kỳ								
Ngày mở sổ: 01/01/2025							Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Bảng 8. Sổ chi tiết TK 632 (Trích sổ chi tiết TK 632)

2.2.3.2. Kế toán chi phí tài chính.

a. Tài khoản sử dụng.

Tài khoản sử dụng là TK 635 “Chi phí tài chính” dùng để phản ánh các chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí tài chính khác,...

b. Chứng từ, sổ sách sử dụng.

- Chứng từ sử dụng: Giấy báo nợ, chứng từ có liên quan,...

- Sổ sách sử dụng:

+ Sổ nhật ký chung

+ Sổ cái TK 635

+ Sổ chi tiết TK 635

c. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Nghiệp vụ:

Ngày 22/01/2025, trích tài khoản ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín(Sacombank) để trả lãi vay ngân hàng với số tiền là 16.073.598 đồng.

SỔ PHỤ TÀI KHOẢN

Ngày: 23-01-2025

Số Tài khoản: 040081955559

Tên chủ tài khoản: CTY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL

Ngày giao dịch từ: 20-01-2025

Ngày giao dịch đến: 23-01-2025

Loại tiền: VND

Số dư đầu kỳ: 1.166.883

Số dư cuối kỳ: 2.093.285

Chi tiết lịch sử giao dịch

ST T	Số giao dịch	Ngày giao dịch	Ngày hiệu lực	Nội dung	Số tiền rút	Số tiền gửi	Số dư hiện tại
1	FT250216D726	21-01-2025 19-14-23	21-01-2025	Nt FT25021443603006 CKN 804089 - NGUYEN QUOC VIET -		17.000.000	18.166.883
2	TT25022X57YJDNL	22-01-2025 07:49:36	22-01-2025	CK THU TIEN VAY CTY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL	16.073.598		2.093.285
3	FT25022DJ56ZIBNK	22-01-2025 09:52:59	22-01-2025	CTY TNHH MTV SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HK IB CTY HK TTTH CHO CTY DEVEL		400.000.000	402.093.285
4	FT25022KK2G2IBNK	22-01-2025 09:56:15	22-01-2025	CTY TNHH MTV SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI HK IB CTY HK TTTH CHO CTY DEVEL		450.000.000	852.093.285
5	FT25022PMH99	22-01-2025 14:12:06	22-01-2025	Ho thi kim ngân rút tiền-	450.000.000		402.093.285
6	FT25022X56QN	22-01-2025 14:12:30	22-01-2025	Ho thi kim ngân rút tiền-	400.000.000		2.093.285
Cộng phát sinh trong kỳ					866.073.598	867.000.000	

Phần dành cho Sacombank



Ký bởi : NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN THƯƠNG TÍN
Ký ngày : 23/04/2026

Hình ảnh 9. Sao kê sổ phụ ngân hàng Sacombank (lãi vay)

Căn cứ giấy báo nợ của ngân hàng ngày 22/01/2025 về tiền lãi vay mà công ty phải trả, kế toán tiến hành nhập số liệu vào phần mềm. Trình tự nhập liệu: Vào “**Thu chi**” sau đó chọn “**Phiếu chi tiền gửi (báo có)**”. Sau khi nhập đầy đủ dữ liệu vào phần mềm và nhấn “**Lưu**” thì phần mềm sẽ tự động cập nhật lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 635, sổ chi tiết TK 635.

Hình ảnh 10. Giao diện phần mềm nhập thanh toán lãi vay

Đơn vị : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL				Mẫu số S03b-DNN		
Địa chỉ : 398 CMT8, P Hòa Thọ Đông, Q Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC		
				ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỐ CÁI						
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)						
Năm 2025						
Tài khoản: 635 (Chi phí tài chính)						
Đơn vị tính : Đồng						
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	I	2
Số dư đầu kỳ				x		
1	CG024/01	02/01	TT lãi vay (Ngân hàng MSB - CN Đà Nẵng)	1121MSB	4.246.575	
2	CG026/01	06/01	TT lãi vay (NH TPBANK)	1121TPB1	327.140	
...	...	...	...	...	...	...
10	CG028/01	15/01	TT lãi vay (NH TPBANK)	1121TPB1	3.593.393	
11	CG004/01	22/01	TT lãi vay (NH Sacombank)	1121SAC1	16.073.598	
12	CG019/01	24/01	TT lãi vay (Ngân hàng Agribank - CN Cẩm Lệ)	1121AG	2.397.260	
13	CG020/01	24/01	TT lãi vay (Ngân hàng Agribank - CN Cẩm Lệ)	1121AG	3.820.274	
14	CG021/01	24/01	TT lãi vay (Ngân hàng Agribank - CN Cẩm Lệ)	1121AG	1.102.740	
15	CG022/01	24/01	TT lãi vay (Ngân hàng Agribank - CN Cẩm Lệ)	1121AG	1.345.918	
16	CG023/01	24/01	TT lãi vay (Ngân hàng Agribank - CN Cẩm Lệ)	1121AG	364.384	
17	KC004/01	31/01	K.c Chi phí tài chính	911		46.975.642
Cộng phát sinh tháng 01					46.975.642	46.975.642
...	...	...	...	...	...	...
74	TG013/05	31/05	Lãi TK (NH Techcombank)	1121TCB		41
75	KC004/05	31/05	K.c Chi phí tài chính	911		56.514.798
Cộng phát sinh tháng 05					56.514.839	56.514.839
Số dư cuối tháng 05						
...	...	...	...	...	...	...
102	TG010/06	30/06	Lãi TK (NH Sacombank)	1121SAC1		2.983
103	TG014/06	30/06	Lãi TK (NH Techcombank)	1121TCB		2.220
104	KC004/06	30/06	K.c Chi phí tài chính	911		70.075.151
Cộng phát sinh tháng 06					70.080.354	70.080.354
Số dư cuối tháng 06						
Cộng lũy kể từ đầu quý 2					171.156.216	171.156.216
...	...	...	...	...	...	...
122	CG043/07	30/07	TT lãi vay (NH TPBANK)	1121TPB1	45.287	
123	TG033/07	31/07	Lãi TK (NH Techcombank)	1121TCB		2.925
124	KC004/07	31/07	K.c Chi phí tài chính	911		85.616.628
Cộng phát sinh tháng 07					85.619.553	85.619.553
Số dư cuối tháng 07						
172	CG033/11	05/11	TT vay (NH TPBANK)	1121TPB1	2.417.633	
173	CG002/11	10/11	TT lãi vay (NH ACB - CN Đà Nẵng)	1121ACB1	1.083.134	
174	CG003/11	10/11	TT lãi vay (NH ACB - CN Đà Nẵng)	1121ACB1	6.986.301	
175	CG004/11	10/11	TT lãi vay (NH ACB - CN Đà Nẵng)	1121ACB1	5.286.729	
...	...	...	...	...	...	...
182	KC004/11	30/11	K.c Chi phí tài chính	911		66.197.595
Cộng phát sinh tháng 11					66.197.595	66.197.595
Số dư cuối tháng 11						
183	CG002/12	01/12	TT lãi vay (NH Sacombank)	1121SAC1	444.716	
184	CG003/12	01/12	TT lãi vay (NH Sacombank)	1121SAC1	2.154.795	
185	CG054/12	01/12	TT lãi vay (NH TPBANK)	1121TPB1	6.658.479	
...	...	...	...	...	...	...
196	CG019/12	22/12	TT lãi vay (NH Sacombank)	1121SAC1	2.477.808	
197	CG021/12	22/12	TT lãi vay (NH Sacombank)	1121SAC1	3.671.826	
198	CG023/12	22/12	TT lãi vay (NH Sacombank)	1121SAC1	3.427.945	
199	CG060/12	25/12	TT vay (NH TPBANK)	1121TPB1	9.057.329	
200	KC004/12	31/12	K.c Chi phí tài chính	911		74.066.372
Cộng phát sinh tháng 12					74.066.372	74.066.372
Số dư cuối tháng 12						
Cộng lũy kể từ đầu quý 4					199.281.355	199.281.355
Cộng lũy kể từ đầu năm					771.806.716	771.806.716
Số dư cuối kỳ						
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người ghi sổ			Kế toán trưởng	Giám đốc		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Bảng 9. Sổ cái TK 635 (Trích sổ cái TK 635)

Đơn vị : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL					Mẫu số S19-DNN			
Địa chỉ : 398 CMT8, P Hòa Thọ Đông, Q Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng					(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC			
					ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)			
SỐ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Năm 2025								
Tài khoản: 635 (Chi phí tài chính)								
					Đơn vị tính : Đồng			
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ								
1	CG024/01	02/01	TT lãi vay (Ngân hàng MSB - CN Đà Nẵng)	1121MSB	4.246.575		4.246.575	
2	CG026/01	06/01	TT lãi vay (NH TPBANK)	1121TPB1	327.140		4.573.715	
...	...	...	...	...	...	...	...	
11	CG004/01	22/01	TT lãi vay (NH Sacombank)	1121SAC1	16.073.598		37.945.066	
12	CG019/01	24/01	TT lãi vay (Ngân hàng Agribank - CN Cẩm Lệ)	1121AG	2.397.260		40.342.326	
13	CG020/01	24/01	TT lãi vay (Ngân hàng Agribank - CN Cẩm Lệ)	1121AG	3.820.274		44.162.600	
14	CG021/01	24/01	TT lãi vay (Ngân hàng Agribank - CN Cẩm Lệ)	1121AG	1.102.740		45.265.340	
15	CG022/01	24/01	TT lãi vay (Ngân hàng Agribank - CN Cẩm Lệ)	1121AG	1.345.918		46.611.258	
16	CG023/01	24/01	TT lãi vay (Ngân hàng Agribank - CN Cẩm Lệ)	1121AG	364.384		46.975.642	
17	KC004/01	31/01	K.c Chi phí tài chính	911		46.975.642		
Cộng phát sinh tháng 01					46.975.642	46.975.642		
Số dư cuối tháng 01								
...	...	...	...	...	...	...	...	...
72	CG029/05	28/05	TT lãi vay (NH TPBANK)	1121TPB1	6.437.533		56.496.724	
73	CG030/05	28/05	TT lãi vay (NH TPBANK)	1121TPB1	18.115		56.514.839	
74	TG013/05	31/05	Lãi TK (NH Techcombank)	1121TCB		41	56.514.798	
75	KC004/05	31/05	K.c Chi phí tài chính	911		56.514.798		
Cộng phát sinh tháng 05					56.514.839	56.514.839		
Số dư cuối tháng 05								
...	...	...	...	...	...	...	...	...
101	CG039/06	30/06	TT vay (Ngân hàng Agribank - CN Cẩm Lệ)	1121AG	556.164		70.080.354	
102	TG010/06	30/06	Lãi TK (NH Sacombank)	1121SAC1		2.983	70.077.371	
103	TG014/06	30/06	Lãi TK (NH Techcombank)	1121TCB		2.220	70.075.151	
104	KC004/06	30/06	K.c Chi phí tài chính	911		70.075.151		
Cộng phát sinh tháng 06					70.080.354	70.080.354		
Số dư cuối tháng 06								
Cộng lũy kế từ đầu quý 2					171.156.216	171.156.216		
...		...	...		...	...	...	...
122	CG043/07	30/07	TT lãi vay (NH TPBANK)	1121TPB1	45.287		85.619.553	
123	TG033/07	31/07	Lãi TK (NH Techcombank)	1121TCB		2.925	85.616.628	
124	KC004/07	31/07	K.c Chi phí tài chính	911		85.616.628		
Cộng phát sinh tháng 07					85.619.553	85.619.553		
Số dư cuối tháng 07								
...		...	...		...	...	...	...
172	CG033/11	05/11	TT vay (NH TPBANK)	1121TPB1	2.417.633		2.417.633	
173	CG002/11	10/11	TT lãi vay (NH ACB - CN Đà Nẵng)	1121ACB1	1.083.134		3.500.767	
174	CG003/11	10/11	TT lãi vay (NH ACB - CN Đà Nẵng)	1121ACB1	6.986.301		10.487.068	
175	CG004/11	10/11	TT lãi vay (NH ACB - CN Đà Nẵng)	1121ACB1	5.286.729		15.773.797	
...		...	...		...	...	...	...
182	KC004/11	30/11	K.c Chi phí tài chính	911		66.197.595		
Cộng phát sinh tháng 11					66.197.595	66.197.595		
Số dư cuối tháng 11								
183	CG002/12	01/12	TT lãi vay (NH Sacombank)	1121SAC1	444.716		444.716	
184	CG003/12	01/12	TT lãi vay (NH Sacombank)	1121SAC1	2.154.795		2.599.511	
185	CG054/12	01/12	TT lãi vay (NH TPBANK)	1121TPB1	6.658.479		9.257.990	
...		...	...		...	...	...	...
196	CG019/12	22/12	TT lãi vay (NH Sacombank)	1121SAC1	2.477.808		57.909.272	
197	CG021/12	22/12	TT lãi vay (NH Sacombank)	1121SAC1	3.671.826		61.581.098	
198	CG023/12	22/12	TT lãi vay (NH Sacombank)	1121SAC1	3.427.945		65.009.043	
199	CG060/12	25/12	TT vay (NH TPBANK)	1121TPB1	9.057.329		74.066.372	
200	KC004/12	31/12	K.c Chi phí tài chính	911		74.066.372		
Cộng phát sinh tháng 12					74.066.372	74.066.372		
Số dư cuối tháng 12								
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					199.281.355	199.281.355		
Cộng lũy kế từ đầu năm					771.806.716	771.806.716		
Số dư cuối kỳ								
Ngày mở sổ: 01/01/2025					Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Bảng 10. Sổ chi tiết TK 635 (Trích sổ chi tiết TK 635)

2.2.3.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

a. Tài khoản sử dụng.

Công ty sử dụng tài khoản 642 – “Chi phí quản lý kinh doanh” để theo dõi chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ của doanh nghiệp.

Tài khoản 642 có tài khoản chi tiết là tài khoản 6422, bao gồm các khoản chi phí sau: Chi phí tiền lương bộ phận quản lý (tiền lương, phụ cấp, bảo hiểm,...); Chi phí văn phòng phẩm; Các khoản thuế (thuế đất, thuế môn bài); Các dịch vụ mua ngoài (tiền điện, tiền nước sinh hoạt, tiếp khách,...).

b. Chứng từ, sổ sách sử dụng.

- Chứng từ sử dụng: Hóa đơn GTGT, phiếu chi, ủy nhiệm chi, bảng thanh toán tiền lương, bảng trích khấu hao tài sản cố định và hóa đơn, chứng từ khác có liên quan.

- Sổ sách sử dụng:

- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ cái TK 642
- + Sổ chi tiết 6422

c. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Nghiệp vụ 1: Lương và các khoản trích theo lương

Ngày 31/12/2025 Công ty phát sinh nghiệp vụ chi tiền trả lương cho nhân viên theo bảng thanh toán lương số tiền là 60.607.767 đồng, các khoản trích theo lương tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp là 8.176.647 đồng, tính vào lương công nhân viên là 3.993.248 đồng.

Đối với việc chi trả thanh toán tiền lương cho công nhân viên thì vào cuối mỗi tháng (thường là ngày 30 hoặc 31) dựa vào bảng thanh toán lương kế toán lập thì cán bộ thủ quỹ của công ty dựa vào đó để thanh toán tiền lương cho cán bộ công nhân viên của công ty. Khi đó kế toán sẽ lập phiếu chi trên phần mềm kế toán Vietda. Các nghiệp vụ chi tiền thanh toán lương này sẽ được kế toán thực hiện vào mỗi cuối tháng.
Bảo hiểm xã hội: tại công ty, quỹ bảo BHXH được hình thành bằng cách trích lập theo tỷ lệ quy định trên tổng quỹ lương cơ bản của người lao động, tỷ lệ trích nộp BHXH là 32%, trong đó:

- + 21,5% là do công ty sử dụng lao động nộp, được tính vào chi phí kinh doanh.
- + 10,5% là đóng góp của công nhân viên để được hưởng các chế độ xã hội.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL
ĐC: 398 Cách Mạng Tháng 8, P Hòa Thọ Đông, Q Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG

Tháng 12 năm 2025										Đơn vị tính: VND														
Số công quỹ định trong tháng: 27,0										Mức lương tối thiểu chung: 3.777.100														
S T T	Họ và tên	CV	Số công	Mức lương chính theo HĐ	Phụ cấp ăn ca, xăng xe	Tết dương lịch	Lương & phụ cấp tháng này	Các khoản khấu trừ lương					Tổng khoản giảm trừ thuộc	Thuế TNCN				BH tính vào chi phí				Tổng BH tính vào chi phí	Còn nhận	Ký nhận
								BHXX 08,00%	BHYT 01,50%	BHTN 01,00%	DPC Đ	TN tính thuế		Thuế TNCN	BHXX 17,5%	BHYT 03,00%	BHTN 01,00%	KPCĐ 02,00%						
A	B	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	16	17	C
A	A. BP Quản Lý, Hành chính		78	14.437.400	5.475.000	4.000.000	23.388.100	1.154.992	216.562	144.374	0	1.515.928	0	0	0	2.526.546	433.122	144.374	0	3.104.042	21.872.172			
1	Hồ Thị Kim Ngân	GD	27,0	5.000.000	1.935.000	2.000.000	8.935.000	400.000	75.000	50.000	0	525.000	0	0	0	875.000	130.000	50.000	0	1.075.000	8.410.000			
2	Phan Hoàng Châu	KD	27,0	4.718.700	1.800.000	1.000.000	7.518.700	377.496	70.781	47.187	0	495.464	0	0	0	825.773	141.561	47.187	0	1.014.521	7.023.236			
3	Huyền Thị Thu Thảo	NVKT	24,0	4.718.700	1.740.000	1.000.000	6.934.400	377.496	70.781	47.187	0	495.464	0	0	0	825.773	141.561	47.187	0	1.014.521	6.438.936			
B	B. BP Ban Hàng, Thiết kế, Nhân viên		130	23.593.500	8.900.000	5.000.000	36.619.667	1.887.480	353.905	235.935	0	2.477.320	0	0	0	4.128.865	707.805	235.935	0	5.072.605	34.142.347			
1	Lê Minh Hải	K. thuật	27,0	4.718.700	1.800.000	1.000.000	7.518.700	377.496	70.781	47.187	0	495.464	0	0	0	825.773	141.561	47.187	0	1.014.521	7.023.236			
2	Nguyễn Thời Sư	GH	27,0	4.718.700	1.800.000	1.000.000	7.518.700	377.496	70.781	47.187	0	495.464	0	0	0	825.773	141.561	47.187	0	1.014.521	7.023.236			
3	Lê Hoàng Lân	GH	27,0	4.718.700	1.800.000	1.000.000	7.518.700	377.496	70.781	47.187	0	495.464	0	0	0	825.773	141.561	47.187	0	1.014.521	7.023.236			
4	Nguyễn Văn Hoa	GH	27,0	4.718.700	1.800.000	1.000.000	7.518.700	377.496	70.781	47.187	0	495.464	0	0	0	825.773	141.561	47.187	0	1.014.521	7.023.236			
5	Nguyễn Thanh Thăng	GH	22,0	4.718.700	1.700.000	1.000.000	6.544.367	377.496	70.781	47.187	0	495.464	0	0	0	825.773	141.561	47.187	0	1.014.521	6.049.403			
C	BP Thời vụ		54	600.000	0	0	600.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	540.000			
1	Thái Thị Mỹ Hạnh		27,0	300.000	0	0	300.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	270.000	
2	Nguyễn Thị Mỹ An		27,0	300.000	0	0	300.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	270.000	
	TỔNG CỘNG		262	38.630.900	14.375.000	9.000.000	60.607.767	3.042.472	570.467	380.309	0	3.993.248	0	600.000	60.000	6.655.411	1.140.927	380.309	0	8.176.647	56.554.519			
							60.007.767															56.014.519		
	Số tiền bằng chữ:		Năm mươi sáu triệu năm trăm bốn nghìn năm trăm mười chín đồng y.																					
	Người lập																							

Bảng 11. Bảng thanh toán tiền lương

Căn cứ vào bảng chấm công, bảng tính lương, kế toán tiến hành hạch toán nghiệp vụ trên phần mềm. Trình tự nhập liệu: Vào **“Tổng hợp”** → tích chọn **“Chứng từ kế toán khác”**. Sau khi nhập số liệu đầy đủ và bấm nút **“Lưu”**, thì phần mềm sẽ hiển thị như dưới. Phần mềm sẽ tự động cập nhật thông tin vào sổ nhật ký chung (Bảng 19), sổ cái tài khoản 642, sổ chi tiết tài khoản 6422.

The screenshot shows the 'Tổng hợp' (Summary) screen in an accounting software. The interface includes a menu bar at the top with options like 'Nhập xuất', 'Thu chi', 'Công nợ', 'TSCĐ', 'Giá thành', 'Tiền lương', 'Tổng hợp', 'Hệ thống', 'Trợ giúp', and 'Language'. Below the menu bar is a toolbar with various icons and keyboard shortcuts. The main area contains several input fields and tables.

Input Fields:

- Số CT: TH002/12
- Ngày: 31/12/2025
- CT gốc: (empty)
- Cửa hàng: (empty)
- Đổi hướng: 1753
- Loại: D
- CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL
- Lý do: CP lương & BHXH T12
- Địa chỉ: 398 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Hoà Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng
- Loại tiền: VND
- Tỷ giá: 1

Tables:

Chi tiết phát sinh

	Diễn giải	Số tiền	TK Nợ	Khách Nợ	TK Có	Khách Có	Mã KMP	Tên KMP	Vụ việc	Tên Vụ việc	Đơn hàng
1	CP lương & BHXH T12	60.607.767	6422		334						
2	CP lương & BHXH T12	3.042.472	334		3383	BHXHCL					
3	CP lương & BHXH T12	570.467	334		3384	BHXHCL					
4	CP lương & BHXH T12	380.309	334		3385	BHXHCL					
5	CP lương & BHXH T12	6.655.411	6422		3383	BHXHCL					
6	CP lương & BHXH T12	1.140.927	6422		3384	BHXHCL					
7	CP lương & BHXH T12	380.309	6422		3385	BHXHCL					
8	CP lương & BHXH T12	60.000	334		3335	BHXHCL					

Thuế GTGT

	Ngày HĐ	Mẫu HĐ	Ký hiệu	Số HĐ	Loại hàng	Loại thuế	Thuế suất	Tiền chưa VAT	Tiền thuế	TK Nợ	TK Có	Mã KMP	Tên KMP	Vụ việc	Tên Vụ việc
#1															

Summary:

Tổng hạch toán: 72.837.662 | Tổng hóa đơn: 0

Buttons: Lưu, Thêm, Xóa, In, Thoát

Hình ảnh 11. Giao diện phần mềm nhập tiền lương

Nghiệp vụ 2:

Ngày 10/01/2025, mua xăng dầu dùng trực tiếp cho xe của của Giám đốc với số tiền 909.091 đồng (chưa bao gồm thuế), thuế 10%. Đã thanh toán bằng tiền mặt.

CÔNG TY XĂNG DẦU NGHỆ AN

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY XĂNG DẦU NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 4, Đường Nguyễn Sỹ Sách, Phường Hưng Bình, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Cửa hàng số: PETROLIMEX-CỬA HÀNG 171

Người mua hàng:

Đơn vị mua hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL

Địa chỉ: 398 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Hoà Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 10 tháng 01 năm 2025 12:30

Mã số thuế: 2900326304

Ký hiệu: 1K25TXA

Số: **21861**

Biển số xe: 43C-255.24

Mã số thuế: 0401971753

Mã QHNS:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	DO 0.05S-II	Lít	50,968	17.836,36	909.091
Cộng tiền hàng:					909.091
Tiền thuế GTGT (10%)					90.909
Tiền phí khác:					
Tổng số tiền thanh toán:					1.000.000

Tổng số tiền thanh toán bằng chữ: Một triệu đồng

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY XĂNG DẦU NGHỆ AN

Ký ngày: 10/01/2025

Mã tra cứu: ZVKM3S2SC*

Website tra cứu: <https://hoadon.petrokimex.com.vn>

Giải pháp hóa đơn điện tử được cung cấp bởi Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT-Vinaphone)
MST: 0106869738 - Tel: 18001260

Hình ảnh 12. Hóa đơn GTGT số 21861

Đơn vị : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL

Địa chỉ : 398 CMT8, P. Hòa Thọ Đông, Q. Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng

Mẫu số 02-TT

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

Số : CM003/01

Nợ 6422:909.091; 1331:90.909

Cờ 1111:1.000.000

PHIẾU CHI

Ngày 10 tháng 01 năm 2025

Họ, tên người nhận tiền : CÔNG TY XĂNG DẦU NGHỆ AN

Địa chỉ : 4 Nguyễn Sỹ Sách, Hưng Bình, Vinh, Nghệ An

Lý do : TT xăng xe - HĐ 21861

Số tiền : 1.000.000 đồng Kèm theo:chứng từ gốc.

Viết bằng chữ : Một triệu đồng y.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) : Một triệu đồng y.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý) :

+ Số tiền quy đổi :

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Hình ảnh 13. Phiếu chi số CM003 /01

Dựa vào hóa đơn GTGT kế toán nhập liệu vào phần mềm Vietda để hạch toán: Vào “**Thu chi**→ **phiếu chi tiền mặt**”. Sau khi nhập số liệu đầy đủ và bấm nút “**Lưu**” , thì phần mềm sẽ hiển thị như bên dưới. Phần mềm sẽ tự động cập nhật thông tin vào sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 642, sổ chi tiết tài khoản 6422.

Chi tiết thu chi	Diễn giải	Số tiền	TK Nợ	TK Có	Mã KMP	Tên KMP	Vụ việc	Tên Vụ việc	Đơn hàng	Ngày đến hạn	Lãi suất(%)	Kỳ tính lãi
1	TT xăng xe - HD 21861	909.091	6422	1111								

Thuế GTGT	Ngày HD	Mẫu HD	Ký hiệu	Số HD	Loại hàng	Loại thuế	Tiền chưa VAT	Tiền thuế	TK Nợ	TK Có	Mã đối tượng	Đơn vị	Địa chỉ	MST/C
1	10/01/2025	1K25TXA	1K25TXA	21861	TH	10	909.091	90.909	1331	1111	6304	CÔNG TY XĂNG DẦU NG...	4 Nguyễn Sỹ Sách, Hưng B...	290032

Hình ảnh 14. Giao diện phần mềm nhập chi tiền mua xăng

Nghiệp vụ 3: Tài sản cố định.

Khi công ty có phát sinh mua tài sản cố định, kế toán sẽ dựa vào hóa đơn GTGT sau đó nhập liệu vào phần mềm Vietda để hạch toán: Vào “**Tổng hợp**→ **chứng từ kế toán khác**”. Sau khi nhập số liệu đầy đủ và bấm nút “**Lưu**”, thì phần mềm sẽ tự động cập nhật thông tin vào sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản 642, sổ chi tiết tài khoản 6422.

Sau khi nhập hóa đơn xong, kế toán hạch toán phân bổ TSCĐ. Vào “**TSCĐ**→ **Hồ sơ TSCĐ**”, kế toán nhập đầy đủ thông tin trên hóa đơn như: tên TSCĐ, nguyên giá, ngày bắt đầu sử dụng và ngày kết thúc, số hóa đơn, số chứng từ, số hiệu TSCĐ. Tiếp đến, kế toán sẽ nhập vào mục “**Công thức**” rồi hạch toán. Sau khi nhập đầy đủ rồi ấn nút “**Lưu**”, thì phần mềm sẽ tự động tính khấu hao theo từng tháng cho TSCĐ đó.

Mẫu số S09-DNN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)

Ghi tăng TSCĐ, CCDC													Đơn vị tính : Đồng																																		
S T T	Chứng từ		Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ, CCDC	Quốc sản xuất	Ngày tháng sử dụng	Kỳ phân bố cuối	Số kỳ phân bố	Số hiệu TSCĐ, CCDC	Nguyên giá TSCĐ, CCDC	Khấu hao, phân bổ		Giá trị hào mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Ghi giảm TSCĐ, Chứng từ		Lý do Giảm TSCĐ, CCDC																															
	Số hiệu	Ngày, tháng								% khấu hao	Mức khấu hao			Số hiệu	Ngày, tháng																																
A	B	C	D	E	G	H	I	K	1	2	3	4	5	L	M	N																															
1	0005204	27/05/21	Xe ô tô tải - HD 0005204 - 01034		01/06/21	05/31	120	210601	415.768.182	0,83	3.464.735	190.560.425	225.207.757																																		
2	0000921	05/06/21	Máy nghiền - HD 0000921		01/06/21	05/26	60	210605	232.954.545	1,67	3.882.576	213.541.668	19.412.877																																		
3	0013162	21/10/21	Xe ô tô bán tải - HD 0013162		01/11/21	10/31	120	211021	619.909.091	0,83	5.165.909	258.295.450	361.613.641																																		
4	0008954	29/12/21	Xe ô tô tải - HD 0008954		01/01/22	12/32	132	211229	411.293.182	0,76	3.115.857	149.561.152	261.732.030																																		
5	0000345	19/01/22	Xe ô tô Mec - HD 0000345		01/02/22	01/30	96	220119	2.013.131.818	1,04	20.970.123	985.595.781	1.027.536.037																																		
6	0000052	20/01/22	Hệ thống PCCC - HD 52		01/02/22	01/28	72	220121	56.000.000	1,39	777.778	36.555.563	19.444.437																																		
Tổng cộng				x	x	x	x	x	3.749.056.818	1,00	37.376.978	1.834.110.039	1.914.946.779	x	x	x																															
Ngày mở sổ : 01/12/2025																Ngày 31 tháng 12 năm 2025																															
Người lập phiếu (Ký, họ tên)																Kế toán trưởng (Ký, họ tên)																Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)															

KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Nhập xuất Thu chi Công nợ TSCĐ Giá thành Tiền lương Tổng hợp Hệ thống Trợ giúp Language
Esc Ctrl+D Ctrl+N Ctrl+S Ctrl+R Ctrl+W Ctrl+T Ctrl+N F1

Bảng cân đối tài khoản Hô sơ tài sản cố định Hô sơ tài sản có định

Hạn sử dụng	Còn sử dụng	Cửa hàng	Thêm từ file Excel	Mẫu Excel	Ngày in	24/04/2026							
Tài sản			Lưu	Cổng thức	Thẻ TS	Excel	Thoát						
Mã tài sản	Tên tài sản	Nguyên giá	Ngày sử dụng	Ngày hết hạn	KHBQ/Tháng	Số CT	Ngày CT	Bến bản	Ngày BB	Nhóm TS	Bộ phận sử dụng	Nội sản xuất	Ng
1	210601 Xe ô tô tải - HD 0005204 - O...	415.768.182	01/06/2021	31/05/2031	0	0005204	27/05/2021						
2	210605 Máy nghiền - HB 0000921	232.954.545	01/06/2021	31/05/2026	0	0000921	05/06/2021						
3	211021 Xe ô tô bán tải - HB 0013162	619.909.091	01/11/2021	31/10/2031	0	0013162	21/10/2021						
4	211229 Xe ô tô tải - HB 0008954	411.293.182	01/01/2022	31/12/2032	0	0008954	29/12/2021						
► 5	220119 Xe ô tô Meez - HD 0000345	2.013.131.818	01/02/2022	31/01/2030	0	0000345	19/01/2022						
6	220121 Hệ thống PCCC - HD 52	56.000.000	01/02/2022	31/01/2028	0	0000052	20/01/2022						
*7													

Tình hình phân bổ / khấu hao hoặc tăng, giảm giá trị CCDC/TSCĐ (Bấm chuột vào đây hoặc nhấn phím F5 để xem dữ liệu mới nhất)

Ngày xử lý	Số CT	Tăng/giảm	Diễn giải	Số tiền	TK Có	Phân bổ 1	TK Nợ 1	Vụ việc 1	Phân bổ 2	TK Nợ 2	Vụ việc 2	Phân bổ 3	TK Nợ 3	Vụ
36	31/01/2025	KH0050125	A01 Khấu hao 220119 tháng 01/2025.	20.970.123	2141	16.664.957	6422		4.305.166	811		0		
37	28/02/2025	KH0050225	A01 Khấu hao 220119 tháng 02/2025.	20.970.123	2141	16.664.957	6422		4.305.166	811		0		
38	31/03/2025	KH0050325	A01 Khấu hao 220119 tháng 03/2025.	20.970.123	2141	16.664.957	6422		4.305.166	811		0		
39	30/04/2025	KH0050425	A01 Khấu hao 220119 tháng 04/2025.	20.970.123	2141	16.664.957	6422		4.305.166	811		0		
40	31/05/2025	KH0050525	A01 Khấu hao 220119 tháng 05/2025.	20.970.123	2141	16.664.957	6422		4.305.166	811		0		
41	30/06/2025	KH0050625	A01 Khấu hao 220119 tháng 06/2025.	20.970.123	2141	16.664.957	6422		4.305.166	811		0		
42	31/07/2025	KH0050725	A01 Khấu hao 220119 tháng 07/2025.	20.970.123	2141	16.664.957	6422		4.305.166	811		0		
43	31/08/2025	KH0050825	A01 Khấu hao 220119 tháng 08/2025.	20.970.123	2141	16.664.957	6422		4.305.166	811		0		
44	30/09/2025	KH0050925	A01 Khấu hao 220119 tháng 09/2025.	20.970.123	2141	16.664.957	6422		4.305.166	811		0		
45	31/10/2025	KH0051025	A01 Khấu hao 220119 tháng 10/2025.	20.970.123	2141	16.664.957	6422		4.305.166	811		0		

Dữ liệu: C:\Users\Admin\Desktop\DEVEL 2025-moi nhatt.vda Người dùng: Admin

Ngày xử lý	Số CT	Tăng/giảm	Diễn giải	Số tiền	TK Có	Phân bổ 1	TK Nợ 1	Vụ việc 1	Phân bổ 2	TK Nợ 2	Vụ việc 2	Phân bổ 3	TK Nợ 3	Vụ
39	30/04/2025	KH0050425	A01 Khấu hao 220119 tháng 04/2025.	20.970.123	2141	16.664.957	6422		4.305.166	811		0		
40	31/05/2025	KH0050525	A01 Khấu hao 220119 tháng 05/2025.	20.970.123	2141	16.664.957	6422		4.305.166	811		0		
41	30/06/2025	KH0050625	A01 Khấu hao 220119 tháng 06/2025.	20.970.123	2141	16.664.957	6422		4.305.166	811	</			

Khi công ty phát sinh nghiệp vụ mua công cụ dụng cụ , dựa vào hóa đơn GTGT kế toán nhập liệu vào phần mềm Vietda để hạch toán: Vào **“Tổng hợp→ chứng từ kế toán khác”**. Sau khi nhập số liệu đầy đủ và bấm nút **“Lưu”**, thì phần mềm sẽ tự động

cập nhật thông tin vào sổ nhật ký chung (Bảng 19) , sổ cái tài khoản 642, sổ chi tiết tài khoản 6422.

Sau khi nhập hóa đơn xong, kế toán hạch toán phân bổ CCDC. Vào “**CCDC→ Công cụ dụng cụ**”, kế toán nhập đầy đủ thông tin trên hóa đơn như: Tên CCDC, nguyên giá, ngày bắt đầu sử dụng và ngày kết thúc, số hóa đơn, số chứng từ. Tiếp đến, kế toán sẽ nhấp vào mục “**Công thức**” rồi hạch toán. Sau khi nhập đầy đủ rồi ấn nút “**Lưu**”, thì phần mềm sẽ tự động tính khấu hao theo từng tháng cho CCDC đó.

Đơn vị : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL										Mẫu số S09-DNN							
Địa chỉ : 398 CMT8, P Hòa Thọ Đông, Q Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng										(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)							
SỔ THEO DÕI CÔNG CỤ - DỤNG CỤ																	
Tháng 12 năm 2025																	
Đơn vị tính : Đồng																	
S T T	Ghi tăng TSCĐ, CCDC								Khấu hao, phân bổ				Giá trị còn lại	Ghi giảm TSCĐ,			
	Chứng từ		Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ, CCDC	Nước sản xuất	Ngày tháng sử dụng	Kỳ phân bổ cuối	Số kỳ phâ n	Số hiệu TSCĐ, CCDC	Nguyên giá TSCĐ, CCDC	Trong kỳ		Giá trị hao mòn lũy kế		Chứng từ		Lý do Giảm TSCĐ, CCDC	
	Số hiệu	Ngày, tháng								% khấu hao	Mức khấu hao			Số hiệu	Ngày, tháng		
A	B	C	D	E	G	H	I	K	1	2	3	4	5	L	M	N	
1	0003579	22/04/19	Chữ ký số 3 năm		01/04/19	03/20	12	19CKS	2.700.000			2.700.000	0				
2	2114	05/05/23	Chữ ký số FPT 4 năm		01/05/23	04/27	48	23CKS	3.000.000	2,08	62.500	2.000.000	1.000.000				
3	43	02/01/25	Bảo hiểm xe tải		02/01/25	01/26	13	2501-BH	4.920.000	7,66	376.936	4.543.065	376.935				
4	495	24/01/25	Bảo hiểm xe mec		24/01/25	01/26	13	2501-BHM	13.827.273	8,15	1.127.493	12.699.781	1.127.492				
5	11656	08/10/25	Bảo hiểm xe tải		08/10/25	10/26	13	2510-BH	6.912.000	7,80	538.839	1.523.613	5.388.387				
6	4	27/05/26	Tên miền		27/05/25	05/26	13	2505-TM	5.160.000	8,22	424.221	3.038.898	2.121.102				
			Tổng cộng	x	x	x	x	x	36.519.273	6,93	2.529.989	26.505.357	10.013.916	x	x	x	
Ngày mở sổ : 01/12/2025																	
Người lập phiếu										Ngày 31 tháng 12 năm 2025							
(Ký, họ tên)										Giám đốc							
										(Ký, họ tên, đóng dấu)							

Bảng 13. Sổ theo dõi CCDC tháng 12

Trình hình phân bổ/hiệu hao hoặc tăng, giảm giá trị CDCD/TS/CD																
(Bảng chốt vào đây hoặc nhập phân F5 để xem dữ liệu mới nhất)																
Ngày xử lý	Số CT	Tăng/giảm	Số tiền	TK Có	Phân bổ 1	TK H1	Vu việc 1	Phân bổ 2	TK Ng 2	Vu việc 2	Phân bổ 3	TK Ng 3	Vu việc 3	KH Lũy kế	Nguồn gốc	Giá trị còn lại
10	29/02/2024	A01	Phân bổ 22CKS tháng 02/2024.	62.500	24222	62.500	6422	0			0			625.000	3.000.000	2.375.000
11	31/03/2024	A01	Phân bổ 22CKS tháng 03/2024.	62.500	24222	62.500	6422	0			0			687.500	3.000.000	2.312.500
12	30/04/2024	A01	Phân bổ 22CKS tháng 04/2024.	62.500	24222	62.500	6422	0			0			750.000	3.000.000	2.250.000
13	31/05/2024	A01	Phân bổ 22CKS tháng 05/2024.	62.500	24222	62.500	6422	0			0			812.500	3.000.000	2.187.500
14	30/06/2024	A01	Phân bổ 22CKS tháng 06/2024.	62.500	24222	62.500	6422	0			0			875.000	3.000.000	2.125.000
15	31/07/2024	A01	Phân bổ 22CKS tháng 07/2024.	62.500	24222	62.500	6422	0			0			937.500	3.000.000	2.062.500
16	31/08/2024	A01	Phân bổ 22CKS tháng 08/2024.	62.500	24222	62.500	6422	0			0			1.000.000	3.000.000	2.000.000
17	30/09/2024	A01	Phân bổ 22CKS tháng 09/2024.	62.500	24222	62.500	6422	0			0			1.062.500	3.000.000	1.937.500
18	31/10/2024	A01	Phân bổ 22CKS tháng 10/2024.	62.500	24222	62.500	6422	0			0			1.125.000	3.000.000	1.875.000
19	30/11/2024	A01	Phân bổ 22CKS tháng 11/2024.	62.500	24222	62.500	6422	0			0			1.187.500	3.000.000	1.812.500
20	31/12/2024	A01	Phân bổ 22CKS tháng 12/2024.	62.500	24222	62.500	6422	0			0			1.250.000	3.000.000	1.750.000
21	31/01/2025	PB0070125	Phân bổ 22CKS tháng 01/2025.	62.500	24222	62.500	6422	0			0			1.312.500	3.000.000	1.687.500
22	29/02/2025	PB0070225	Phân bổ 22CKS tháng 02/2025.	62.500	24222	62.500	6422	0			0			1.375.000	3.000.000	1.625.000
23	31/03/2025	PB0070325	Phân bổ 22CKS tháng 03/2025.	62.500	24222	62.500	6422	0			0			1.437.500	3.000.000	1.562.500
24	30/04/2025	PB0070425	Phân bổ 22CKS tháng 04/2025.	62.500	24222	62.500	6422	0			0			1.500.000	3.000.000	1.500.000
25	31/05/2025	PB0070525	Phân bổ 22CKS tháng 05/2025.	62.500	24222	62.500	6422	0			0			1.562.500	3.000.000	1.437.500
26	30/06/2025	PB0070625	Phân bổ 22CKS tháng 06/2025.	62.500	24222	62.500	6422	0			0			1.625.000	3.000.000	1.375.000
27	31/07/2025	PB0070725	Phân bổ 22CKS tháng 07/2025.	62.500	24222	62.500	6422	0			0			1.687.500	3.000.000	1.312.500
28	31/08/2025	PB0070825	Phân bổ 22CKS tháng 08/2025.	62.500	24222	62.500	6422	0			0			1.750.000	3.000.000	1.250.000
29	30/09/2025	PB0070925	Phân bổ 22CKS tháng 09/2025.	62.500	24222	62.500	6422	0			0			1.812.500	3.000.000	1.187.500
30	31/10/2025	PB0071025	Phân bổ 22CKS tháng 10/2025.	62.500	24222	62.500	6422	0			0			1.875.000	3.000.000	1.125.000
31	30/11/2025	PB0071125	Phân bổ 22CKS tháng 11/2025.	62.500	24222	62.500	6422	0			0			1.937.500	3.000.000	1.062.500
32	31/12/2025	PB0071225	Phân bổ 22CKS tháng 12/2025.	62.500	24222	62.500	6422	0			0			2.000.000	3.000.000	1.000.000
33																

Đơn vị : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL				Mẫu số S03b-DNN		
Địa chỉ : 398 CMT8, P Hòa Thọ Đông, Q Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC		
				ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ CÁI						
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)						
Năm 2025						
Tài khoản: 642 (Chi phí quản lý kinh doanh)						
Đơn vị tính : Đồng						
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
1	CM011/01	02/01	Bảo hiểm vật chất xe ô tô - HĐ 00000043 (Công Ty Bảo Hiểm Mic Đà Nẵng)	1111	4.920.000	
2	CG006/01	03/01	Phí dịch vụ SMS (Ngân hàng Agribank - CN Cẩm Lệ)	1121AG	55.000	
3	CG025/01	06/01	Phí Tài khoản (NH TPBANK)	1121TPB1	55.000	
4	CG008/01	07/01	TT mua hàng (CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ACV)	1121AG	275.000	
5	CG011/01	08/01	TT mua hàng (CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ACV)	1121AG	456.500	
6	CM001/01	08/01	TT xăng xe - HĐ 21111 (CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX ĐÀ NẴNG)	1111	909.091	
7	CG013/01	09/01	TT mua hàng (CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ACV)	1121AG	55.000	
8	CG015/01	10/01	TT mua hàng (CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ACV)	1121AG	70.180	
...		...	...	...	...	...
30	KH0050125	31/01	Khấu hao 220119 tháng 01/2025. (220119)	2141	16.664.957	
31	KH0060125	31/01	Khấu hao 220121 tháng 01/2025. (220121)	2141	777.778	
32	PB0070125	31/01	Phân bổ 23CKS tháng 01/2025. (23CKS)	24222	62.500	
33	KC005/01	31/01	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911		141.110.057
			Cộng phát sinh tháng 01		141.110.057	141.110.057
			Số dư cuối tháng 01			
...		...	...	...	...	...
46	TH002/02	28/02	Trích thuế TNCN HDDV T02 (CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL)	3335	60.000	
47	KH0010225	28/02	Khấu hao 210601 tháng 02/2025. (210601)	2141	3.464.735	
48	KH0020225	28/02	Khấu hao 210605 tháng 02/2025. (210605)	2141	3.882.576	
49	KH0030225	28/02	Khấu hao 211021 tháng 02/2025. (211021)	2141	5.165.909	
50	KH0040225	28/02	Khấu hao 211229 tháng 02/2025. (211229)	2141	3.115.857	
51	KH0050225	28/02	Khấu hao 220119 tháng 02/2025. (220119)	2141	16.664.957	
52	KH0060225	28/02	Khấu hao 220121 tháng 02/2025. (220121)	2141	777.778	
53	PB0070225	28/02	Phân bổ 23CKS tháng 02/2025. (23CKS)	24222	62.500	
54	KC005/02	28/02	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911		89.070.739
			Cộng phát sinh tháng 02		89.070.739	89.070.739
			Số dư cuối tháng 02			
55	CG032/03	01/03	Phí dịch vụ SMS (NH TPBANK)	1121TPB1	33.000	
...		...	...	...	...	...
71	KH0010325	31/03	Khấu hao 210601 tháng 03/2025. (210601)	2141	3.464.735	

71	KH0010325	31/03	Khấu hao 210601 tháng 03/2025. (210601)	2141	3.464.735	
72	KH0020325	31/03	Khấu hao 210605 tháng 03/2025. (210605)	2141	3.882.575	
73	KH0030325	31/03	Khấu hao 211021 tháng 03/2025. (211021)	2141	5.165.909	
74	KH0040325	31/03	Khấu hao 211229 tháng 03/2025. (211229)	2141	3.115.858	
75	KH0050325	31/03	Khấu hao 220119 tháng 03/2025. (220119)	2141	16.664.957	
76	KH0060325	31/03	Khấu hao 220121 tháng 03/2025. (220121)	2141	777.778	
77	PB0070325	31/03	Phân bổ 23CKS tháng 03/2025. (23CKS)	24222	62.500	
78	KC005/03	31/03	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911		99.337.699
Cộng phát sinh tháng 03					99.337.699	99.337.699
Số dư cuối tháng 03						
Cộng lũy kế từ đầu quý 1					329.518.495	329.518.495
...	...	...	...	...	...	...
92	KH0010425	30/04	Khấu hao 210601 tháng 04/2025. (210601)	2141	3.464.735	
93	KH0020425	30/04	Khấu hao 210605 tháng 04/2025. (210605)	2141	3.882.576	
94	KH0030425	30/04	Khấu hao 211021 tháng 04/2025. (211021)	2141	5.165.909	
95	KH0040425	30/04	Khấu hao 211229 tháng 04/2025. (211229)	2141	3.115.857	
96	KH0050425	30/04	Khấu hao 220119 tháng 04/2025. (220119)	2141	16.664.957	
97	KH0060425	30/04	Khấu hao 220121 tháng 04/2025. (220121)	2141	777.778	
98	PB0070425	30/04	Phân bổ 23CKS tháng 04/2025. (23CKS)	24222	62.500	
99	KC001/04	30/04	K.c các khoản phải trả nhà nước khác	33382	3.000.000	
100	KC006/04	30/04	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911		112.533.085
Cộng phát sinh tháng 04					112.533.085	112.533.085
Số dư cuối tháng 04						
101	CM015/05	06/05	TT đăng kiểm xe - HD 7964 (Trung Tâm Đăng Kiểm xe cơ giới Thành phố Huế)	1111	327.100	
...	...	...		...	...	...
119	KH0010525	31/05	Khấu hao 210601 tháng 05/2025. (210601)	2141	3.464.735	
120	KH0020525	31/05	Khấu hao 210605 tháng 05/2025. (210605)	2141	3.882.575	
121	KH0030525	31/05	Khấu hao 211021 tháng 05/2025. (211021)	2141	5.165.909	
122	KH0040525	31/05	Khấu hao 211229 tháng 05/2025. (211229)	2141	3.115.858	
123	KH0050525	31/05	Khấu hao 220119 tháng 05/2025. (220119)	2141	16.664.957	
124	KH0060525	31/05	Khấu hao 220121 tháng 05/2025. (220121)	2141	777.778	
125	PB0070525	31/05	Phân bổ 23CKS tháng 05/2025. (23CKS)	24222	62.500	
126	KC005/05	31/05	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911		104.157.539
Cộng phát sinh tháng 05					104.157.539	104.157.539
Số dư cuối tháng 05						
127	CG004/06	02/06	Phí Tài khoản (NH Sacombank)	1121SAC1	592.010	

...	...	...	...	...	...	...
156	KH0010625	30/06	Khấu hao 210601 tháng 06/2025. (210601)	2141	3.464.735	
157	KH0020625	30/06	Khấu hao 210605 tháng 06/2025. (210605)	2141	3.882.576	
158	KH0030625	30/06	Khấu hao 211021 tháng 06/2025. (211021)	2141	5.165.909	
159	KH0040625	30/06	Khấu hao 211229 tháng 06/2025. (211229)	2141	3.115.857	
160	KH0050625	30/06	Khấu hao 220119 tháng 06/2025. (220119)	2141	16.664.957	
161	KH0060625	30/06	Khấu hao 220121 tháng 06/2025. (220121)	2141	777.778	
162	PB0070625	30/06	Phân bổ 23CKS tháng 06/2025. (23CKS)	24222	62.500	
163	KC005/06	30/06	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911		105.821.581
			Cộng phát sinh tháng 06		105.821.581	105.821.581
			Số dư cuối tháng 06			
			Cộng lũy kế từ đầu quý 2		322.512.205	322.512.205
164	CM013/07	02/07	TT cước viễn thông - HĐ 868719 (TRUNG TÂM KINH DOANH VNPT-ĐÀ NẴNG)	1111	331.024	
...	...	...	...	...	...	...
181	KH0010725	31/07	Khấu hao 210601 tháng 07/2025. (210601)	2141	3.464.735	
182	KH0020725	31/07	Khấu hao 210605 tháng 07/2025. (210605)	2141	3.882.575	
183	KH0030725	31/07	Khấu hao 211021 tháng 07/2025. (211021)	2141	5.165.909	
184	KH0040725	31/07	Khấu hao 211229 tháng 07/2025. (211229)	2141	3.115.858	
185	KH0050725	31/07	Khấu hao 220119 tháng 07/2025. (220119)	2141	16.664.957	
186	KH0060725	31/07	Khấu hao 220121 tháng 07/2025. (220121)	2141	777.777	
187	PB0070725	31/07	Phân bổ 23CKS tháng 07/2025. (23CKS)	24222	62.500	
188	KC005/07	31/07	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911		99.636.362
			Cộng phát sinh tháng 07		99.636.362	99.636.362
			Số dư cuối tháng 07			
189	CM017/08	02/08	TT cước viễn thông - HĐ 996715 (TRUNG TÂM KINH DOANH VNPT-ĐÀ NẴNG)	1111	336.943	
...	...	...	...	...	...	...
204	KH0010825	31/08	Khấu hao 210601 tháng 08/2025. (210601)	2141	3.464.735	
205	KH0020825	31/08	Khấu hao 210605 tháng 08/2025. (210605)	2141	3.882.576	
206	KH0030825	31/08	Khấu hao 211021 tháng 08/2025. (211021)	2141	5.165.909	
207	KH0040825	31/08	Khấu hao 211229 tháng 08/2025. (211229)	2141	3.115.857	
208	KH0050825	31/08	Khấu hao 220119 tháng 08/2025. (220119)	2141	16.664.957	
209	KH0060825	31/08	Khấu hao 220121 tháng 08/2025. (220121)	2141	777.778	
210	PB0070825	31/08	Phân bổ 23CKS tháng 08/2025. (23CKS)	24222	62.500	
211	KC006/08	31/08	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911		97.364.402
			Cộng phát sinh tháng 08		97.364.402	97.364.402
			Số dư cuối tháng 08			
212	CM012/09	01/09	TT cước viễn thông - HĐ 1125363 (TRUNG TÂM KINH DOANH VNPT-ĐÀ NẴNG)	1111	337.983	
...	...	...	...	...	...	...

...	...	...	...	...	...	...
229	KH0010925	30/09	Khấu hao 210601 tháng 09/2025. (210601)	2141	3.464.735	
230	KH0020925	30/09	Khấu hao 210605 tháng 09/2025. (210605)	2141	3.882.575	
231	KH0030925	30/09	Khấu hao 211021 tháng 09/2025. (211021)	2141	5.165.909	
232	KH0040925	30/09	Khấu hao 211229 tháng 09/2025. (211229)	2141	3.115.858	
233	KH0050925	30/09	Khấu hao 220119 tháng 09/2025. (220119)	2141	16.664.957	
234	KH0060925	30/09	Khấu hao 220121 tháng 09/2025. (220121)	2141	777.777	
235	PB0070925	30/09	Phân bổ 23CKS tháng 09/2025. (23CKS)	24222	62.500	
236	KC005/09	30/09	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911		112.902.617
			Cộng phát sinh tháng 09		112.902.617	112.902.617
			Số dư cuối tháng 09			
			Cộng lũy kế từ đầu quý 3		309.903.381	309.903.381
237	CG017/10	01/10	Phí dịch vụ (NH Sacombank)	1121SAC1	531.593	
...	...	...	...	...	...	...
260	KH0011025	31/10	Khấu hao 210601 tháng 10/2025. (210601)	2141	3.464.735	
261	KH0021025	31/10	Khấu hao 210605 tháng 10/2025. (210605)	2141	3.882.576	
262	KH0031025	31/10	Khấu hao 211021 tháng 10/2025. (211021)	2141	5.165.909	
263	KH0041025	31/10	Khấu hao 211229 tháng 10/2025. (211229)	2141	3.115.857	
264	KH0051025	31/10	Khấu hao 220119 tháng 10/2025. (220119)	2141	16.664.957	
265	KH0061025	31/10	Khấu hao 220121 tháng 10/2025. (220121)	2141	777.778	
266	PB0071025	31/10	Phân bổ 23CKS tháng 10/2025. (23CKS)	24222	62.500	
267	KC005/10	31/10	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911		106.781.053
			Cộng phát sinh tháng 10		106.781.053	106.781.053
			Số dư cuối tháng 10			
268	CM023/11	02/11	TT cước viễn thông - HĐ 13248 (VIỄN THÔNG ĐÀ NẴNG - TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM (CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH))	1111	302.338	
...	...	...	...	...	...	...
282	KH0011125	30/11	Khấu hao 210601 tháng 11/2025. (210601)	2141	3.464.735	
283	KH0021125	30/11	Khấu hao 210605 tháng 11/2025. (210605)	2141	3.882.575	
284	KH0031125	30/11	Khấu hao 211021 tháng 11/2025. (211021)	2141	5.165.909	
285	KH0041125	30/11	Khấu hao 211229 tháng 11/2025. (211229)	2141	3.115.858	
286	KH0051125	30/11	Khấu hao 220119 tháng 11/2025. (220119)	2141	16.664.957	
287	KH0061125	30/11	Khấu hao 220121 tháng 11/2025. (220121)	2141	777.777	
288	PB0071125	30/11	Phân bổ 23CKS tháng 11/2025. (23CKS)	24222	62.500	
289	KC005/11	30/11	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911		95.687.972
			Cộng phát sinh tháng 11		95.687.972	95.687.972
			Số dư cuối tháng 11			

290	CG005/12	01/12	Phí chuyển khoản (NH Sacombank)	1121SAC1	308.000	
...	...	...	...	...	...	...
302	CM029/12	31/12	TT Kiểm định xe ô tô tải - HĐ 00016902 (CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐBL)	1111	263.636	
303	TH002/12	31/12	CP lương & BHXH T12 (CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL)	334	60.607.767	
304	TH002/12	31/12	CP lương & BHXH T12 (CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL)	3383	6.655.411	
305	TH002/12	31/12	CP lương & BHXH T12 (CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL)	3384	1.140.927	
306	TH002/12	31/12	CP lương & BHXH T12 (CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL)	3385	380.309	
307	KH0011225	31/12	Khấu hao 210601 tháng 12/2025. (210601)	2141	3.464.735	
308	KH0021225	31/12	Khấu hao 210605 tháng 12/2025. (210605)	2141	3.882.576	
309	KH0031225	31/12	Khấu hao 211021 tháng 12/2025. (211021)	2141	5.165.909	
310	KH0041225	31/12	Khấu hao 211229 tháng 12/2025. (211229)	2141	3.115.857	
311	KH0051225	31/12	Khấu hao 220119 tháng 12/2025. (220119)	2141	16.664.957	
312	KH0061225	31/12	Khấu hao 220121 tháng 12/2025. (220121)	2141	777.778	
313	PB0071225	31/12	Phân bổ 23CKS tháng 12/2025. (23CKS)	24222	62.500	
314	KC005/12	31/12	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911		104.151.744
Cộng phát sinh tháng 12					104.151.744	104.151.744
Số dư cuối tháng 12						
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					306.620.769	306.620.769
Cộng lũy kế từ đầu năm					1.268.554.850	1.268.554.850
Tổng cộng số phát sinh trong kỳ				x	1.268.554.850	1.268.554.850
Số dư cuối kỳ				x		
Ngày mở sổ: 01/01/2025			Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Người ghi sổ			Kế toán trưởng		Giám đốc	
<i>(Ký, họ tên)</i>			<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	

Bảng 14. Sổ cái TK 642 (Trích sổ cái TK 642)

Đơn vị : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL					Mẫu số S19-DNN			
Địa chỉ : 398 CMT8, P Hòa Thọ Đông, Q Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng					(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC			
					ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)			
SỐ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Năm 2025								
Tài khoản: 6422 (Chi phí quản lý doanh nghiệp)								
Đơn vị tính : Đồng								
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ								
1	CG006/01	03/01	Phí dịch vụ SMS (Ngân hàng Agribank - CN Cẩm Lệ)	1121AG	55.000		55.000	
2	CG025/01	06/01	Phí Tài khoản (NH TPBANK)	1121TPB1	55.000		110.000	
3	CG008/01	07/01	TT mua hàng (CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ACV)	1121AG	275.000		385.000	
4	CG011/01	08/01	TT mua hàng (CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ACV)	1121AG	456.500		841.500	
5	CM001/01	08/01	TT xăng xe - HD 21111 (CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX ĐÀ NẴNG)	1111	909.091		1.750.591	
6	CG013/01	09/01	TT mua hàng (CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU ACV)	1121AG	55.000		1.805.591	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
17	CG036/01	31/01	Phí dịch vụ SMS (NH TPBANK)	1121TPB1	33.000		5.119.146	
24	KH0010125	31/01	Khấu hao 210601 tháng 01/2025. (210601)	2141	3.464.735		92.693.207	
25	KH0020125	31/01	Khấu hao 210605 tháng 01/2025. (210605)	2141	3.882.575		96.575.782	
26	KH0030125	31/01	Khấu hao 211021 tháng 01/2025. (211021)	2141	5.165.909		101.741.691	
27	KH0040125	31/01	Khấu hao 211229 tháng 01/2025. (211229)	2141	3.115.858		104.857.549	
28	KH0050125	31/01	Khấu hao 220119 tháng 01/2025. (220119)	2141	16.664.957		121.522.506	
29	KH0060125	31/01	Khấu hao 220121 tháng 01/2025. (220121)	2141	777.778		122.300.284	
30	PB0070125	31/01	Phân bổ 23CKS tháng 01/2025. (23CKS)	24222	62.500		122.362.784	
31	PB0080125	31/01	Phân bổ 2501-BH tháng 01/2025. (2501-BH)	24222	396.774		122.759.558	
32	PB0090125	31/01	Phân bổ 2501-BHM tháng 01/2025. (2501-BHM)	24222	297.361		123.056.919	
33	KC005/01	31/01	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911		123.056.919		
Cộng phát sinh tháng 01					123.056.919	123.056.919		
Số dư cuối tháng 01								
34	CG006/02	03/02	Phí Tài khoản (NH Sacombank)	1121SAC1	841.311		841.311	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
47	KH0010225	28/02	Khấu hao 210601 tháng 02/2025. (210601)	2141	3.464.735		59.401.162	
48	KH0020225	28/02	Khấu hao 210605 tháng 02/2025. (210605)	2141	3.882.576		63.283.738	
49	KH0030225	28/02	Khấu hao 211021 tháng 02/2025. (211021)	2141	5.165.909		68.449.647	
50	KH0040225	28/02	Khấu hao 211229 tháng 02/2025. (211229)	2141	3.115.857		71.565.504	
51	KH0050225	28/02	Khấu hao 220119 tháng 02/2025. (220119)	2141	16.664.957		88.230.461	
52	KH0060225	28/02	Khấu hao 220121 tháng 02/2025. (220121)	2141	777.778		89.008.239	
53	PB0070225	28/02	Phân bổ 23CKS tháng 02/2025. (23CKS)	24222	62.500		89.070.739	
54	PB0080225	28/02	Phân bổ 2501-BH tháng 02/2025. (2501-BH)	24222	376.936		89.447.675	
55	PB0090225	28/02	Phân bổ 2501-BHM tháng 02/2025. (2501-BHM)	24222	1.127.493		90.575.168	
56	KC005/02	28/02	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911		90.575.168		
Cộng phát sinh tháng 02					90.575.168	90.575.168		
Số dư cuối tháng 02								
57	CG032/03	01/03	Phí dịch vụ SMS (NH TPBANK)	1121TPB1	33.000		33.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
73	KH0010325	31/03	Khấu hao 210601 tháng 03/2025. (210601)	2141	3.464.735		69.668.122	
74	KH0020325	31/03	Khấu hao 210605 tháng 03/2025. (210605)	2141	3.882.575		73.550.697	
75	KH0030325	31/03	Khấu hao 211021 tháng 03/2025. (211021)	2141	5.165.909		78.716.606	
76	KH0040325	31/03	Khấu hao 211229 tháng 03/2025. (211229)	2141	3.115.858		81.832.464	
77	KH0050325	31/03	Khấu hao 220119 tháng 03/2025. (220119)	2141	16.664.957		98.497.421	
78	KH0060325	31/03	Khấu hao 220121 tháng 03/2025. (220121)	2141	777.778		99.275.199	
79	PB0070325	31/03	Phân bổ 23CKS tháng 03/2025. (23CKS)	24222	62.500		99.337.699	
80	PB0080325	31/03	Phân bổ 2501-BH tháng 03/2025. (2501-BH)	24222	376.935		99.714.634	
81	PB0090325	31/03	Phân bổ 2501-BHM tháng 03/2025. (2501-BHM)	24222	1.127.493		100.842.127	
82	KC005/03	31/03	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911		100.842.127		
Cộng phát sinh tháng 03					100.842.127	100.842.127		
Số dư cuối tháng 03								
Cộng lũy kế từ đầu quý 1					314.474.214	314.474.214		

83	CM001/04	10/04	TT gói chứng từ KT TNCN - HĐ 11389 (CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI SOFTDREAMS)	1111	500.000		500.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
96	KH0010425	30/04	Khấu hao 210601 tháng 04/2025. (210601)	2141	3.464.735		79.863.508	
97	KH0020425	30/04	Khấu hao 210605 tháng 04/2025. (210605)	2141	3.882.576		83.746.084	
98	KH0030425	30/04	Khấu hao 211021 tháng 04/2025. (211021)	2141	5.165.909		88.911.993	
99	KH0040425	30/04	Khấu hao 211229 tháng 04/2025. (211229)	2141	3.115.857		92.027.850	
100	KH0050425	30/04	Khấu hao 220119 tháng 04/2025. (220119)	2141	16.664.957		108.692.807	
101	KH0060425	30/04	Khấu hao 220121 tháng 04/2025. (220121)	2141	777.778		109.470.585	
102	PB0070425	30/04	Phân bổ 23CKS tháng 04/2025. (23CKS)	24222	62.500		109.533.085	
103	PB0080425	30/04	Phân bổ 2501-BH tháng 04/2025. (2501-BH)	24222	376.936		109.910.021	
104	PB0090425	30/04	Phân bổ 2501-BHM tháng 04/2025. (2501-BHM)	24222	1.127.493		111.037.514	
105	KC001/04	30/04	K.c các khoản phải trả nhà nước khác	33382	3.000.000		114.037.514	
106	KC006/04	30/04	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911		114.037.514		
Cộng phát sinh tháng 04					114.037.514	114.037.514		
Số dư cuối tháng 04								
107	CM015/05	06/05	TT đăng kiểm xe - HĐ 7964 (Trung Tâm Đăng Kiểm xe cơ giới Thành phố Huế)	1111	327.100		327.100	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
124	KH0010525	31/05	Khấu hao 210601 tháng 05/2025. (210601)	2141	3.464.735		69.327.962	
125	KH0020525	31/05	Khấu hao 210605 tháng 05/2025. (210605)	2141	3.882.575		73.210.537	
126	KH0030525	31/05	Khấu hao 211021 tháng 05/2025. (211021)	2141	5.165.909		78.376.446	
127	KH0040525	31/05	Khấu hao 211229 tháng 05/2025. (211229)	2141	3.115.858		81.492.304	
128	KH0050525	31/05	Khấu hao 220119 tháng 05/2025. (220119)	2141	16.664.957		98.157.261	
129	KH0060525	31/05	Khấu hao 220121 tháng 05/2025. (220121)	2141	777.778		98.935.039	
130	PB0070525	31/05	Phân bổ 23CKS tháng 05/2025. (23CKS)	24222	62.500		98.997.539	
131	PB0080525	31/05	Phân bổ 2501-BH tháng 05/2025. (2501-BH)	24222	376.935		99.374.474	
132	PB0090525	31/05	Phân bổ 2501-BHM tháng 05/2025. (2501-BHM)	24222	1.127.493		100.501.967	
133	PB0100525	31/05	Phân bổ 2505-TM tháng 05/2025. (2505-TM)	24222	69.355		100.571.322	
134	KC005/05	31/05	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911		100.571.322		
Cộng phát sinh tháng 05					100.571.322	100.571.322		
Số dư cuối tháng 05								
135	CG004/06	02/06	Phí Tài khoản (NH Sacombank)	1121SAC1	592.010		592.010	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
164	KH0010625	30/06	Khấu hao 210601 tháng 06/2025. (210601)	2141	3.464.735		76.152.004	
165	KH0020625	30/06	Khấu hao 210605 tháng 06/2025. (210605)	2141	3.882.576		80.034.580	
166	KH0030625	30/06	Khấu hao 211021 tháng 06/2025. (211021)	2141	5.165.909		85.200.489	
167	KH0040625	30/06	Khấu hao 211229 tháng 06/2025. (211229)	2141	3.115.857		88.316.346	
168	KH0050625	30/06	Khấu hao 220119 tháng 06/2025. (220119)	2141	16.664.957		104.981.303	
169	KH0060625	30/06	Khấu hao 220121 tháng 06/2025. (220121)	2141	777.778		105.759.081	
170	PB0070625	30/06	Phân bổ 23CKS tháng 06/2025. (23CKS)	24222	62.500		105.821.581	
171	PB0080625	30/06	Phân bổ 2501-BH tháng 06/2025. (2501-BH)	24222	376.936		106.198.517	
172	PB0090625	30/06	Phân bổ 2501-BHM tháng 06/2025. (2501-BHM)	24222	1.127.493		107.326.010	
173	PB0100625	30/06	Phân bổ 2505-TM tháng 06/2025. (2505-TM)	24222	424.220		107.750.230	
174	KC005/06	30/06	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911		107.750.230		
Cộng phát sinh tháng 06					107.750.230	107.750.230		
Số dư cuối tháng 06								
Cộng lũy kế từ đầu quý 2					322.359.066	322.359.066		

175	CM013/07	02/07	TT cước viễn thông - HĐ 868719 (TRUNG TÂM KINH DOANH VNPT-ĐÀ NẴNG)	1111	331.024		331.024	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
192	KH0010725	31/07	Khấu hao 210601 tháng 07/2025. (210601)	2141	3.464.735		69.966.786	
193	KH0020725	31/07	Khấu hao 210605 tháng 07/2025. (210605)	2141	3.882.575		73.849.361	
194	KH0030725	31/07	Khấu hao 211021 tháng 07/2025. (211021)	2141	5.165.909		79.015.270	
195	KH0040725	31/07	Khấu hao 211229 tháng 07/2025. (211229)	2141	3.115.858		82.131.128	
196	KH0050725	31/07	Khấu hao 220119 tháng 07/2025. (220119)	2141	16.664.957		98.796.085	
197	KH0060725	31/07	Khấu hao 220121 tháng 07/2025. (220121)	2141	777.777		99.573.862	
198	PB0070725	31/07	Phân bổ 23CKS tháng 07/2025. (23CKS)	24222	62.500		99.636.362	
199	PB0080725	31/07	Phân bổ 2501-BH tháng 07/2025. (2501-BH)	24222	376.935		100.013.297	
200	PB0090725	31/07	Phân bổ 2501-BHM tháng 07/2025. (2501-BHM)	24222	1.127.492		101.140.789	
201	PB0100725	31/07	Phân bổ 2505-TM tháng 07/2025. (2505-TM)	24222	424.220		101.565.009	
202	KC005/07	31/07	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911		101.565.009		
Cộng phát sinh tháng 07					101.565.009		101.565.009	
Số dư cuối tháng 07								
203	CM017/08	02/08	TT cước viễn thông - HĐ 996715 (TRUNG TÂM KINH DOANH VNPT-ĐÀ NẴNG)	1111	336.943		336.943	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
218	KH0010825	31/08	Khấu hao 210601 tháng 08/2025. (210601)	2141	3.464.735		67.694.825	
219	KH0020825	31/08	Khấu hao 210605 tháng 08/2025. (210605)	2141	3.882.576		71.577.401	
220	KH0030825	31/08	Khấu hao 211021 tháng 08/2025. (211021)	2141	5.165.909		76.743.310	
221	KH0040825	31/08	Khấu hao 211229 tháng 08/2025. (211229)	2141	3.115.857		79.859.167	
222	KH0050825	31/08	Khấu hao 220119 tháng 08/2025. (220119)	2141	16.664.957		96.524.124	
223	KH0060825	31/08	Khấu hao 220121 tháng 08/2025. (220121)	2141	777.778		97.301.902	
224	PB0070825	31/08	Phân bổ 23CKS tháng 08/2025. (23CKS)	24222	62.500		97.364.402	
225	PB0080825	31/08	Phân bổ 2501-BH tháng 08/2025. (2501-BH)	24222	376.936		97.741.338	
226	PB0090825	31/08	Phân bổ 2501-BHM tháng 08/2025. (2501-BHM)	24222	1.127.493		98.868.831	
227	PB0100825	31/08	Phân bổ 2505-TM tháng 08/2025. (2505-TM)	24222	424.221		99.293.052	
228	KC006/08	31/08	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911		99.293.052		
Cộng phát sinh tháng 08					99.293.052		99.293.052	
Số dư cuối tháng 08								
229	CM012/09	01/09	TT cước viễn thông - HĐ 1125363 (TRUNG TÂM KINH DOANH VNPT-ĐÀ NẴNG)	1111	337.983		337.983	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
246	KH0010925	30/09	Khấu hao 210601 tháng 09/2025. (210601)	2141	3.464.735		83.233.041	
247	KH0020925	30/09	Khấu hao 210605 tháng 09/2025. (210605)	2141	3.882.575		87.115.616	
248	KH0030925	30/09	Khấu hao 211021 tháng 09/2025. (211021)	2141	5.165.909		92.281.525	
249	KH0040925	30/09	Khấu hao 211229 tháng 09/2025. (211229)	2141	3.115.858		95.397.383	
250	KH0050925	30/09	Khấu hao 220119 tháng 09/2025. (220119)	2141	16.664.957		112.062.340	
251	KH0060925	30/09	Khấu hao 220121 tháng 09/2025. (220121)	2141	777.777		112.840.117	
252	PB0070925	30/09	Phân bổ 23CKS tháng 09/2025. (23CKS)	24222	62.500		112.902.617	
253	PB0080925	30/09	Phân bổ 2501-BH tháng 09/2025. (2501-BH)	24222	376.935		113.279.552	
254	PB0090925	30/09	Phân bổ 2501-BHM tháng 09/2025. (2501-BHM)	24222	1.127.492		114.407.044	
255	PB0100925	30/09	Phân bổ 2505-TM tháng 09/2025. (2505-TM)	24222	424.220		114.831.264	
256	KC005/09	30/09	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911		114.831.264		
Cộng phát sinh tháng 09					114.831.264		114.831.264	
Số dư cuối tháng 09								
Cộng lũy kế từ đầu quý 3					315.689.325		315.689.325	

257	CG017/10	01/10	Phi dịch vụ (NH Sacombank)	1121SAC1	531.593		531.593	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
279	KH0011025	31/10	Khấu hao 210601 tháng 10/2025. (210601)	2141	3.464.735		70.199.476	
280	KH0021025	31/10	Khấu hao 210605 tháng 10/2025. (210605)	2141	3.882.576		74.082.052	
281	KH0031025	31/10	Khấu hao 211021 tháng 10/2025. (211021)	2141	5.165.909		79.247.961	
282	KH0041025	31/10	Khấu hao 211229 tháng 10/2025. (211229)	2141	3.115.857		82.363.818	
283	KH0051025	31/10	Khấu hao 220119 tháng 10/2025. (220119)	2141	16.664.957		99.028.775	
284	KH0061025	31/10	Khấu hao 220121 tháng 10/2025. (220121)	2141	777.778		99.806.553	
285	PB0071025	31/10	Phân bổ 23CKS tháng 10/2025. (23CKS)	24222	62.500		99.869.053	
286	PB0081025	31/10	Phân bổ 2501-BH tháng 10/2025. (2501-BH)	24222	376.936		100.245.989	
287	PB0091025	31/10	Phân bổ 2501-BHM tháng 10/2025. (2501-BHM)	24222	1.127.493		101.373.482	
288	PB0101025	31/10	Phân bổ 2505-TM tháng 10/2025. (2505-TM)	24222	424.221		101.797.703	
289	PB0111025	31/10	Phân bổ 2510-BH tháng 10/2025. (2510-BH)	24222	445.935		102.243.638	
290	KC005/10	31/10	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911		102.243.638		
Cộng phát sinh tháng 10					102.243.638	102.243.638		
Số dư cuối tháng 10								
291	CM023/11	02/11	TT cuộc viễn thông - HD 13248 (VIỄN THÔNG ĐÀ NẴNG - TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM (CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH))	1111	302.338		302.338	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
305	KH0011125	30/11	Khấu hao 210601 tháng 11/2025. (210601)	2141	3.464.735		66.018.396	
306	KH0021125	30/11	Khấu hao 210605 tháng 11/2025. (210605)	2141	3.882.575		69.900.971	
307	KH0031125	30/11	Khấu hao 211021 tháng 11/2025. (211021)	2141	5.165.909		75.066.880	
308	KH0041125	30/11	Khấu hao 211229 tháng 11/2025. (211229)	2141	3.115.858		78.182.738	
309	KH0051125	30/11	Khấu hao 220119 tháng 11/2025. (220119)	2141	16.664.957		94.847.695	
310	KH0061125	30/11	Khấu hao 220121 tháng 11/2025. (220121)	2141	777.777		95.625.472	
311	PB0071125	30/11	Phân bổ 23CKS tháng 11/2025. (23CKS)	24222	62.500		95.687.972	
312	PB0081125	30/11	Phân bổ 2501-BH tháng 11/2025. (2501-BH)	24222	376.935		96.064.907	
313	PB0091125	30/11	Phân bổ 2501-BHM tháng 11/2025. (2501-BHM)	24222	1.127.492		97.192.399	
314	PB0101125	30/11	Phân bổ 2505-TM tháng 11/2025. (2505-TM)	24222	424.220		97.616.619	
315	PB0111125	30/11	Phân bổ 2510-BH tháng 11/2025. (2510-BH)	24222	538.839		98.155.458	
316	KC005/11	30/11	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911		98.155.458		
Cộng phát sinh tháng 11					98.155.458	98.155.458		
Số dư cuối tháng 11								
317	CG005/12	01/12	Phi chuyển khoản (NH Sacombank)	1121SAC1	308.000		308.000	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
329	CM029/12	31/12	TT Kiểm định xe ô tô tải - HD 00016902 (CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐBL)	1111	263.636		2.233.018	
330	TH002/12	31/12	CP lương & BHXH T12 (CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL)	334	60.607.767		62.840.785	
331	TH002/12	31/12	CP lương & BHXH T12 (CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL)	3383	6.655.411		69.496.196	
332	TH002/12	31/12	CP lương & BHXH T12 (CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL)	3384	1.140.927		70.637.123	
333	TH002/12	31/12	CP lương & BHXH T12 (CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL)	3385	380.309		71.017.432	
334	KH0011225	31/12	Khấu hao 210601 tháng 12/2025. (210601)	2141	3.464.735		74.482.167	
335	KH0021225	31/12	Khấu hao 210605 tháng 12/2025. (210605)	2141	3.882.576		78.364.743	
336	KH0031225	31/12	Khấu hao 211021 tháng 12/2025. (211021)	2141	5.165.909		83.530.652	
337	KH0041225	31/12	Khấu hao 211229 tháng 12/2025. (211229)	2141	3.115.857		86.646.509	
338	KH0051225	31/12	Khấu hao 220119 tháng 12/2025. (220119)	2141	16.664.957		103.311.466	
339	KH0061225	31/12	Khấu hao 220121 tháng 12/2025. (220121)	2141	777.778		104.089.244	
340	PB0071225	31/12	Phân bổ 23CKS tháng 12/2025. (23CKS)	24222	62.500		104.151.744	
341	PB0081225	31/12	Phân bổ 2501-BH tháng 12/2025. (2501-BH)	24222	376.936		104.528.680	
342	PB0091225	31/12	Phân bổ 2501-BHM tháng 12/2025. (2501-BHM)	24222	1.127.493		105.656.173	
343	PB0101225	31/12	Phân bổ 2505-TM tháng 12/2025. (2505-TM)	24222	424.221		106.080.394	
344	PB0111225	31/12	Phân bổ 2510-BH tháng 12/2025. (2510-BH)	24222	538.839		106.619.233	
345	KC005/12	31/12	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911		106.619.233		
Cộng phát sinh tháng 12					106.619.233	106.619.233		
Số dư cuối tháng 12								
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					307.018.329	307.018.329		
Cộng lũy kế từ đầu năm					1.259.540.934	1.259.540.934		
Số dư cuối kỳ								
Ngày mở sổ: 01/01/2025							Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Bảng 15. Sổ chi tiết TK 6422 (Trích sổ chi tiết TK 6422)

2.2.3.4. Kế toán chi phí khác.

a. Tài khoản sử dụng.

Công ty sử dụng TK 811 – “Chi phí khác”. Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ;
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác;
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính;
- Các khoản chi phí khác.

b. Chứng từ, sổ sách sử dụng.

- Chứng từ sử dụng: Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước, sao kê ngân hàng,...
- Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ nhật ký chung
 - + Sổ Cái TK 811
 - + Sổ chi tiết TK 811

c. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Nghiệp vụ:

Ngày 29/07/2025 công ty phát sinh nghiệp vụ nộp chậm tiền thuế thu nhập doanh nghiệp, khi nhận được các chứng từ của ngân hàng như giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước thì kế toán tiến hành nhập số liệu lên phần mềm.

Không ghi vào
khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒
Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Mẫu số C1-02/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số
84/2016/TT-BTC
của Bộ Tài chính)
Mã hiệu:
Số: OW2509101744041

Số tham chiếu: 11220250338970593

Người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL

Mã số thuế: 0401971753

Địa chỉ: 398 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Cẩm Lệ

Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng

Quận/Huyện:

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Tỉnh, TP:

Quận/Huyện:

trích TK số: 040081955559

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài Khoản KBNN: Phòng Giao dịch số 1 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng

Mở tại NH ủy nhiệm thu: VCB-Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Đà Nẵng

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐

Thanh tra tài chính ☐

Thanh tra Chính phủ ☐

Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Cơ quan quản lý thu: Phường Cẩm Lệ - Thuế cơ sở 4 thành phố Đà Nẵng

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1	7260361984600001	00/CN/2023	Tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí).		5,545	855	4918
Tổng tiền					5,545		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: NĂM NGHÌN NĂM TRĂM BỐN MƯƠI LĂM ĐỒNG

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
Mã CQ thu:.....		Nợ TK:.....
Mã ĐBHC:.....		Có TK:.....
Mã nguồn NSNN:.....		

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN

Ngày.....Tháng.....Năm.....

NGÂN HÀNG (KBNN)

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Người nộp tiền

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

Kế toán

Kế toán trưởng

✓ Người ký :	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL
✓ Ngày ký :	10/09/2025 15:12:58
✓ Người ký :	CỤC THUẾ
✓ Ngày ký :	10/09/2025 15:12:31
✓ Người ký :	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN THƯƠNG TÍN
✓ Ngày ký :	10/09/2025 15:14:26

Hình ảnh 17. Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước

Trình tự nhập liệu: Vào “**Thu chi**” sau đó chọn “**Phiếu chi tiền gửi (báo nợ)**”. Sau khi nhập đầy đủ dữ liệu vào phần mềm và nhấn “**Lưu**” thì phần mềm sẽ tự động cập nhật lên sổ nhật ký chung, sổ cái TK 811, sổ chi tiết TK 811.

Đơn vị : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL				Mẫu số S03b-DNN		
Địa chỉ : 398 CMT8, P Hòa Thọ Đông, Q Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC		
				ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ CÁI						
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)						
Năm 2025						
Tài khoản: 811 (Chi phí khác)						
Đơn vị tính : Đồng						
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
1	CG028/01	15/01	TT lãi vay (NH TPBANK)	1121TPB1	8.747	
2	KH0050125	31/01	Khấu hao 220119 tháng 01/2025. (220119)	2141	4.305.166	
3	KC006/01	31/01	K.c chi phí nghiệp vụ tài chính	911		4.313.913
			Cộng phát sinh tháng 01		4.313.913	4.313.913
			Số dư cuối tháng 01			
31	CG029/09	09/09	TT lãi phạt (NH TPBANK)	1121TPB1	1.768	
32	CG033/09	09/09	TT lãi phạt (NH TPBANK)	1121TPB1	847	
33	CG006/09	10/09	Nộp thuế tiền chậm nộp (Chi cục thuế Quận Cẩm Lệ)	1121SAC1	5.545	
34	CG007/09	10/09	Nộp tiền chậm nộp (Chi cục thuế Quận Cẩm Lệ)	1121SAC1	1.188	
...	...	...	...	...	...	...
41	KC006/09	30/09	K.c chi phí nghiệp vụ tài chính	911		6.138.513
			Cộng phát sinh tháng 09		6.138.513	6.138.513
			Số dư cuối tháng 09			
			Cộng lũy kế từ đầu quý 3		14.767.187	14.767.187
...	...	...	...	...	...	...
46	TG012/11	12/11	KH TT (CÔNG TY TNHH TÔN THẾP TUẤN PHÚ)	131	15.400	
47	CG010/11	27/11	Trả lãi phạt quá hạn (NH Sacombank)	1121SAC1	31.932	
48	KH0051125	30/11	Khấu hao 220119 tháng 11/2025. (220119)	2141	4.305.166	
49	KC006/11	30/11	K.c chi phí nghiệp vụ tài chính	911		4.352.498
			Cộng phát sinh tháng 11		4.352.498	4.352.498
			Số dư cuối tháng 11			
50	CG054/12	01/12	TT lãi vay (NH TPBANK)	1121TPB1	10.856	
51	TG005/12	05/12	KH TT (DOANH NGHIỆP TN SỈ TRỊ)	131	100	
52	CG059/12	09/12	TT vay (NH TPBANK)	1121TPB1	685	
53	CG018/12	22/12	Trả lãi phạt quá hạn (NH Sacombank)	1121SAC1	1.358	
54	CG020/12	22/12	Trả lãi phạt quá hạn (NH Sacombank)	1121SAC1	2.012	
55	CG022/12	22/12	Trả lãi phạt quá hạn (NH Sacombank)	1121SAC1	1.878	
56	KH0051225	31/12	Khấu hao 220119 tháng 12/2025. (220119)	2141	4.305.166	
57	KC006/12	31/12	K.c chi phí nghiệp vụ tài chính	911		4.322.055
			Cộng phát sinh tháng 12		4.322.055	4.322.055
			Số dư cuối tháng 12			
			Cộng lũy kế từ đầu quý 4		12.984.581	12.984.581
			Cộng lũy kế từ đầu năm		53.657.184	53.657.184
			Số dư cuối kỳ	x		
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người ghi sổ				Kế toán trưởng		
(Ký, họ tên)				(Ký, họ tên)		
				Giám đốc		
				(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Bảng 16. Sổ cái TK 811 (Trích sổ cái TK 811)

Đơn vị : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL					Mẫu số S19-DNN			
Địa chỉ : 398 CMT8, P Hòa Thọ Đông, Q Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng					(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC			
					ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)			
SỐ CHI TIẾT TÀI KHOẢN								
Năm 2025								
Tài khoản: 811 (Chi phí khác)								
					Đơn vị tính : Đồng			
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
Số dư đầu kỳ								
1	CG028/01	15/01	TT lãi vay (NH TPBANK)	1121TPB1	8.747		8.747	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
2	KH0050125	31/01	Khấu hao 220119 tháng 01/2025. (220119)	2141	4.305.166		4.313.913	
3	KC006/01	31/01	K.c chi phí nghiệp vụ tài chính	911		4.313.913		
Cộng phát sinh tháng 01					4.313.913	4.313.913		
Số dư cuối tháng 01								
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31	CG029/09	09/09	TT lãi phạt (NH TPBANK)	1121TPB1	1.768		1.768	
32	CG033/09	09/09	TT lãi phạt (NH TPBANK)	1121TPB1	847		2.615	
33	CG006/09	10/09	Nộp thuế tiền chậm nộp (Chi cục thuế Quận Cẩm Lệ)	1121SAC1	5.545		8.160	
34	CG007/09	10/09	Nộp tiền chậm nộp (Chi cục thuế Quận Cẩm Lệ)	1121SAC1	1.188		9.348	
...	...	...	...	...	...	...	...	...
41	KC006/09	30/09	K.c chi phí nghiệp vụ tài chính	911		6.138.513		
Cộng phát sinh tháng 09					6.138.513	6.138.513		
Số dư cuối tháng 09								
Cộng lũy kế từ đầu quý 3					14.767.187	14.767.187		
...	...	...	...	...	...	...	...	...
46	TG012/11	12/11	KH TT (CÔNG TY TNHH TÔN THẾP TUẤN PHÚ)	131	15.400		15.400	
47	CG010/11	27/11	Trả lãi phạt quá hạn (NH Sacombank)	1121SAC1	31.932		47.332	
48	KH0051125	30/11	Khấu hao 220119 tháng 11/2025. (220119)	2141	4.305.166		4.352.498	
49	KC006/11	30/11	K.c chi phí nghiệp vụ tài chính	911		4.352.498		
Cộng phát sinh tháng 11					4.352.498	4.352.498		
Số dư cuối tháng 11								
50	CG054/12	01/12	TT lãi vay (NH TPBANK)	1121TPB1	10.856		10.856	
51	TG005/12	05/12	KH TT (DOANH NGHIỆP TN SĨ TRỊ)	131	100		10.956	
52	CG059/12	09/12	TT vay (NH TPBANK)	1121TPB1	685		11.641	
53	CG018/12	22/12	Trả lãi phạt quá hạn (NH Sacombank)	1121SAC1	1.358		12.999	
54	CG020/12	22/12	Trả lãi phạt quá hạn (NH Sacombank)	1121SAC1	2.012		15.011	
55	CG022/12	22/12	Trả lãi phạt quá hạn (NH Sacombank)	1121SAC1	1.878		16.889	
56	KH0051225	31/12	Khấu hao 220119 tháng 12/2025. (220119)	2141	4.305.166		4.322.055	
57	KC006/12	31/12	K.c chi phí nghiệp vụ tài chính	911		4.322.055		
Cộng phát sinh tháng 12					4.322.055	4.322.055		
Số dư cuối tháng 12								
Cộng lũy kế từ đầu quý 4					12.984.581	12.984.581		
Cộng lũy kế từ đầu năm					53.657.184	53.657.184		
Số dư cuối kỳ								
Ngày mở sổ: 01/01/2025					Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Người ghi sổ			Kế toán trưởng			Giám đốc		
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên, đóng dấu)		

Bảng 17. Sổ chi tiết TK 811 (Trích sổ chi tiết TK 811)

2.2.3.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

a. Tài khoản sử dụng.

Để phản ánh chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, công ty sử dụng TK 821 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”.

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào tài khoản này là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Hàng quý, kế toán căn cứ vào chứng từ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp để ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. Cuối năm tài chính, căn cứ vào tờ khai quyết toán thuế, nếu số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm nhỏ hơn số phải nộp cho năm đó, kế toán ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp thêm vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

b. Chứng từ, sổ sách sử dụng.

- Chứng từ sử dụng: Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp, phiếu chi, ủy nhiệm chi.
- Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ nhật ký chung
 - + Sổ cái TK 821
 - + Sổ chi tiết TK 821

c. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Vào cuối kỳ kế toán, sau khi hoàn thành việc kiểm tra, đối chiếu số liệu và lập báo cáo tài chính năm, kế toán trưởng tiến hành lập Tờ khai quyết toán thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Căn cứ vào số liệu đã được rà soát và chuẩn hóa trên sổ kế toán, kế toán thực hiện đăng nhập vào phần mềm HTKK để kê khai và nhập liệu. Sau đó, kế toán tiếp tục kiểm tra, đối chiếu tính chính xác giữa dữ liệu trên phần mềm kế toán và phần mềm HTKK nhằm đảm bảo sự thống nhất. Khi các thông tin đã khớp đúng, đơn vị tiến hành kết xuất và nộp tờ khai cho cơ quan thuế theo đúng thời hạn quy định.

Sau khi đăng nhập vào phần mềm HTKK → Chọn thuế Thu nhập doanh nghiệp → Chọn tờ khai quyết toán thuế TNDN (03/TNDN) (TT80/2021) để kê khai.

Sau khi điền đầy đủ số liệu sẽ có tờ khai như bên dưới:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **03/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông
tư số 80/2021/TT-BTC
ngày 29 tháng 9 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài
chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2025 Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025)

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: G46 - Bán buôn

[05] Tỷ lệ (%): 100,00 %

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL

[07] Mã số thuế: 0401971753

[08] Tên đại lý thuế (nếu có):

[09] Mã số thuế:

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	(1.360.754.541)
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	825.463.900
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	825.463.900
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	(535.290.641)
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	(535.290.641)
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	(535.290.641)
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
	Loại thu nhập miễn thuế		
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	0
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	0

	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 20%	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi ($C9 = (C7 \times 20\%) + (C8 \times C8a)$)	C9	0
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN ($C10 = C11 + C12 + C13$)	C10	0
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	0
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh ($C17 = C9 - C10 - C14 - C15 - C16$)	C17	0
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế ($D1 = B15$)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ	D2	0
3	Thu nhập tính thuế ($D3 = D1 - D2$)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ ($D5 = D3 - D4$)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0

8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này ($D8 = D6 - D7$)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ ($E = E1 + E2 + E5$)	E	0
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ($E2 = E3 + E4$)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp ($G = G1 + G2 + G3 + G4 + G5$)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0
H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh ($H1 = E1 + E5 - G2$)	H1	0
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS ($H2 = E3 - G4$)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ ($H3 = E4 - G5$)	H3	0

I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế (I=E-G=I1+I2)	I	0
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	I1=E1+E5-G1-G2	0
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS	I2=E2-G3-G4-G5	0

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai/...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 31 tháng 03 năm 2026

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI
NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

HỒ THỊ KIM NGÂN

Ghi chú:

1. TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; BĐS: Bất động sản;
2. Chỉ tiêu G1, G3: NNT kê khai số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang bù trừ với số thuế TNDN phải nộp kỳ này
3. Chỉ tiêu D11, G2, G4, G5: NNT kê khai số thuế TNDN đã tạm nộp vào NSNN tính đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán.
Ví dụ: NNT có kỳ tính thuế từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 thì số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm là số thuế TNDN đã nộp cho kỳ tính thuế năm 2021 tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/3/2022.
4. Trường hợp NNT là doanh nghiệp xổ số có hoạt động sản xuất kinh doanh khác hoạt động kinh doanh xổ số thì NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp của hoạt động kinh doanh xổ số vào chỉ tiêu E1, số thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh khác vào chỉ tiêu E2, E3.
5. Các chỉ tiêu E, G: NNT không kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi khác tính đã kê khai riêng.
6. Chỉ tiêu E4, G5, H3: NNT kê khai số thuế TNDN phải nộp, đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà được bàn giao kỳ này và có thu tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ (bao gồm số tiền đã thu của các kỳ trước và kỳ này).
7. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1052: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)
8. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1056: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp thu theo hiệp định, hợp đồng thăm dò, khai thác dầu khí)
9. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1057: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động xổ số kiến thiết
10. Hạch toán số tiền 0 vào tiểu mục 1053: Thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản



Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL
Ngày ký: 31/03/2026 18:38:14.

Hình ảnh 19. Tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2025

Cách lên tờ khai quyết toán thuế TNDN:

- Chỉ tiêu A1(Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN): -1.360.754.541 được lấy ở mã số 60 của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Chỉ tiêu B4 (Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế): 825.463.900, ta tính chi phí lãi vay không được trừ + chi phí khác (ở mục 32 của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh)

Chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế:

771.806.716 + 53.657.184= 825.463.900. (Trong đó, 53.657.184 là chi phí khác, 771.806.716 là chi phí tài chính.)

Theo khoản 2, Điều 9 Luật Thuế TNDN 2008, các khoản chi không được trừ khi tính thuế TNDN bao gồm:

- + Khoản tiền phạt do vi phạm hành chính.
- + Khoản tiền phạt nộp chậm thuế.
- Chỉ tiêu B14 (Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh): -535.290.641, ta có được số ở chỉ tiêu này bằng cách lấy chỉ tiêu A1+B1:
 $-1.360.754.541 + 825.463.900 = -535.290.641$

Năm 2025, Công ty ghi nhận kết quả kinh doanh lỗ 1.360.754.541 đồng. Do phát sinh lỗ trong kỳ tính thuế, Công ty không phát sinh thu nhập chịu thuế TNDN, vì vậy đơn vị không hạch toán và nộp thuế TNDN.

2.2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

a. Tài khoản sử dụng.

Công ty sử dụng TK 911 – “Xác định kết quả hoạt động kinh doanh”.

b. Chứng từ, sổ sách sử dụng.

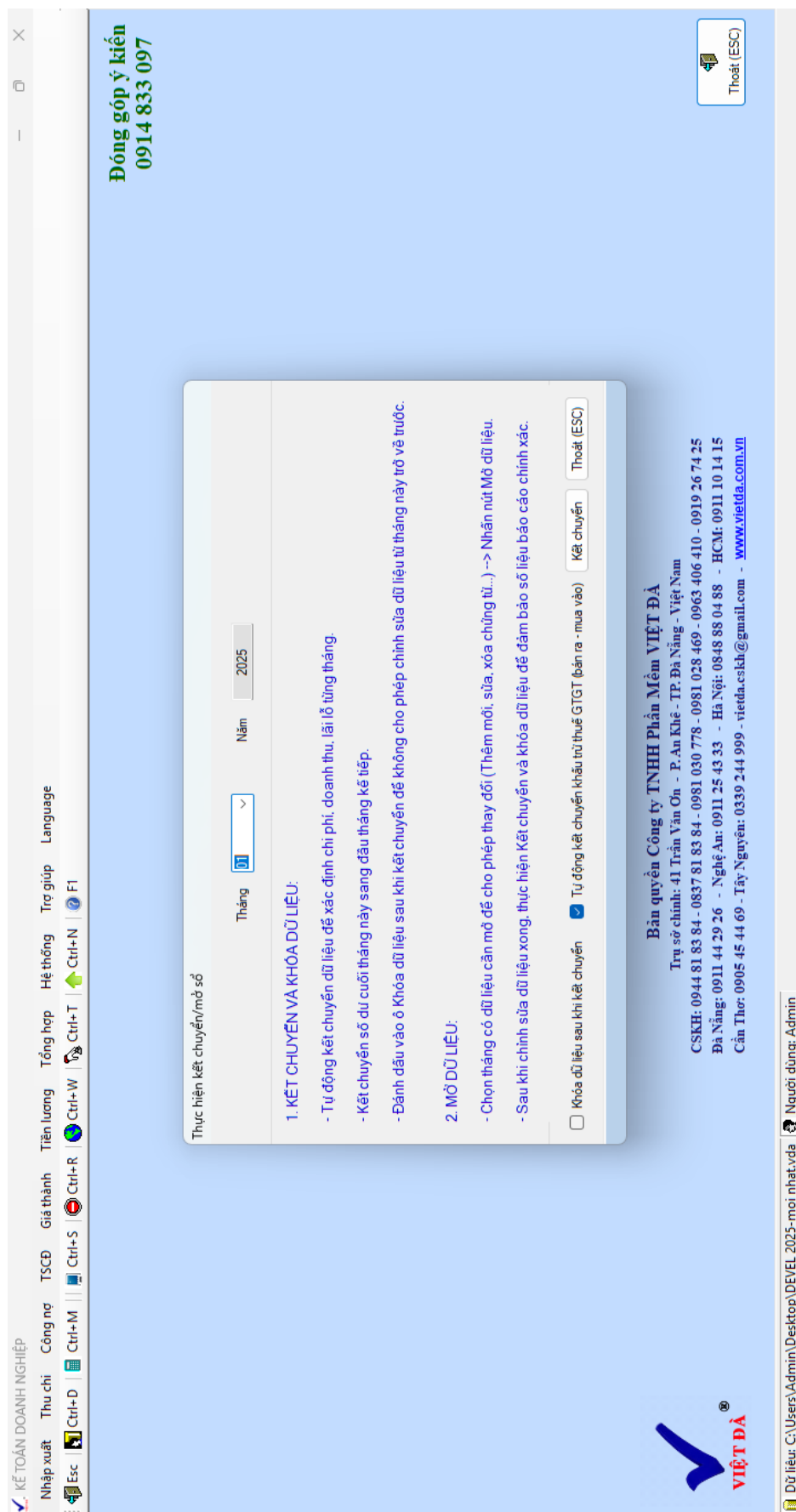
- Chứng từ sử dụng: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02–DNN)
- Sổ sách sử dụng
 - + Sổ nhật ký chung
 - + Sổ cái TK 911 – “Kết quả hoạt động kinh doanh”

c. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển để thực hiện kết quả kinh doanh như sau:

Vào “**Tổng hợp**” → chọn “**Kết chuyển, mở sổ/ khóa sổ**” → kích chọn “**Thực hiện kết chuyển/mở sổ**” → màn hình thực hiện kết chuyển/mở sổ xuất hiện kế toán tiến hành chọn “tháng” cần kết chuyển → tiến hành tích chọn vào ô “Khóa dữ liệu sau khi kết chuyển” và “Kết chuyển thuế GTGT được khấu trừ (đầu ra – đầu vào)” → chọn “Kết thúc” để hoàn thành việc kết chuyển. Tự động phần mềm lên các Sổ Cái TK 911, Sổ Nhật ký chung.

Công ty sử dụng bút toán kết chuyển theo tháng bằng các bút toán phân bổ tự động và các bút toán kết chuyển tự động trên phần mềm. Kế toán tiến hành chọn bút toán kết chuyển trên phần mềm với giao diện chọn bút toán kết chuyển tự động.



Hình ảnh 20. Giao diện phần mềm khi kết chuyển

Đơn vị : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL				Mẫu số S03b-DNN		
Địa chỉ : 398 CMT8, P Hòa Thọ Đông, Q Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC		
				ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ CÁI						
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)						
Năm 2025						
Tài khoản: 911 (Xác định kết quả kinh doanh)						
Đơn vị tính : Đồng						
STT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ	x		
1	KC001/01	31/01	K.c doanh thu bán hàng hoá	5111		160.037.956
2	KC002/01	31/01	k.c doanh thu hoạt động tài chính	515		2.229
3	KC003/01	31/01	K.c giá vốn hàng bán	632	150.728.837	
4	KC004/01	31/01	K.c Chi phí tài chính	635	46.975.642	
5	KC005/01	31/01	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	141.110.057	
6	KC006/01	31/01	K.c chi phí nghiệp vụ tài chính	811	4.313.913	
7	KC007/01	31/01	K.c lỗ kinh doanh trong kỳ	4212		183.088.264
			Cộng phát sinh tháng 01		343.128.449	343.128.449
			Số dư cuối tháng 01			
...	...	...	...	...	...	...
72	KC001/11	30/11	K.c doanh thu bán hàng hoá	5111		2.754.245.711
73	KC002/11	30/11	k.c doanh thu hoạt động tài chính	515		1.079
74	KC003/11	30/11	K.c giá vốn hàng bán	632	2.656.017.907	
75	KC004/11	30/11	K.c Chi phí tài chính	635	66.197.595	
76	KC005/11	30/11	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	95.687.972	
77	KC006/11	30/11	K.c chi phí nghiệp vụ tài chính	811	4.352.498	
78	KC007/11	30/11	K.c lỗ kinh doanh trong kỳ	4212		68.009.182
			Cộng phát sinh tháng 11		2.822.255.972	2.822.255.972
			Số dư cuối tháng 11			
79	KC001/12	31/12	K.c doanh thu bán hàng hoá	5111		2.597.640.159
80	KC002/12	31/12	k.c doanh thu hoạt động tài chính	515		10.747
81	KC003/12	31/12	K.c giá vốn hàng bán	632	2.502.323.614	
82	KC004/12	31/12	K.c Chi phí tài chính	635	74.066.372	
83	KC005/12	31/12	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422	104.151.744	
84	KC006/12	31/12	K.c chi phí nghiệp vụ tài chính	811	4.322.055	
85	KC007/12	31/12	K.c lỗ kinh doanh trong kỳ	4212		87.212.879
			Cộng phát sinh tháng 12		2.684.863.785	2.684.863.785
			Số dư cuối tháng 12			
			Cộng lũy kế từ đầu quý 4		8.658.783.244	8.658.783.244
			Cộng lũy kế từ đầu năm		34.699.426.240	34.699.426.240
			Số dư cuối kỳ	x		
Ngày mở sổ: 01/01/2025				Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
Người ghi sổ			Kế toán trưởng		Giám đốc	
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)	

Bảng 18. Sổ cái TK 911 (Trích sổ cái TK 911)

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL

[03] Mã số thuế: 0401971753

Mẫu số: B02 - DNN
(Ban hành theo Thông
tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ
Tài chính)

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	33.338.400.570	35.706.993.473
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		33.338.400.570	35.706.993.473
4. Giá vốn hàng bán	11		32.605.415.659	34.966.366.937
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		732.984.911	740.626.536
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		271.029	43.656
7. Chi phí tài chính	22		771.798.547	718.592.507
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.268.554.850	1.123.644.070
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		(1.307.097.457)	(1.101.566.385)
10. Thu nhập khác	31		100	383.178
11. Chi phí khác	32		53.657.184	55.313.261
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(53.657.084)	(54.930.083)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09	(1.360.754.541)	(1.156.496.468)
14. Chi phí thuế TNDN	51		0	1.167.240
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		(1.360.754.541)	(1.157.663.708)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 31 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)
HỒ THỊ KIM NGÂN

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL
Ngày ký: 31/03/2026 18:40:21.

Hình ảnh 21. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL				Mẫu số S03a-DNN		
Địa chỉ : 398 CMT8, P Hòa Thọ Đông, Q Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng				(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC		
				ngày 26/08/2016 của Bộ Trưởng BTC)		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Năm 2025						
Đơn vị tính : Đồng						
STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
1	CM011/01	02/01/25	Bảo hiểm vật chất xe ô tô - HĐ 00000043 Công Ty Bảo Hiểm Mic Đà Nẵng	6422	4.920.000	
...	...	...	...	...	...	...
57	CM003/01	10/01/25	TT xăng xe - HĐ 21861 CÔNG TY XĂNG DẦU NGHỆ AN	6422	909.091	
57	CM003/01	10/01/25	TT xăng xe - HĐ 21861 CÔNG TY XĂNG DẦU NGHỆ AN	1111		909.091
57	CM003/01	10/01/25	TT xăng xe - HĐ 21861 CÔNG TY XĂNG DẦU NGHỆ AN	1331	90.909	
57	CM003/01	10/01/25	TT xăng xe - HĐ 21861 CÔNG TY XĂNG DẦU NGHỆ AN	1111		90.909
58	CM007/01	10/01/25	Nộp tiền TK Hồ Thị Kim Ngân	1121ACB1	12.000.000	
58	CM007/01	10/01/25	Nộp tiền TK Hồ Thị Kim Ngân	1111		12.000.000
...	...	...	...	...	...	...
106	XH1015/01	21/01/25	Xuất hàng - HĐ 00000013 CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH PHỦ SA ĐỎ	632	2.252.001	
106	XH1015/01	21/01/25	Xuất hàng - HĐ 00000013 CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH PHỦ SA ĐỎ	155		2.252.001
107	CG004/01	22/01/25	TT vay NH Sacombank	635	16.073.598	
107	CG004/01	22/01/25	TT vay NH Sacombank	1121SAC1		16.073.598
148	KH0010125	31/01/25	Khấu hao 210601 tháng 01/2025.	6422	3.464.735	
148	KH0010125	31/01/25	Khấu hao 210601 tháng 01/2025.	2141		3.464.735
149	KH0020125	31/01/25	Khấu hao 210605 tháng 01/2025.	6422	3.882.575	
149	KH0020125	31/01/25	Khấu hao 210605 tháng 01/2025.	2141		3.882.575
150	KH0030125	31/01/25	Khấu hao 211021 tháng 01/2025.	6422	5.165.909	
150	KH0030125	31/01/25	Khấu hao 211021 tháng 01/2025.	2141		5.165.909
151	KH0040125	31/01/25	Khấu hao 211229 tháng 01/2025.	6422	3.115.858	
151	KH0040125	31/01/25	Khấu hao 211229 tháng 01/2025.	2141		3.115.858
152	KH0050125	31/01/25	Khấu hao 220119 tháng 01/2025.	6422	16.664.957	
152	KH0050125	31/01/25	Khấu hao 220119 tháng 01/2025.	2141		16.664.957
152	KH0050125	31/01/25	Khấu hao 220119 tháng 01/2025.	811	4.305.166	
152	KH0050125	31/01/25	Khấu hao 220119 tháng 01/2025.	2141		4.305.166
153	KH0060125	31/01/25	Khấu hao 220121 tháng 01/2025.	6422	777.778	
153	KH0060125	31/01/25	Khấu hao 220121 tháng 01/2025.	2141		777.778
154	PB0070125	31/01/25	Phân bổ 23CKS tháng 01/2025.	6422	62.500	
154	PB0070125	31/01/25	Phân bổ 23CKS tháng 01/2025.	24222		62.500
...	...	...	...	...	...	...
279	KH0050225	28/02/25	Khấu hao 220119 tháng 02/2025.	6422	16.664.957	
279	KH0050225	28/02/25	Khấu hao 220119 tháng 02/2025.	2141		16.664.957
279	KH0050225	28/02/25	Khấu hao 220119 tháng 02/2025.	811	4.305.166	
279	KH0050225	28/02/25	Khấu hao 220119 tháng 02/2025.	2141		4.305.166
280	KH0060225	28/02/25	Khấu hao 220121 tháng 02/2025.	6422	777.778	
280	KH0060225	28/02/25	Khấu hao 220121 tháng 02/2025.	2141		777.778
281	PB0070225	28/02/25	Phân bổ 23CKS tháng 02/2025.	6422	62.500	
281	PB0070225	28/02/25	Phân bổ 23CKS tháng 02/2025.	24222		62.500
...	...	...	...	...	...	...
463	KH0050325	31/03/25	Khấu hao 220119 tháng 03/2025.	6422	16.664.957	
463	KH0050325	31/03/25	Khấu hao 220119 tháng 03/2025.	2141		16.664.957
463	KH0050325	31/03/25	Khấu hao 220119 tháng 03/2025.	811	4.305.166	
463	KH0050325	31/03/25	Khấu hao 220119 tháng 03/2025.	2141		4.305.166
464	KH0060325	31/03/25	Khấu hao 220121 tháng 03/2025.	6422	777.778	
464	KH0060325	31/03/25	Khấu hao 220121 tháng 03/2025.	2141		777.778
465	PB0070325	31/03/25	Phân bổ 23CKS tháng 03/2025.	6422	62.500	
465	PB0070325	31/03/25	Phân bổ 23CKS tháng 03/2025.	24222		62.500
...	...	...	...	...	...	...
647	KH0050425	30/04/25	Khấu hao 220119 tháng 04/2025.	6422	16.664.957	
647	KH0050425	30/04/25	Khấu hao 220119 tháng 04/2025.	2141		16.664.957
647	KH0050425	30/04/25	Khấu hao 220119 tháng 04/2025.	811	4.305.166	
647	KH0050425	30/04/25	Khấu hao 220119 tháng 04/2025.	2141		4.305.166
648	KH0060425	30/04/25	Khấu hao 220121 tháng 04/2025.	6422	777.778	
648	KH0060425	30/04/25	Khấu hao 220121 tháng 04/2025.	2141		777.778
649	PB0070425	30/04/25	Phân bổ 23CKS tháng 04/2025.	6422	62.500	
649	PB0070425	30/04/25	Phân bổ 23CKS tháng 04/2025.	24222		62.500
650	TH002/04	30/04/25	Trích thuế TNCN HDDV T04 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL	6422	60.000	

650	TH002/04	30/04/25	Trích thuế TNCN HDDV T04 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL	3335		60.000
...	...	...	...	...	...	...
919	KH0040525	31/05/25	Khấu hao 211229 tháng 05/2025.	6422	3.115.858	
919	KH0040525	31/05/25	Khấu hao 211229 tháng 05/2025.	2141		3.115.858
920	KH0050525	31/05/25	Khấu hao 220119 tháng 05/2025.	6422	16.664.957	
920	KH0050525	31/05/25	Khấu hao 220119 tháng 05/2025.	2141		16.664.957
920	KH0050525	31/05/25	Khấu hao 220119 tháng 05/2025.	811	4.305.166	
920	KH0050525	31/05/25	Khấu hao 220119 tháng 05/2025.	2141		4.305.166
921	KH0060525	31/05/25	Khấu hao 220121 tháng 05/2025.	6422	777.778	
921	KH0060525	31/05/25	Khấu hao 220121 tháng 05/2025.	2141		777.778
922	PB0070525	31/05/25	Phân bổ 23CKS tháng 05/2025.	6422	62.500	
922	PB0070525	31/05/25	Phân bổ 23CKS tháng 05/2025.	24222		62.500
923	TH003/05	31/05/25	Trích thuế TNCN HDDV T05 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL	6422	60.000	
1191	KH0040625	30/06/25	Khấu hao 211229 tháng 06/2025.	6422	3.115.857	
1191	KH0040625	30/06/25	Khấu hao 211229 tháng 06/2025.	2141		3.115.857
1192	KH0050625	30/06/25	Khấu hao 220119 tháng 06/2025.	6422	16.664.957	
1192	KH0050625	30/06/25	Khấu hao 220119 tháng 06/2025.	2141		16.664.957
1192	KH0050625	30/06/25	Khấu hao 220119 tháng 06/2025.	811	4.305.166	
1192	KH0050625	30/06/25	Khấu hao 220119 tháng 06/2025.	2141		4.305.166
1193	KH0060625	30/06/25	Khấu hao 220121 tháng 06/2025.	6422	777.778	
1193	KH0060625	30/06/25	Khấu hao 220121 tháng 06/2025.	2141		777.778
1194	PB0070625	30/06/25	Phân bổ 23CKS tháng 06/2025.	6422	62.500	
1194	PB0070625	30/06/25	Phân bổ 23CKS tháng 06/2025.	24222		62.500
1195	TH001/06	30/06/25	Kc thuế GTGT Q2 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL	33311	999.974.314	
1195	TH001/06	30/06/25	Kc thuế GTGT Q2 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL	1331		999.974.314
...	...	...	...	...	...	...
1423	KH0040725	31/07/25	Khấu hao 211229 tháng 07/2025.	6422	3.115.858	
1423	KH0040725	31/07/25	Khấu hao 211229 tháng 07/2025.	2141		3.115.858
1424	KH0050725	31/07/25	Khấu hao 220119 tháng 07/2025.	6422	16.664.957	
1424	KH0050725	31/07/25	Khấu hao 220119 tháng 07/2025.	2141		16.664.957
1424	KH0050725	31/07/25	Khấu hao 220119 tháng 07/2025.	811	4.305.166	
1424	KH0050725	31/07/25	Khấu hao 220119 tháng 07/2025.	2141		4.305.166
1425	KH0060725	31/07/25	Khấu hao 220121 tháng 07/2025.	6422	777.777	
1425	KH0060725	31/07/25	Khấu hao 220121 tháng 07/2025.	2141		777.777
1426	PB0070725	31/07/25	Phân bổ 23CKS tháng 07/2025.	6422	62.500	
1426	PB0070725	31/07/25	Phân bổ 23CKS tháng 07/2025.	24222		62.500
1427	TH002/07	31/07/25	Trích thuế TNCN HDDV T07 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL	6422	60.000	
1427	TH002/07	31/07/25	Trích thuế TNCN HDDV T07 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL	3335		60.000
...	...	...	...	...	...	...
1594	KH0040825	31/08/25	Khấu hao 211229 tháng 08/2025.	6422	3.115.857	
1594	KH0040825	31/08/25	Khấu hao 211229 tháng 08/2025.	2141		3.115.857
1595	KH0050825	31/08/25	Khấu hao 220119 tháng 08/2025.	6422	16.664.957	
1595	KH0050825	31/08/25	Khấu hao 220119 tháng 08/2025.	2141		16.664.957
1595	KH0050825	31/08/25	Khấu hao 220119 tháng 08/2025.	811	4.305.166	
1595	KH0050825	31/08/25	Khấu hao 220119 tháng 08/2025.	2141		4.305.166
1596	KH0060825	31/08/25	Khấu hao 220121 tháng 08/2025.	6422	777.778	
1596	KH0060825	31/08/25	Khấu hao 220121 tháng 08/2025.	2141		777.778
1597	PB0070825	31/08/25	Phân bổ 23CKS tháng 08/2025.	6422	62.500	
1597	PB0070825	31/08/25	Phân bổ 23CKS tháng 08/2025.	24222		62.500
1598	TH002/08	31/08/25	Trích thuế TNCN HDDV T08 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL	6422	60.000	
1598	TH002/08	31/08/25	Trích thuế TNCN HDDV T08 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL	3335		60.000
...	...	...	...	...	...	...
1661	CG002/09	10/09/25	TT lãi vay NH ACB - CN Đà Nẵng	635	5.350.685	
1661	CG002/09	10/09/25	TT lãi vay NH ACB - CN Đà Nẵng	1121ACB1		5.350.685
1662	CG006/09	10/09/25	Nộp thuế tiền chậm nộp Chi cục thuế Quận Cẩm Lệ	811	5.545	
1662	CG006/09	10/09/25	Nộp thuế tiền chậm nộp Chi cục thuế Quận Cẩm Lệ	1121SAC1		5.545
...	...	...	...	...	...	...
1745	TG010/09	30/09/25	Lãi TK NH Sacombank	1121SAC1	644	
1745	TG010/09	30/09/25	Lãi TK NH Sacombank	515		644
1746	TM008/09	30/09/25	Rút tiền gửi nhập quỹ Hồ Thị Kim Ngân	1111	110.000.000	
1746	TM008/09	30/09/25	Rút tiền gửi nhập quỹ Hồ Thị Kim Ngân	1121ACB1		110.000.000
...	...	...	...	...	...	...
1773	KH0040925	30/09/25	Khấu hao 211229 tháng 09/2025.	6422	3.115.858	
1773	KH0040925	30/09/25	Khấu hao 211229 tháng 09/2025.	2141		3.115.858

1773	KH0040925	30/09/25	Khấu hao 211229 tháng 09/2025.	2141		3.115.858
1774	KH0050925	30/09/25	Khấu hao 220119 tháng 09/2025.	6422	16.664.957	
1774	KH0050925	30/09/25	Khấu hao 220119 tháng 09/2025.	2141		16.664.957
1774	KH0050925	30/09/25	Khấu hao 220119 tháng 09/2025.	811	4.305.166	
1774	KH0050925	30/09/25	Khấu hao 220119 tháng 09/2025.	2141		4.305.166
1775	KH0060925	30/09/25	Khấu hao 220121 tháng 09/2025.	6422	777.777	
1775	KH0060925	30/09/25	Khấu hao 220121 tháng 09/2025.	2141		777.777
1776	PB0070925	30/09/25	Phân bổ 23CKS tháng 09/2025.	6422	62.500	
1776	PB0070925	30/09/25	Phân bổ 23CKS tháng 09/2025.	24222		62.500
1777	TH003/09	30/09/25	Trích thuế TNCN HDDV T09 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL	6422	60.000	
1777	TH003/09	30/09/25	Trích thuế TNCN HDDV T09 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL	3335		60.000
1778	TH004/09	30/09/25	Kc thuế GTGT Q3 CÔNG TY CP ĐT & PT DEVEL	33311	804.594.787	
1778	TH004/09	30/09/25	Kc thuế GTGT Q3 CÔNG TY CP ĐT & PT DEVEL	1331		804.594.787
...	...	...	...	...	...	...
1955	KH0041025	31/10/25	Khấu hao 211229 tháng 10/2025.	6422	3.115.857	
1955	KH0041025	31/10/25	Khấu hao 211229 tháng 10/2025.	2141		3.115.857
1956	KH0051025	31/10/25	Khấu hao 220119 tháng 10/2025.	6422	16.664.957	
1956	KH0051025	31/10/25	Khấu hao 220119 tháng 10/2025.	2141		16.664.957
1956	KH0051025	31/10/25	Khấu hao 220119 tháng 10/2025.	811	4.305.166	
1956	KH0051025	31/10/25	Khấu hao 220119 tháng 10/2025.	2141		4.305.166
1957	KH0061025	31/10/25	Khấu hao 220121 tháng 10/2025.	6422	777.778	
1957	KH0061025	31/10/25	Khấu hao 220121 tháng 10/2025.	2141		777.778
1958	PB0071025	31/10/25	Phân bổ 23CKS tháng 10/2025.	6422	62.500	
1958	PB0071025	31/10/25	Phân bổ 23CKS tháng 10/2025.	24222		62.500
1959	TH002/10	31/10/25	CP lương & BHXH T10 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL	334	60.000	
1959	TH002/10	31/10/25	CP lương & BHXH T10 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL	3335		60.000
...	...	...	...	...	...	...
2137	KH0041125	30/11/25	Khấu hao 211229 tháng 11/2025.	6422	3.115.858	
2137	KH0041125	30/11/25	Khấu hao 211229 tháng 11/2025.	2141		3.115.858
2138	KH0051125	30/11/25	Khấu hao 220119 tháng 11/2025.	6422	16.664.957	
2138	KH0051125	30/11/25	Khấu hao 220119 tháng 11/2025.	2141		16.664.957
2138	KH0051125	30/11/25	Khấu hao 220119 tháng 11/2025.	811	4.305.166	
2138	KH0051125	30/11/25	Khấu hao 220119 tháng 11/2025.	2141		4.305.166
2139	KH0061125	30/11/25	Khấu hao 220121 tháng 11/2025.	6422	777.777	
2139	KH0061125	30/11/25	Khấu hao 220121 tháng 11/2025.	2141		777.777
2140	PB0071125	30/11/25	Phân bổ 23CKS tháng 11/2025.	6422	62.500	
2140	PB0071125	30/11/25	Phân bổ 23CKS tháng 11/2025.	24222		62.500
2141	TH003/11	30/11/25	CP lương & BHXH T11 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL	334	60.000	
2141	TH003/11	30/11/25	CP lương & BHXH T11 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL	3335		60.000
...	...	...	...	...	...	...
2461	NH1029/12	30/12/25	Nhập hàng - HĐ 592 Công ty TNHH Hoá chất Petrolimex	156	46.800.000	
2461	NH1029/12	30/12/25	Nhập hàng - HĐ 592 Công ty TNHH Hoá chất Petrolimex	331		46.800.000
2461	NH1029/12	30/12/25	Thuế GTGT Nhập hàng - HĐ 592 Công ty TNHH Hoá chất Petrolimex	1331	3.744.000	
2461	NH1029/12	30/12/25	Thuế GTGT Nhập hàng - HĐ 592 Công ty TNHH Hoá chất Petrolimex	331		3.744.000

2461	NH1029/12	30/12/25	Thuế GTGT Nhập hàng - HĐ 592 Công ty TNHH Hoá chất Petrolimex	331		3.744.000
2462	TH002/12	31/12/25	CP lương & BHXH T12 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL	6422	60.607.767	
2462	TH002/12	31/12/25	CP lương & BHXH T12 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL	334		60.607.767
2462	TH002/12	31/12/25	CP lương & BHXH T12 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL	334	3.042.472	
2462	TH002/12	31/12/25	CP lương & BHXH T12 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL	3383		3.042.472
2462	TH002/12	31/12/25	CP lương & BHXH T12 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL	334	570.467	
2462	TH002/12	31/12/25	CP lương & BHXH T12 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL	3384		570.467
2462	TH002/12	31/12/25	CP lương & BHXH T12 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL	334	380.309	
2462	TH002/12	31/12/25	CP lương & BHXH T12 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL	3385		380.309
2462	TH002/12	31/12/25	CP lương & BHXH T12 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL	6422	6.655.411	
2462	TH002/12	31/12/25	CP lương & BHXH T12 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL	3383		6.655.411
2462	TH002/12	31/12/25	CP lương & BHXH T12 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL	6422	1.140.927	
2462	TH002/12	31/12/25	CP lương & BHXH T12 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL	3384		1.140.927
2462	TH002/12	31/12/25	CP lương & BHXH T12 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL	6422	380.309	
2462	TH002/12	31/12/25	CP lương & BHXH T12 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL	3385		380.309
2463	CM029/12	31/12/25	TT Kiểm định xe ô tô tải - HĐ 00016902 CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐBL	6422	263.636	
2463	CM029/12	31/12/25	TT Kiểm định xe ô tô tải - HĐ 00016902 CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐBL	1111		263.636
2463	CM029/12	31/12/25	TT Kiểm định xe ô tô tải - HĐ 00016902 CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐBL	1331	21.091	
2463	CM029/12	31/12/25	TT Kiểm định xe ô tô tải - HĐ 00016902 CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐBL	1111		21.091
...	...	...	...	...	...	...
2474	TG052/12	31/12/25	Lãi TK Ngân hàng MSB - CN Đà Nẵng	1121MSB	13	
2474	TG052/12	31/12/25	Lãi TK Ngân hàng MSB - CN Đà Nẵng	515		13
2475	TM043/12	31/12/25	Thu tiền Xuất hàng - HĐ 00000401 CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NHẬT MINH NGUYỄN	1111	4.800.600	
2475	TM043/12	31/12/25	Thu tiền Xuất hàng - HĐ 00000401 CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NHẬT MINH NGUYỄN	131		4.800.600
2476	TM046/12	31/12/25	Thu tiền Xuất hàng - HĐ 00000399 CÔNG TY TNHH THÀNH PHÁT QUẢNG BÌNH	1111	4.920.750	
2476	TM046/12	31/12/25	Thu tiền Xuất hàng - HĐ 00000399 CÔNG TY TNHH THÀNH PHÁT QUẢNG BÌNH	131		4.920.750
...	...	...	...	...	...	...

...	...	...	...	...	...	...
2480	XH1061/12	31/12/25	Xuất hàng - HD 00000401 CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NHẬT MINH NGUYỄN	131	4.445.000	
2480	XH1061/12	31/12/25	Xuất hàng - HD 00000401 CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NHẬT MINH NGUYỄN	5111		4.445.000
2480	XH1061/12	31/12/25	Thuế GTGT Xuất hàng - HD 00000401 CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NHẬT MINH NGUYỄN	131	355.600	
2480	XH1061/12	31/12/25	Thuế GTGT Xuất hàng - HD 00000401 CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NHẬT MINH NGUYỄN	33311		355.600
2480	XH1061/12	31/12/25	Xuất hàng - HD 00000401 CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NHẬT MINH NGUYỄN	632	4.232.543	
2480	XH1061/12	31/12/25	Xuất hàng - HD 00000401 CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NHẬT MINH NGUYỄN	155		2.862.543
2480	XH1061/12	31/12/25	Xuất hàng - HD 00000401 CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG NHẬT MINH NGUYỄN	156		1.370.000
2481	XH1062/12	31/12/25	Xuất hàng - HD 00000402 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP NAM HẢI ĐĂNG	131	18.518.518	
...	...	...	...	...	...	...
2486	KH0041225	31/12/25	Khấu hao 211229 tháng 12/2025.	6422	3.115.857	
2486	KH0041225	31/12/25	Khấu hao 211229 tháng 12/2025.	2141		3.115.857
2487	KH0051225	31/12/25	Khấu hao 220119 tháng 12/2025.	6422	16.664.957	
2487	KH0051225	31/12/25	Khấu hao 220119 tháng 12/2025.	2141		16.664.957
2487	KH0051225	31/12/25	Khấu hao 220119 tháng 12/2025.	811	4.305.166	
2487	KH0051225	31/12/25	Khấu hao 220119 tháng 12/2025.	2141		4.305.166
2488	KH0061225	31/12/25	Khấu hao 220121 tháng 12/2025.	6422	777.778	
2488	KH0061225	31/12/25	Khấu hao 220121 tháng 12/2025.	2141		777.778
2489	PB0071225	31/12/25	Phân bổ 23CKS tháng 12/2025.	6422	62.500	
2489	PB0071225	31/12/25	Phân bổ 23CKS tháng 12/2025.	24222		62.500
2490	TH002/12	31/12/25	CP lương & BHXH T12 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL	334	60.000	
2490	TH002/12	31/12/25	CP lương & BHXH T12 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL	3335		60.000
2491	TH003/12	31/12/25	KC thuế GTGT Q4 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL	33311	675.234.639	
2491	TH003/12	31/12/25	KC thuế GTGT Q4 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DEVEL	1331		675.234.639
2492	KC001/12	31/12/25	K.c doanh thu bán hàng hoá	5111	2.597.640.159	
2492	KC001/12	31/12/25	K.c doanh thu bán hàng hoá	911		2.597.640.159
2493	KC002/12	31/12/25	k.c doanh thu hoạt động tài chính	515	10.747	
2493	KC002/12	31/12/25	k.c doanh thu hoạt động tài chính	911		10.747
2494	KC003/12	31/12/25	K.c giá vốn hàng bán	911	2.502.323.614	
2494	KC003/12	31/12/25	K.c giá vốn hàng bán	632		2.502.323.614
2495	KC004/12	31/12/25	K.c Chi phí tài chính	911	74.066.372	
2495	KC004/12	31/12/25	K.c Chi phí tài chính	635		74.066.372
2496	KC005/12	31/12/25	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911	104.151.744	
2496	KC005/12	31/12/25	K.c Chi phí quản lý doanh nghiệp	6422		104.151.744
2497	KC006/12	31/12/25	K.c chi phí nghiệp vụ tài chính	911	4.322.055	
2497	KC006/12	31/12/25	K.c chi phí nghiệp vụ tài chính	811		4.322.055
2498	KC007/12	31/12/25	K.c lỗ kinh doanh trong kỳ	4212	87.212.879	
2498	KC007/12	31/12/25	K.c lỗ kinh doanh trong kỳ	911		87.212.879
			Tổng cộng số phát sinh		3,64732E+11	3,64732E+11
Ngày mở sổ: 01/01/2025			Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Người lập biểu			Kế toán trưởng		Giám đốc	
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)	

Bảng 19 : Sổ nhật ký chung

CHƯƠNG 3: NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel.

Trải qua một thời gian được thực tập tại phòng kế toán của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel, có cơ hội được tiếp xúc và làm quen với sổ sách, chứng từ kế toán tại công ty, cùng với khối lượng kiến thức đã được học 4 năm qua, em thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã cung cấp những thông tin cần thiết cho công tác quản lý kinh doanh của công ty. Đồng thời các thông tin do bộ phận kế toán cung cấp thường nhanh chóng, đầy đủ, kịp thời và chính xác giúp cho việc kiểm tra đối chiếu số liệu và lập các báo cáo kế toán được thuận lợi, dễ dàng hơn. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế nhất định. Em xin đưa ra những quan điểm về những bất cập mà Công ty đang còn gặp phải trong quá trình hoạt động kinh doanh như sau:

3.1.1. Ưu điểm.

- Về đội ngũ nhân viên: Đội ngũ cán bộ nhân viên công ty có đủ năng lực chuyên môn, giàu kinh nghiệm, nhiệt tình,... đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao trong môi trường sản xuất kinh doanh, cạnh tranh khốc liệt và ngày càng khắt khe như hiện nay.
- Về bộ máy kế toán: Bộ máy kế toán của công ty khá gọn nhẹ, rõ ràng và hiệu quả. Có sự phân công rõ ràng các nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong phòng kế toán. Qua đó, góp phần xác định rõ trách nhiệm của từng thành viên và tăng cường hoạt động quản lý tài chính. Đồng thời, bộ phận kế toán đã luôn cập nhật thông tin và chế độ kế toán mới nhất để tuân thủ tốt những yêu cầu mà cơ quan thuế và nhà nước ban hành.
- Về phần mềm kế toán: Việc lựa chọn sử dụng phần mềm kế toán Việt Đà đã hỗ trợ rất nhiều cho công tác kế toán, rất thuận lợi cho công tác nhập thông tin, xử lý và lưu trữ thông tin. Cụ thể: giảm bớt khối lượng công việc cho kế toán; dễ dàng quan sát và theo dõi số liệu; ... Thay vì ghi sổ và kết chuyển theo hình thức thủ công, vừa mất rất nhiều thời gian mà hiệu quả mang lại cũng không lớn, dễ bị sai sót. Với việc sử dụng phần mềm kế toán, kế toán chỉ việc nhập liệu ban đầu vào, phần mềm kế toán sẽ tự kết chuyển và cập nhật tự động số liệu vào các sổ thẻ có liên quan và cho ra kết quả chính xác nhất.
- Về hình thức ghi sổ: Công ty áp dụng hình thức ghi sổ Nhật ký chung trên phần mềm Việt Đà để ghi sổ kế toán, đây là hình thức ghi sổ theo một trình tự ghi chép khá đơn giản, kết cấu mẫu số dễ dàng ghi chép, kiểm tra cũng như đối chiếu.

- Về chính sách và chế độ kế toán áp dụng: các chính sách và chế độ kế toán của công ty được xây dựng dựa trên hệ thống và chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành. Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC phù hợp với đặc điểm hoạt động của công ty, góp phần thuận lợi cho công tác hạch toán tại công ty.

3.1.2. Hạn chế.

Bên cạnh những ưu điểm thì tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của công ty còn tồn tại một số hạn chế, cụ thể:

- Về chính sách bán hàng: Hiện nay công ty hầu như chưa thực hiện các chính sách ưu đãi cho khách hàng như chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán. Hạn chế này sẽ làm giảm đi khả năng tiêu thụ và mở rộng thị trường của công ty trong môi trường cạnh tranh cao như hiện nay.

- Về sổ chi tiết từng loại mặt hàng: Việc công ty chưa mở sổ chi tiết cho từng loại sản phẩm, hàng hóa sẽ gây khó khăn cho việc kiểm tra và giám sát được lượng hàng trong kho, cũng như khó đánh giá được chi tiết các kết quả kinh doanh đạt được của từng loại sản phẩm, hàng hóa đó.

- Về phần mềm kế toán: Tuy lợi ích mà phần mềm kế toán Việt Đà mang lại rất lớn, nhưng trên thực tế thì phần mềm sẽ có kết cấu khá phức tạp, nên đòi hỏi người dùng cần hiểu và nắm bắt được quy trình hạch toán trên phần mềm. Cụ thể: khi hạch toán xong muốn xem bảng cân đối tài khoản phải thao tác ấn kết chuyển thì mới hiện ra đúng số tiền; đôi khi sẽ không kết xuất số liệu sang phần mềm hỗ trợ thuế HTKK. Cũng như hạch toán chính xác các thông tin trên chứng từ, sổ sách để phần mềm kế toán cập nhật số liệu trên các sổ và lập BCTC được chuẩn xác nhất, vì thế kế toán viên cần đối chiếu, kiểm tra số liệu thật kỹ.

- Về công tác luân chuyển chứng từ: Mặc dù công ty đã xây dựng quy trình luân chuyển chứng từ tương đối đầy đủ, tuy nhiên trong một số trường hợp việc chuyển chứng từ giữa các bộ phận còn chậm, đặc biệt là vào thời điểm cuối tháng hoặc cuối quý khi khối lượng công việc tăng cao.

Một số chứng từ phát sinh chưa được chuyển về phòng kế toán kịp thời dẫn đến việc ghi nhận nghiệp vụ đôi khi chưa đảm bảo tính kịp thời. Điều này có thể ảnh hưởng đến tiến độ tổng hợp số liệu và lập báo cáo tài chính.

- Về công tác quản lý công nợ: Công ty có phát sinh một số khoản công nợ kéo dài do khách hàng thanh toán chậm. Việc theo dõi và đôn đốc thu hồi công nợ tuy đã được thực hiện nhưng chưa thật sự hiệu quả.

Trong bối cảnh thị trường cạnh tranh, việc cho khách hàng nợ nhằm duy trì quan hệ kinh doanh là điều cần thiết, tuy nhiên nếu không có biện pháp quản lý phù hợp sẽ làm tăng rủi ro nợ khó đòi và ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

- Về công tác kiểm soát chi phí: Một số khoản chi phí phát sinh tại doanh nghiệp vẫn chưa được kiểm soát chặt chẽ, đặc biệt là các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bằng tiền khác. Việc phân tích biến động chi phí giữa các kỳ chưa được thực hiện thường xuyên nên công ty chưa đánh giá đầy đủ nguyên nhân làm tăng hoặc giảm chi phí để có biện pháp điều chỉnh phù hợp.

Bên cạnh đó, công ty chưa xây dựng hệ thống dự toán chi phí cụ thể cho từng bộ phận nên còn gặp khó khăn trong việc kiểm soát mức độ sử dụng chi phí thực tế.

- Về việc trích lập dự phòng: Công ty chưa thực hiện đầy đủ việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ có khả năng mất vốn. Điều này có thể ảnh hưởng đến tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính.

Ngoài ra, việc đánh giá khả năng thu hồi công nợ chủ yếu dựa trên kinh nghiệm thực tế mà chưa có quy trình đánh giá cụ thể nên tiềm ẩn nhiều rủi ro trong công tác quản lý tài chính.

- Về sổ sách kế toán: Qua quá trình đối chiếu số liệu kế toán, nhận thấy số phát sinh của TK 635 – Chi phí tài chính trên sổ kế toán chưa hoàn toàn thống nhất với số liệu trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Sự chênh lệch số liệu có thể xuất phát từ việc hạch toán chưa đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh, nhầm lẫn, sai sót của kế toán trong quá trình kết chuyển cuối kỳ hoặc chưa thực hiện đối chiếu thường xuyên giữa sổ kế toán và báo cáo tài chính trước khi lập báo cáo. Điều này có thể ảnh hưởng đến độ chính xác của thông tin tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có một vai trò quan trọng trong việc quản lý công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, sẽ cung cấp những thông tin kịp thời, trung thực và đầy đủ giúp lãnh đạo công ty thấy được thực tế hoạt động bán hàng, lợi nhuận và chi phí từ đó phân tích những điểm mạnh, yếu để công ty có phương hướng tiếp tục đầu tư và phát triển hơn.

Trong thời gian thực tập tìm hiểu tình hình hình thực tế về công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel, kết hợp với những kiến thức về mặt lý luận đã được học trong nhà trường đã giúp em hiểu biết sâu sắc hơn tầm quan trọng của việc hoàn thiện kế toán nói chung và hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng của công ty.

Bên cạnh đó công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh vẫn không tránh khỏi những tồn tại, những vấn đề chưa hợp lý cần khắc phục. Kết hợp với những kiến thức đã được học và tình hình thực tế của công ty.

Sau đây em xin đưa ra một số ý kiến đề xuất với mong muốn góp phần hoàn thiện hơn về kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của công ty cụ thể như sau:

- *Về chính sách bán hàng:*

Hiện nay trên thị trường Đà Nẵng cũng như trên cả nước càng có nhiều công ty kinh doanh cùng ngành nghề với công ty, nên tình hình cạnh tranh diễn ra gay gắt. Công ty hiện đang có vài khách hàng truyền thống lớn, thường mua hàng với số lượng lớn. Chính vì vậy, công ty nên áp dụng các phương thức chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho khách hàng để có thể “giữ chân” khách hàng và thêm vào đó có thể thu hồi công nợ nhanh hơn.

- *Về hệ thống tài khoản:* Công ty nên mở các sổ chi tiết 5112, 6421 để dễ dàng theo dõi cho từng chi phí,...cụ thể:

- Mở thêm sổ TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm.

- Mở thêm sổ TK 6421: Chi phí bán hàng.

+ Giải pháp mở sổ chi tiết TK 6421 để dễ dàng quản lý, phân thành 2 bộ phận bán hàng và doanh nghiệp riêng biệt.

+ Mở sổ chi tiết TK 6421 để khi hạch toán lương cho 2 nhân viên giao hàng đưa vào sổ chi tiết bán hàng, xăng xe của xe tải giao hàng.

- *Hoàn thiện công tác luân chuyển và kiểm tra chứng từ:*

Công ty cần xây dựng quy trình luân chuyển chứng từ chặt chẽ và khoa học hơn nhằm đảm bảo chứng từ được chuyển về phòng kế toán kịp thời, đầy đủ và chính xác.

Các bộ phận liên quan cần phối hợp chặt chẽ với phòng kế toán trong việc cung cấp chứng từ phát sinh. Đối với các chứng từ liên quan đến doanh thu và chi phí, cần quy định rõ thời gian nộp chứng từ nhằm tránh tình trạng dồn chứng từ vào cuối kỳ.

Ngoài ra, kế toán cần tăng cường công tác kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của chứng từ trước khi ghi nhận vào sổ kế toán nhằm hạn chế sai sót và tránh rủi ro liên quan đến thuế.

Công ty cũng nên đẩy mạnh việc số hóa chứng từ kế toán để thuận tiện cho công tác lưu trữ, tra cứu và quản lý dữ liệu.

- *Tăng cường công tác quản lý công nợ phải thu*

Để hạn chế rủi ro nợ xấu và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, công ty cần xây dựng chính sách quản lý công nợ khách hàng chặt chẽ hơn.

Trước khi ký kết hợp đồng, công ty nên đánh giá khả năng tài chính và uy tín thanh toán của khách hàng nhằm hạn chế phát sinh công nợ khó đòi.

Kế toán cần thường xuyên theo dõi thời hạn thanh toán của từng khoản nợ, lập bảng phân tích tuổi nợ và chủ động nhắc nhở khách hàng thanh toán đúng hạn.

Đối với các khoản nợ kéo dài, công ty cần có biện pháp xử lý kịp thời như gửi công văn nhắc nợ, làm việc trực tiếp với khách hàng hoặc áp dụng các biện pháp pháp lý nếu cần thiết.

Ngoài ra, công ty nên thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo đúng quy định nhằm phản ánh trung thực tình hình tài chính của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí

Công ty cần xây dựng kế hoạch và dự toán chi phí cụ thể cho từng bộ phận, từng hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả kiểm soát chi phí.

Việc lập dự toán chi phí sẽ giúp doanh nghiệp chủ động trong công tác quản lý tài chính, đồng thời là cơ sở để so sánh và đánh giá mức độ thực hiện chi phí thực tế.

Kế toán cần thường xuyên phân tích biến động chi phí giữa các kỳ để xác định nguyên nhân tăng giảm và đề xuất biện pháp tiết kiệm chi phí phù hợp.

Đối với các khoản chi phí bằng tiền khác như chi phí tiếp khách, công tác phí, chi phí văn phòng,... công ty cần ban hành quy chế chi tiêu nội bộ rõ ràng nhằm tránh phát sinh các khoản chi không cần thiết.

Ngoài ra, công ty nên đẩy mạnh việc sử dụng công nghệ thông tin và các phần mềm quản lý nhằm giảm thiểu chi phí vận hành và nâng cao hiệu quả làm việc.

- Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu

Kế toán doanh thu cần tiếp tục theo dõi chi tiết doanh thu theo từng khách hàng, từng hợp đồng và từng loại hình dịch vụ nhằm phục vụ tốt hơn cho công tác quản trị.

Công ty nên tăng cường đối chiếu doanh thu với công nợ phải thu để đảm bảo tính chính xác của số liệu kế toán.

Ngoài ra, kế toán cần kiểm tra chặt chẽ việc xuất hóa đơn nhằm tránh tình trạng ghi nhận doanh thu sai kỳ hoặc sai giá trị.

Trong bối cảnh hóa đơn điện tử được áp dụng phổ biến, công ty cần thường xuyên cập nhật các quy định mới liên quan đến hóa đơn và thuế để đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Nâng cao chất lượng công tác xác định kết quả kinh doanh

Công tác xác định kết quả kinh doanh cần được thực hiện chính xác và kịp thời nhằm cung cấp thông tin đầy đủ cho Ban lãnh đạo.

Kế toán cần thực hiện đầy đủ các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí vào cuối kỳ để đảm bảo xác định đúng lợi nhuận của doanh nghiệp.

Bên cạnh việc lập báo cáo tài chính, công ty nên xây dựng thêm các báo cáo quản trị nội bộ liên quan đến doanh thu, chi phí và lợi nhuận theo từng bộ phận hoặc từng lĩnh vực hoạt động.

Việc phân tích kết quả kinh doanh theo từng kỳ sẽ giúp Ban lãnh đạo đánh giá hiệu quả hoạt động và đưa ra các quyết định kinh doanh phù hợp.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán

Trong thời đại chuyển đổi số hiện nay, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán là yêu cầu cần thiết đối với mọi doanh nghiệp.

Công ty cần thường xuyên nâng cấp phần mềm kế toán để đáp ứng nhu cầu quản lý ngày càng cao và phù hợp với các quy định mới của Nhà nước.

Ngoài ra, công ty nên tích hợp phần mềm kế toán với các bộ phận khác như bán hàng, kho và ngân hàng nhằm nâng cao tính liên kết và đồng bộ dữ liệu.

Việc sử dụng phần mềm quản lý hiện đại không chỉ giúp giảm khối lượng công việc thủ công mà còn hỗ trợ cung cấp thông tin nhanh chóng, chính xác cho Ban lãnh đạo.

- Nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ kế toán

Nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định chất lượng công tác kế toán. Vì vậy, công ty cần chú trọng hơn nữa đến công tác đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ cho nhân viên kế toán.

Công ty nên tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa học, hội thảo hoặc chương trình tập huấn liên quan đến kế toán, thuế và tài chính.

Bên cạnh đó, kế toán viên cần chủ động cập nhật các quy định mới của pháp luật để nâng cao trình độ chuyên môn và đáp ứng yêu cầu công việc.

Việc nâng cao năng lực đội ngũ kế toán sẽ góp phần nâng cao chất lượng thông tin kế toán và hiệu quả quản lý tài chính tại doanh nghiệp.

- Tăng cường công tác kiểm tra và kiểm soát nội bộ

Công ty cần xây dựng cơ chế kiểm tra và kiểm soát nội bộ hiệu quả nhằm hạn chế sai sót và gian lận trong quá trình hạch toán kế toán, kiểm tra, đối chiếu kỹ càng số liệu giữa sổ chi tiết, sổ cái và các báo cáo tài chính trước khi thực hiện khóa sổ cuối kỳ. Cụ thể, đối với TK 635 – Chi phí tài chính, kế toán cần rà soát đầy đủ các khoản chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán, chênh lệch tỷ giá và các khoản chi phí tài chính khác nhằm đảm bảo được ghi nhận chính xác và đầy đủ. Bên cạnh đó, doanh nghiệp nên xây dựng quy trình đối chiếu số liệu định kỳ giữa phần mềm kế toán và báo cáo tài chính để kịp thời phát hiện và điều chỉnh các sai lệch phát sinh. Việc thực hiện tốt công tác này sẽ góp phần nâng cao tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính và hỗ trợ nhà quản lý trong việc đưa ra các quyết định kinh doanh hiệu quả hơn.

Ban lãnh đạo nên thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các quy trình kế toán, đối chiếu số liệu giữa các bộ phận và đánh giá hiệu quả hoạt động của từng phần hành kế toán.

Ngoài ra, công ty cần phân định rõ trách nhiệm của từng nhân viên nhằm nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm trong công việc.

Việc tăng cường kiểm soát nội bộ không chỉ giúp nâng cao độ tin cậy của thông tin kế toán mà còn góp phần bảo vệ tài sản và hạn chế rủi ro tài chính cho doanh nghiệp.

- Chủ động cập nhật các quy định mới của pháp luật kế toán và thuế:

Trong bối cảnh các chính sách kế toán và thuế thường xuyên thay đổi, công ty cần chủ động cập nhật các văn bản pháp luật mới nhằm đảm bảo thực hiện đúng quy định. Đặc biệt, với sự xuất hiện của Thông tư 99/2025/TT-BTC thay thế Thông tư 200, doanh nghiệp cần nghiên cứu kỹ các điểm mới để có sự chuẩn bị phù hợp trong quá trình áp dụng.

Phòng kế toán cần thường xuyên theo dõi thông tin từ cơ quan thuế, Bộ Tài chính và các tổ chức nghề nghiệp để cập nhật kịp thời những thay đổi liên quan đến công tác kế toán.

Việc áp dụng đúng và đầy đủ các quy định pháp luật không chỉ giúp doanh nghiệp hạn chế rủi ro về thuế mà còn nâng cao tính minh bạch và uy tín trong hoạt động kinh doanh.

- Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty

Bên cạnh việc hoàn thiện công tác kế toán, công ty cũng cần chú trọng đến việc nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh nhằm tăng doanh thu và lợi nhuận. Công ty nên mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng cường hoạt động marketing và chăm sóc khách hàng để nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Ngoài ra, doanh nghiệp cần xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt, phù hợp với nhu cầu của khách hàng và xu hướng thị trường. Việc quản lý tốt hàng tồn kho, công nợ và chi phí cũng là yếu tố quan trọng giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và cải thiện kết quả kinh doanh. Bên cạnh đó, công ty cần chú trọng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, tạo động lực cho người lao động nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả công việc.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện kinh tế hiện nay, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với mỗi công ty nói chung và công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel nói riêng nhằm xác định được lợi nhuận doanh thu lời hay lỗ. Theo dõi tình hình hoạt động kinh doanh của công ty, theo dõi và phản ánh toàn bộ các thông tin nghiệp vụ phát sinh trong năm, cung cấp kịp thời cho ban lãnh đạo.

Khóa luận thể hiện được thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Devel. Sau thời gian thực tập tại công ty em đã hiểu về công tác kế toán, vận dụng những lý thuyết đã học vào thực tế. Và em còn tích lũy được một số kinh nghiệm cho bản thân khi làm việc rèn luyện tác phong làm việc tại văn phòng. Tuy nhiên em còn hạn chế về trình độ của mình, nên cần trau dồi thêm nhiều kinh nghiệm cũng như các kỹ năng của mình.

Tại công ty này có nhiều ưu điểm cũng có nhiều hạn chế. Công ty thực hiện đúng chuẩn mực kế toán của nhà nước, em đã cho thấy thông qua bài khóa luận. Và cuối cùng em cảm ơn tất cả mọi người đã hỗ trợ em thông qua quá trình thực tập và đặc biệt em cảm ơn đến giảng viên hướng dẫn em hoàn thành khóa luận này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Văn bản pháp luật, chuẩn mực, thông tư:

- Bộ Tài chính (2005), Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác (ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 và Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005).
- Bộ Tài chính (2005), Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 17 – Thuế thu nhập doanh nghiệp (ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005).
- Bộ Tài chính (2016), Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Chính phủ (2021), Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Chính phủ (2020), Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.
- Chính phủ (2022), Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 28/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP.

B. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo:

- Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (2020), Giáo trình Kế toán tài chính, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
- Giáo trình giảng dạy kế toán tài chính doanh nghiệp: 1,2,3,4 tại trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng.

C. Trang thông tin điện tử, bài viết chuyên ngành:

Tin tức kế toán (2024), Hệ thống sổ sách kế toán theo Thông tư 133/2016/TT-BTC, truy cập tại: <https://tintucketoan.com>, Công ty TNHH Tư vấn Kế toán Doanh nghiệp TT200 (2024), Kế toán trong ngành dịch vụ vận tải hàng hóa, truy cập tại: <https://tt200.vn>.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ
NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔNKế toán.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng 6 năm 2026

MẪU ĐƠN KHAI BÁO SỬ DỤNG AI

Khai báo của Sinh viên về việc Sử dụng Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh có Trách nhiệm

Tôi, Nguyễn Thị Hồng Thương, cam đoan rằng tôi đã sử dụng có trách nhiệm các công cụ Trí tuệ Nhân tạo Tạo sinh (GenAI) trong quá trình chuẩn bị Khoá luận này. Bằng việc ký vào đơn này, tôi xác nhận các nội dung sau:

1. Khai báo sử dụng AI

Vui lòng cho biết bạn có sử dụng bất kỳ công cụ AI tạo sinh nào (ví dụ: ChatGPT, Gemini, v.v.) trong việc tạo ra bài làm này hay không:

- ☐ Có, tôi có sử dụng các công cụ AI trong bài đánh giá này.
- ☒ Không, tôi không sử dụng bất kỳ công cụ AI nào.

2. Chi tiết về việc sử dụng AI (Nếu bạn chọn "Có" ở trên)

- Các công cụ AI đã sử dụng:**

.....

.....

.....

- Mục đích sử dụng AI** (ví dụ: tìm ý tưởng, soạn thảo, tóm tắt, chỉnh sửa):

.....

.....

.....

- Các phần cụ thể có sự hỗ trợ của AI:**

.....

.....

.....

.....

.....

- Tôi xác nhận rằng tôi đã xem xét kỹ lưỡng và xác thực tất cả nội dung do AI tạo ra về tính chính xác, tính nguyên bản và sự phù hợp.

○ ☐ Có

3. Liêm chính, Trách nhiệm Học thuật và Tuân thủ Đạo đức và Pháp luật

- Tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung của bài nộp này và xác nhận rằng AI chỉ được sử dụng như một công cụ hỗ trợ, không phải là tác giả chính cho bài làm của tôi.
- Tôi xác nhận rằng AI không được sử dụng để ngụy tạo, làm giả hoặc thao túng dữ liệu.
- Tôi đã đảm bảo rằng không có dữ liệu bí mật hoặc riêng tư nào được chia sẻ với các công cụ AI mà không có sự cho phép thích hợp.
- Tôi đã tuân thủ tất cả các yêu cầu pháp lý liên quan đến bảo vệ dữ liệu và sở hữu trí tuệ, đồng thời đã trích dẫn nguồn một cách thích hợp.
- Bài đánh giá này phản ánh nỗ lực trí tuệ cá nhân của tôi, và trách nhiệm đối với bài làm này hoàn toàn thuộc về cá nhân tôi.

4. Cam kết

- Tôi hiểu rằng bất kỳ sự thiếu tuân thủ nào đối với việc sử dụng AI có trách nhiệm, bao gồm việc không khai báo sử dụng AI hoặc trình bày sai sự thật, có thể dẫn đến việc Khoá luận tốt nghiệp của tôi bị từ chối mà không cần xem xét thêm.
- Bằng việc ký vào đơn này, tôi khẳng định rằng bài nộp này phản ánh trung thực bài làm của tôi và tôi đã tuân thủ các nguyên tắc sử dụng AI có trách nhiệm.

Chữ ký: Nguyễn Thị Hồng Thương Ngày: _____

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHẬN XÉT CỦA ĐƠN VỊ THỰC TẬP

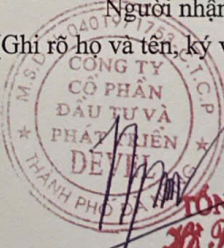
1. Thông tin chung

- Họ tên sinh viên: Nguyễn Thị Hồng Thương
- Trường: Đại học Kiến trúc Đà Nẵng
- Chuyên ngành: Kế toán
- MSSV: 2254010073
- Đơn vị thực tập: Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Devel

2. Nhận xét của đơn vị về quá trình thực tập của sinh viên

Trong quá trình thực tập tại công ty chúng tôi, sinh viên
Nguyễn Thị Hồng Thương có thái độ tích cực, ham học hỏi, tham gia
nghiệm hết khả năng của mình vào công việc, luôn hoàn thành
công việc được giao. Chấp hành tốt nội quy của công ty
và bảo đảm an toàn công nghiệp.

Người nhận xét
(Ghi rõ họ và tên, ký và đóng dấu)


TỔNG GIÁM ĐỐC
Ks Thị Kim Ngân

